



Tập thể tác giả nhóm Cánh Bướm
Chương trình Giáo dục Hiện đại

GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.

Tiếng Việt 5

HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

Các dạng hoạt động ngôn ngữ trong xã hội



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buôm
Chương trình Giáo dục Hiện đại



Tiếng Việt 5

HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

Các dạng hoạt động ngôn ngữ trong xã hội

**GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.**

TIẾNG VIỆT 5

© Nhóm Cánh Buồm

Sách này do nhóm Cánh Buồm tạo ra và cấp phép sử dụng theo giấy phép **Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 4.0 International License (CC BY-NC-SA 4.0)**. Theo giấy phép này, mỗi người dùng hoặc phân phối lại cuốn sách dưới bất kỳ hình thức nào (dạng số hoặc dạng in) đều phải dẫn nguồn bản quyền của cuốn sách và giữ nguyên dòng “Tải về miễn phí tại <https://canhbuom.edu.vn/sachmo/>” trên mỗi trang tài liệu, hoặc trong trích dẫn trở tới trang kể trên.

Liên lạc:

Chương trình Giáo Dục Hiện Đại – Nhóm Cánh Buồm

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM TOÀN, NGUYỄN THỊ THANH HẢI,
ĐINH PHƯƠNG THẢO, VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
TẠ PHƯƠNG ANH và PHẠM HẢI HÀ

Minh họa:

HÀ DŨNG HIỆP, NGUYỄN PHƯƠNG HOA
VÀ MỘT SỐ HÌNH ẢNH TỪ INTERNET

Lời dặn bạn dùng sách

Chương trình lớp Năm kết thúc bậc tiểu học – bậc học phương pháp học.

Phương pháp học tiếng Việt nằm trong những thao tác nghiên cứu mà các nhà ngôn ngữ học dùng để khám phá tiếng Việt. Nói cách khác, ở bậc tiểu học, học tiếng Việt là *đi lại con đường nhà ngôn ngữ học đã đi*.

Trong bốn năm học trước, các em đã biết chắc chắn những gì thuộc về cách học ngôn ngữ tiếng Việt?

Trước hết, ngay từ lớp Một, các em biết cách học ngữ âm tiếng Việt để tự ghi được các TIẾNG của tiếng Việt, do đó tự đọc được tiếng Việt.

Lên lớp Hai, các em học các quy luật hình thành và phát triển TỪ tiếng Việt, do đó mà có năng lực và có ý thức dùng đúng các dạng từ tiếng Việt.

Lên lớp Ba, các em học các quy luật cấu tạo CÂU tiếng Việt, do đó có năng lực và ý thức dùng đúng các dạng câu tiếng Việt cả về cú pháp và logic.

Lên lớp Bốn, các em học cách tự tạo đoạn văn và bài văn tiếng Việt, do đó có năng lực và có ý thức tạo ra VĂN BẢN tiếng Việt.

Lên lớp Năm, các em học cách dùng các hiểu biết nói trên vào việc HỌC tiếng Việt trong các hoạt động XÃ HỘI ở ba địa hạt chính: ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ hành chính, và ngôn ngữ xã giao. Có thể coi việc học tiếng Việt ở lớp Năm như một cuộc tổng ôn tập.

Xin lưu ý một điều về sự phạm xuyên suốt bộ sách này: người dạy không giảng giải mà chỉ tổ chức các hoạt động để người học tự chiếm lĩnh kiến thức.

Chúc bạn thành công.

Nhóm biên soạn

Bài mở đầu

ÔN TẬP VỀ TỪ, CÂU VÀ VĂN BẢN TIẾNG VIỆT

NGỮ ÂM CỦA TIẾNG

1. Các em đọc to và đọc thầm đoạn thơ dưới đây:

Lượm

Chú bé loắt choắt

Cái xách xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh

Ca-lô đội lệch

Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích

Nhảy trên đường vàng...

(Trích *Lượm* – Tố Hữu)

2. Đoạn thơ trên có bao nhiêu tiếng?
3. Em còn nhớ mô hình ngữ âm một tiếng như thế này chứ?

ch	uông
----	------

- a. Em đánh dấu những tiếng có vần giống nhau trong các tiếng của đoạn thơ trên.
 - b. Em ghi những tiếng ăn vần trong đoạn thơ “Lượm” (ghi chú riêng cho loại vần lưng hoặc vần chân).
 - c. Hai cách nói: tiếng có vần giống nhau và những tiếng ăn vần theo luật thơ có nội dung khác nhau ra sao?
4. Em nhớ lại và chép một bài thơ Tám câu – Bảy tiếng (của Nguyễn Khuyến, Bà Huyện Thanh Quan, Trần Tế Xương,...) và đánh dấu những tiếng ăn vần của luật thơ đó.

*Ao thu trong **veo***

*Một chiếc bé tẻo **teo***

Sóng nước

*Lá vàng bay **vèo***

5. Các em thảo luận: Tại sao lại coi xinh xinh (có vần **inh**) và nghênh nghênh (có vần **ênh**) là có ăn vần với nhau? **inh** khác **ênh** chứ, làm sao ăn vần với nhau được? (Điều này cần nhờ cô giáo giảng thêm thôi: hỏi cô vần thông là gì).

TIẾNG VÀ TỪ

1. Em đọc to và đọc thầm hai khổ thơ *Lượm* tiết trước.
 - a. Em đếm xem có bao nhiêu tiếng?
 - b. Em đếm xem có bao nhiêu từ?
2. Em phát âm to từ “loắt choắt” và cho biết em nghĩ tới một hình ảnh gì? Làm lại như vậy với từ “phương phi”.
3. Em so sánh và giải thích hai mô hình sau bằng cách tìm những ví dụ minh họa:

**Âm thanh
rỗng nghĩa**

**Âm thanh
mang hình ảnh**

Tiếng (âm thanh)	Từ (âm thanh + hình ảnh)
/tò/	/tò/ /mò/
/kh/	/khò/ /khè/
/m/	/meo/ /meo/
/ùm/	/um/ /tùm/
	/ùm/ /ùm/
	/bao/ /trùm/
/ao/	hao/ /hao/
	/lao/ /đao/
	/xanh/ /xao/

4. Em đọc các câu thơ này:

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Em nhìn thấy những hình ảnh gì khi phát ra (và nghe thấy) các âm thanh *tát nước* – *ánh trăng vàng*

5. Em đọc câu thơ này của Hồ Xuân Hương:

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông

Chúng bảo nhau rằng “áy ái uông”

Em nhìn thấy hình ảnh gì khi đọc và nghe những tiếng “*áy ái uông*” đó?

6. Bà bị ốm. Bà mệt. Bà muốn em nấu cho bà bát *cháo hoa*. Em mang cháo cho bà và nghĩ bụng: *Cháo hoa*, chỉ là một âm thanh mang hình ảnh, nhưng thật là đẹp, thật thanh tao, nhẹ nhõm – khác hẳn với *cháo thịt*, *cháo tim gan*, *cháo gà*, *cháo vịt*, *cháo sườn*,...

Em viết một đoạn văn (có thể dài hơn năm câu) để bàn về âm thanh mang hình ảnh *cháo hoa*.

TIẾNG VÀ VẦN TRONG ĐỒNG DAO

1. Các em đánh dấu những tiếng ăn vần của đồng dao, sau đó làm nối vào bài đồng dao cho đúng cả vần lưng và vần chân:
 - a. *Lúa ngô là cô đậu nành
Đậu nành là anh dưa chuột
Dưa chuột là ruột dưa gang
Dưa gang là nàng dưa hấu...*
 - b. *Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Con ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật...*
 - c. *Con chim chích chòe
Mày ngồi đầu hè
Mày nhá gạo rang
Bảo mày vào làng...*
2. Em viết một đoạn văn năm câu giới thiệu cách ăn vần và ăn nhịp ở thể loại đồng dao Việt Nam. Chú ý cho ví dụ cụ thể từ những bài đồng dao đã học hoặc những bài đồng dao em sưu tầm được. Em cũng có thể tự tạo ra đồng dao để minh họa cho đặc điểm vần - nhịp của thể loại này.

THÀNH NGỮ

Việc 1 - Nghiên cứu mẫu

1. Các em so sánh cặp câu sau:

- a. Ông A tính nết dễ dãi, xuề xòa, dễ sống chung với mọi người.
- b. Ông B là con người ruột để ngoài da, xuề xòa, chín bỏ làm mười, chuyện đâu bỏ đó, không có cái thói bới lông tìm vết, nên ai ai cũng quý.

2. Các em nhận xét:

- Hai câu (a) và (b) có nói về cùng một con người không?
- Hai con người đó có tính nết giống nhau không?
- Hai con người đó được mô tả khác nhau như thế nào?

3. Các em ghi những thành ngữ đã được dùng trong câu (b):

.....;.....;.....
.....

4. Có thể nói như sau không: chín bỏ làm **tám** - ruột để ngoài **tay** - bới lông tìm **cánh**? Đó là đặc điểm gì của thành ngữ? Các em đặt tên cho đặc điểm đó.

Việc 2 - Tự luyện tập

Các em đặt câu với từng thành ngữ sau (tham khảo bài tập 2 nếu gặp khó khăn):

Ba cọc ba đồng - Chở củi về rừng - Cao chạy xa bay -
Ác như hùm - Ăn chắc mặc bền - Éch ngồi đáy giếng -
Khỏe như trâu - Khóc như mưa - Nặng như cối đá -
Vui như Tết - Ba chân bốn cẳng - Coi trời bằng vung.

THÀNH NGỮ

Ôn cái đã biết

1. Em chứng minh cách cấu tạo cố định của thành ngữ.

Có thể nói thế này không:

Chở củi về nhà - Trắng như trứng vịt bóc

Được voi đòi hổ - Cống rắn cắn vịt nhà

2. Em nối những ý liên quan với nhau trong bảng sau:

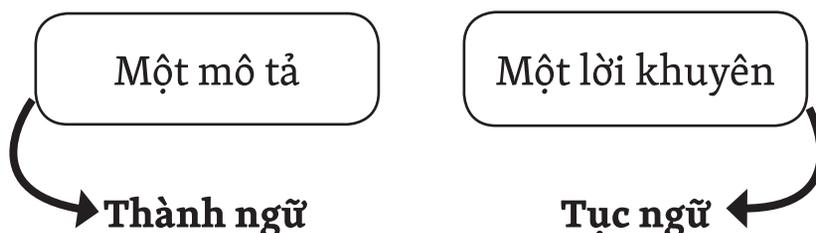
Thành ngữ	Mô tả điều gì
Chở củi về rừng	Tính xuề xòa
Cao chạy xa bay	Nóng không chịu nổi
Ác như hùm	Vững chắc, không gì phá nổi
Ba chân bốn cẳng	Có quan hệ xa gần với nhau
Coi trời bằng vung	Làm điều vô ích
Ếch ngồi đáy giếng	Ác lắm
Ba cọc ba đồng	Không coi ai ra gì
Dây mơ rễ má	Không thù hằn, không để bụng
Chín bỏ làm mười	Thu nhập cố định, ít ỏi (ăn lương)
Ruột để ngoài da	Trốn biến đi mất
Nóng như rang	Vội vàng
Vững như bàn thạch	Không coi ai ra gì

3. Thi xem em nào viết được nhiều câu minh họa cho tính nết con người hoặc hoàn cảnh con người được mô tả bằng các thành ngữ trên.

THÀNH NGỮ VÀ TỤC NGỮ

Việc 1 - Nghiên cứu mẫu

- Các em so sánh những cách nói sau:
 - Sáng nào bà A cũng ba chân bốn cẳng đi giao hàng rồi kịp về đưa con đi học. Vất vả thật!
 - Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây?
- Cách nói nào (a) hay (b) có chứa một thành ngữ, đó là thành ngữ gì?
- Cách nói (a) hay (b) là một tục ngữ? Em so sánh và giải thích hai mô hình sau bằng cách tìm những ví dụ minh họa:

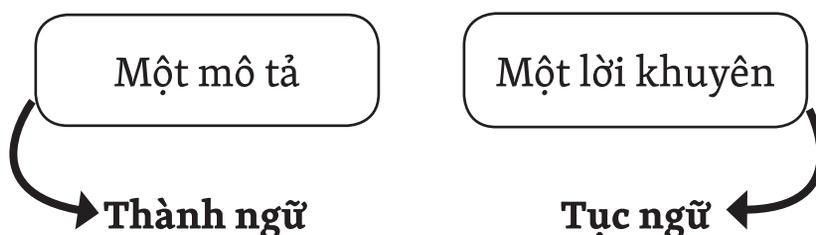


Việc 2 - Luyện tập

- Thành ngữ sau mô tả điều gì: điếc tai hàng xóm, gần nhà xa ngõ, ăn nên làm ra. Các thành ngữ đó khuyên nhủ gì không?
- Các tục ngữ sau cho lời khuyên gì:
 - Năng nhặt chặt bị - (khuyên:)
 - Kiến tha lâu cũng đầy tổ - (khuyên:)
 - Được mùa chớ phụ ngô khoai,
Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng - (khuyên:)
 - Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm - (khuyên:)
 - Buôn tàu bán bè không bằng ăn dè hà tiện - (khuyên:)

THÀNH NGỮ VÀ TỤC NGỮ

1. Em so sánh và giải thích hai mô hình sau bằng cách tìm những ví dụ minh họa:



2. Em dùng một thành ngữ sau: quần là áo lượt – quần quật cả ngày – làm không ngơi tay – tiêu tiền như rác – há miệng chờ sung – bình chân như vại – bắt cá hai tay để mô tả tính nết:

- Một người chăm chỉ.
- Một người ăn mặc sang trọng.
- Một người ăn tiêu quá phung phí.
- Một người ích kỷ, vô cảm.
- Một người lười biếng.

Mẫu: Ông bà A thật chăm chỉ, quần quật cả ngày ngoài đồng, làm không ngơi tay, chỉ mong dành dụm xây cái nhà cho con cái.

3. Sách này định nghĩa tục ngữ là lời nói dân gian từ xưa truyền lại cho ta bây giờ nhằm mục đích nói một lời khuyên.

Em đồng ý với định nghĩa đó không? Mời em viết một đoạn văn nói ý kiến của em về định nghĩa đó.

4. Mời em viết một đoạn văn nói ý kiến của em về định nghĩa tục ngữ nhưng viết theo hướng khác. Cho em sẵn:

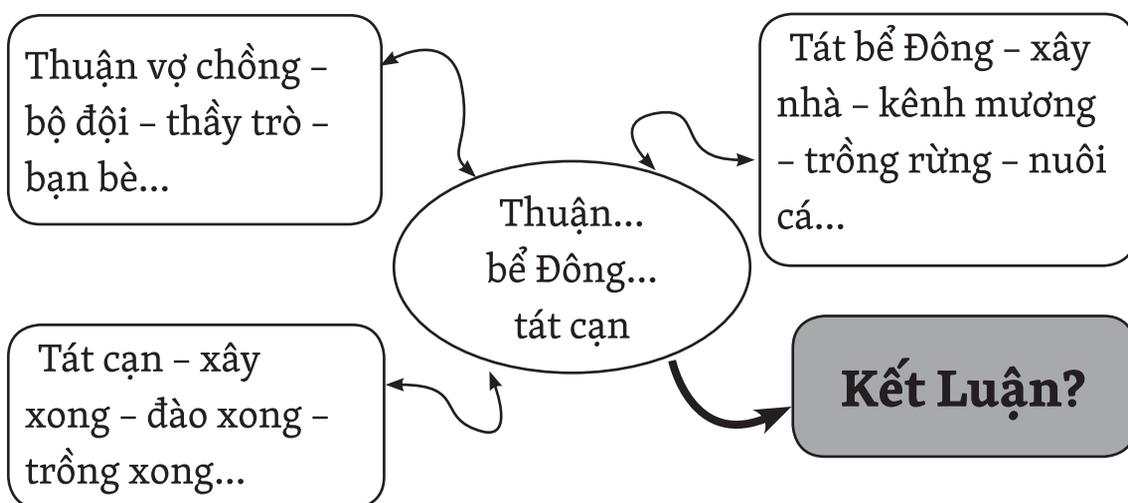
Câu chủ đề: Nhiều người định nghĩa tục ngữ chỉ là kinh nghiệm của người xưa, chẳng định khuyên nhủ ai điều gì, em phản đối ý kiến đó.

LUYỆN TẬP VỚI TỤC NGỮ

Việc 1 - Luyện tập (thao tác xuôi)

Em dùng thao tác liên tưởng để tìm nghĩa bóng (hoặc lời khuyên) của câu tục ngữ “Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn”.

Sơ đồ liên tưởng:



Việc 2 - Luyện tập (thao tác ngược)

Các em chia nhóm, mỗi nhóm nghĩ ra một câu chuyện, cuối chuyện kết thúc bằng một câu tục ngữ - kể miệng rồi viết ra:

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- Được mùa chớ phụ ngô khoai,
Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng?
- Con không chê cha mẹ khó, chớ không chê chủ nhà nghèo
(Tục ngữ Tày, Thái).
- Hổ chết để da, người ta chết để tiếng (Tục ngữ Tày, Thái).

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ lục bát (sáu tiếng - tám tiếng)

Việc 1 - Tự tìm luật “Bằng - Trắc”

1. Các em đọc hai câu thơ lục bát sau:

*Nhiều ĐIỀU phủ LẤY giá GƯƠNG
Người TRONG một NƯỚC phải THƯƠNG nhau CÙNG*

2. Cho các em mấy quy ước sau:

- a. Vần “bằng” (ký hiệu B) gồm các tiếng có thanh ngang, thanh huyền;
- b. Vần “trắc” (ký hiệu T) gồm các tiếng có các thanh còn lại của tiếng Việt.

3. Theo quy định trên, các em sẽ ghi luật thơ lục bát như sau có phải không:

b B t T b B

b B t T b B t B

Đố các em biết: vì sao cùng là vần bằng mà lại có ký hiệu b và B và cùng là vần trắc mà lại có ký hiệu t và T?

Trả lời: LUẬT thơ lục bát rất linh hoạt: các tiếng ghi bằng chữ t hoặc b (không ghi T hoặc B) thì người làm thơ CÓ QUYỀN KHÔNG THEO LUẬT.

Việc 2 - Cùng luyện tập

1. Mỗi em tự tìm một số câu lục bát để chứng minh luật bằng trắc của thể loại này.
2. Hoan hô bạn nào chứng minh cả những chỗ được quyền không theo luật bằng trắc ở những câu lục bát mình chọn.

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ lục bát (sáu tiếng – tám tiếng)

Việc 1 – Tự tìm luật “ăn vần”

1. Các em đọc to và đọc thầm:

Trăm năm trong cõi người **ta**,
Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét **nhau**.
Trải qua một cuộc bể **dâu**,
Những điều trông thấy mà **đau** đớn **lòng**.
Lạ gì bỉ sắc tư **phong**,
Trời xanh quen thói má **hồng** đánh **ghen**.
Cảo thơm lần giở trước **đèn**...

(Trích Truyện Kiều, Nguyễn Du)

2. Đố em tìm nhanh hai điều sau trong luật ăn vần:

- Chữ thứ 6 của câu 6 phải ăn vần với chữ thứ 6 của câu 8 và chữ thứ 8 của câu 8 phải ăn vần với chữ thứ 6 của câu 6 tiếp theo và cứ thế tiếp tục.
- Nếu chữ thứ 6 của câu 8 mà là thanh ngang thì chữ thứ 8 của câu đó (câu 8) phải là thanh huyền – và nếu chữ thứ 6 của câu 8 mà là thanh huyền thì chữ thứ 8 của câu đó (câu 8) phải là thanh ngang.

Việc 2 – Cùng luyện tập

- Mỗi em tự tìm một số câu lục bát để chứng minh luật ăn vần của thể loại này.
- Hoan hô bạn nào chứng minh cả những chỗ có luật thanh ngang và thanh huyền ở câu 8 của thơ lục bát mà em đã chọn ra để giới thiệu trước lớp.

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

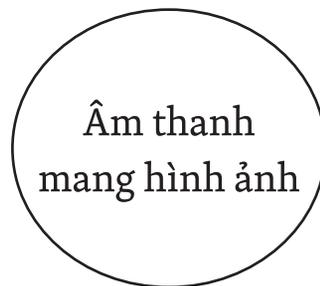
Tính tinh tế trong thơ lục bát

Việc 1 - Nhắc điều đã biết

Em còn nhớ mô hình Âm thanh rỗng về nghĩa và Âm thanh mang hình ảnh



Tiếng (âm thanh)



Từ (âm thanh + hình ảnh)

Em nhắc lại một số ví dụ minh họa cho mô hình trên.

Việc 2 - Ứng dụng vào đọc thơ lục bát

1. Các em đọc to và đọc thầm đoạn thơ này:

*Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lẫm theo ngọn tiểu Khê,*

Lần xem phong cảnh có bẽ thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đàng,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: Sao trong tiết Thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?
Vương Quan mới dẫn gần xa:
Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh.
Kiếp hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân thoát gẫy cành thiên hương.
Có người khách ở viễn phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ.
Buồng không lạnh ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

2. Các em cùng cô giáo tìm hiểu rõ nghĩa cả đoạn thơ trên. Nhờ cô giáo giải đáp các câu hỏi này:
 - a. Đoạn thơ trên kể chuyện cô Kiều làm gì? Trong tiết Thanh minh mọi người làm gì? Có một việc gì rất quan trọng trong tiết Thanh minh?
 - b. Nắm mồ không ai thăm trong tiết Thanh minh là mồ chôn ai? Chuyện gì đã xảy đến với người dưới mồ đó?

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Tính tinh tế trong thơ lục bát

Các em tiếp tục luyện cách đọc thơ lục bát:

a. Đọc từng hai tiếng một (cách đọc chính) – tập:

*Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Đập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm. (tiếp tục)
(Nguyễn Du)*

b. Theo nghĩa, phải ngắt khác đi – tập ngừng chỗ đánh dấu || :

*Rằng: || Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh || thế mà?
Vương Quan || mới dẫn gần xa:
Đạm Tiên nàng ấy || xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh.
Kiếp hồng nhan || có mong manh,
Nửa chừng xuân || thoát gầy cành thiên hương.*

Tự luyện tập

Đọc thơ lục bát theo cách hiểu của em và theo cảm hứng của em:

*Trời không nắng || cũng không mưa
Chỉ hiu hiu rét || cho vừa || nhớ nhung.
(Hồ Dzếnh)*

*Ôi Kim lang! || Hỡi Kim lang!
Thôi thôi || thiếp đã phụ chàng từ đây...
(Nguyễn Du)*

Trăng ơi || đừng bỏ kinh thành
Hồn cố đô || vẫn thanh bình || như xưa
(Đinh Hùng)

Thề non nước

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời nguyện nước thề non,
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơ vẻ ngọc nét vàng phiêu pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước chưa nguôi lời thề.
(Tản Đà)

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ tám câu bảy tiếng (Thất ngôn bát cú)

Việc 1 - Tự tìm quy luật dạng thứ nhất

Các em dùng bài *Mùa thu câu cá* của Nguyễn Khuyến để ghi luật bằng trắc và viết từng tiếng ăn vần.

Cùng làm:

B B T T T B B (**veo**)
 T T B B T T B (**teo**)
 T T B B B T T (không phải ăn vần)
 T B T T T B B (**vèo**)
 B B T T B B T (không phải ăn vần)
 T T B B T T B (**teo**)
 T T B B B T T (không phải ăn vần)
 T B T T T B B (**bèo**)

Việc 2 - Luyện tập

1. Các em đọc đồng thanh cả bài thơ dưới hình thức luật bằng trắc. Đọc cho thuộc (“Bằng bằng trắc trắc bằng bằng,...”).
2. Các em nhận xét: vần của thơ Đường chỉ gieo vào tiếng thứ mấy của câu?
3. Các em dùng ba bài thơ luật Đường của Nguyễn Khuyến (*Mùa thu câu cá*, *Mùa thu uống rượu*, *Vịnh mùa thu*) và đọc theo lối diễn xướng để cùng cảm nhận và thưởng thức tính chất du dương của tiếng và vần trong bài thơ.

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ tám câu bảy tiếng (Thất ngôn bát cú)

Việc 1 - Tự tìm quy luật dạng thứ hai

- Các em dùng bài *Qua đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan để ghi luật bằng trắc và viết từng tiếng ăn vần.

Cùng làm:

T T B B T T B (**tà**)
 T B B B T B B (**hoa**)
 B B T T B B T (không phải ăn vần)
 T T B B T T B (**nhà**)
 T T B B B T T (không phải ăn vần)
 B B T T T B B (**gia**)
 B B T T B B T (không phải ăn vần)
 T T B B B T B (**ta**)

Việc 2 - Luyện tập

- Các em đọc đồng thanh cả bài thơ dưới hình thức luật bằng trắc. Đọc cho thuộc (“Bằng bằng trắc trắc bằng bằng,...”).
- Các em nhận xét: Luật bằng trắc kiểu thứ hai của thơ Đường khác với luật bằng trắc kiểu thứ nhất ở chỗ nào? Đánh dấu vào chỗ khác nhau và cùng đọc đồng thanh nhấn mạnh vào chỗ khác nhau đó.
- Các em tìm những bài thơ luật Đường của nhiều tác giả (*Chạy giặc, Thăng Long thành hoài cổ,...*) và đọc diễn xướng để cùng cảm nhận và thưởng thức tính chất du dương của tiếng và vần trong những bài thơ đó.

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ song thất lục bát – một sáng tạo Việt Nam

Việc 1 – Ôn cái đã biết

1. Khi học Tiếng Việt ở lớp Hai, em học Từ thuần Việt trước hay học Từ Hán-Việt trước? Tại sao lại học từ thuần Việt trước từ Hán-Việt?
2. Em còn nhớ cách thức cha ông chúng ta Việt hóa từ Hán như thế nào không? (Tiếng Việt ở lớp Hai). Các em tìm ví dụ để giải thích sự hình thành các từ:

thầy **giáo**, cô **giáo**, nhà **giáo**, bà **giáo**,...

đấu võ, **đấu** bốc, **đấu** kiếm, **đấu** trí, **đấu** súng,

chiếm đóng, **chiếm** đất, **chiếm** thành, **chiếm** nhà,

chiếm ruộng, **chiếm** rừng, **chiếm** ao chuôm,...

Việc 2 – Học cái mới: Thơ song thất lục bát

1. Em đọc to và đọc thầm:

Thuở trời đất nổi cơn gió **bụi**,
Khách má hồng nhiều **nổi** truân **chuyên**.
Xanh kia thăm thăm từng **trên**,
Vì ai gây dựng cho **nên** nổi **này**.

Trống Tràng Thành lung **lay** bóng **nguyệt**,
Khói Cam Tuyền mờ **mịt** thức **mây**.
Chín lần gươm báu trao **tay**,
Nửa đêm truyền hịch đợi **ngày** xuất **chinh**.

Nước thanh **bình** ba trăm năm **cũ**,
Áo nhung trao quan **vũ** từ **đây**.
Sứ trời sớm giục đường **mây**,
Phép công là trọng, niềm **tây** sá **nào**.

Đường giong ruổi lưng **đeo** cung **tiễn**,
Buổi tiễn đưa lòng **bận** thê **noa**.
Bóng cờ tiếng trống xa **xa**,
Sâu lên ngọn ải, oán **ra** cửa **phòng**.

Chàng tuổi trẻ vốn **giòng** hào **kiệt**,
Xếp bút nghiên theo **việc** đao **cung**.
Thành liền mong tiến bộ **rông**,
Thước gươm đã quyết **chẳng** **dung** giặc **trời**.

Chí làm **tra**i dậm nghìn da **ngựa**,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng **mao**.
Giã nhà **đeo** bức chiến **bào**,
Thét roi cầu Vị, ào **ào** gió **thu**.

(Trích Chinh phụ ngâm – Đặng Trần Côn,
Đoàn Thị Điểm dịch)

2. Em cùng cô giáo tìm hiểu rõ nghĩa cả đoạn thơ trên. Nhờ cô giáo và cùng cô giáo giải đáp các câu hỏi này:
- *Chinh phụ ngâm* kể chuyện gì?
 - Nghĩa của các cách nói này là gì: cơn gió bụi – lung lay bóng nguyệt – gươm báu trao tay – áo nhung trao quan vũ – phép công... niềm tây – cung tiễn – thê noa – dậm nghìn da ngựa – hồng mao – chiến bào

TIẾNG VÀ VẦN TRONG CÁC THỂ THƠ

Thơ song thất lục bát – một sáng tạo Việt Nam (tiếp)

Việc 1 – Tự tìm ra luật song thất lục bát

1. Trong những khổ thơ em vừa đọc tiết trước có cả những câu thơ lục bát. Ngoài ra còn có cả loại thơ nào nữa? Em giải thích tại sao lại gọi tên thể thơ này là song thất lục bát (7 – 7 – 6 – 8)?
2. Cách tạo ra thể loại thơ lục bát là của riêng dân tộc nào? Em có thấy Trung Hoa có thơ lục bát không? Trung Hoa có kiểu thơ gì em đã học?
3. Em có thấy Nhật Bản có thơ lục bát không? Nhật Bản có kiểu thơ gì em đã học?
4. Để em diễn đạt luật song thất lục bát cách nào cho dễ hiểu nhất – nhớ chứng minh bằng cách đọc một hai khúc thơ – để cả lớp thấy rõ em đã hiểu và yêu thể thơ song thất lục bát.
5. Trong thể thơ song thất lục bát, hai câu thơ bảy tiếng được học từ thể thơ nào? Hai câu thơ bảy tiếng đó cộng với hai câu lục bát khiến cho thơ song thất lục bát du dương như thế nào? Em đọc to một khúc để chứng minh ý em.

Việc 2 – Trình diễn thơ song thất lục bát

Các em chia nhau thi đọc thơ song thất lục bát trước lớp (Gợi ý cho các em: nếu có điều kiện, hãy ghi âm giọng các em – nếu ghi âm và ghi hình được thì càng hay. Đến cuối năm học, các em sẽ thấy vô cùng xúc động đấy! Không nói dối đâu!).

VẦN VÀ LUẬT TRONG THƠ

Việc 1 - Đọc thầm bài thơ sau

Vịnh con cóc

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngòi.
Chép miệng nuốt ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.

(Lê Thánh Tông)

Việc 2 - Tự luyện tập

Thảo luận chung:

- Bài thơ này theo luật gì? Sao em biết?
Nhưng bài thơ chỉ có bốn câu, có gì gần với thể tám câu - bảy chữ không?
Em đã từng gặp những bài thơ chỉ có bốn câu thể này chưa?
Em đọc bài đó trước cả lớp.
- Các em lấy bài thơ này để giải thích luật bằng - trắc, luật ăn vần của thơ luật Đường.

Việc 3 - Tìm vẻ đẹp của âm thanh có hình ảnh

- Em nói tiếng sồi. Em vừa nói tiếng sồi vừa nghĩ thầm đến loại vải thô có tên là sồi và tưởng tượng tay mình chạm vào loại vải thô nháp - như là da con cóc đó.
- Em tìm những từ cho thấy con cóc của Lê Thánh Tông rất oai vệ, rất có quyền uy. Phát âm các từ đó và nghĩ đến hình ảnh âm thanh của chúng.
- Các em thi nhau đọc diễn xướng bài thơ *Vịnh con cóc* của Lê Thánh Tông.

VẦN VÀ LUẬT TRONG THƠ

Việc 1 – Đọc thâm câu chuyện sau

Bài “Con cóc” của bốn ông nghề thời Tây Sơn

Chuyện kể rằng sau khi vua Quang Trung đại phá quân Thanh, triều đình có tổ chức lễ khao quân để mừng các tướng sĩ thắng trận. Trong số đình thần có bốn ông tiến sĩ xin làm một bài thơ ca tụng chiến công của nhà vua. Ý kiến tâu lên được nhà vua chấp thuận nhưng đầu đề và vần phải do nhà vua chọn. Sau khi suy nghĩ hồi lâu, nhà vua bèn ra đầu đề “Con cóc” và lấy vần “bàm”. Ra đầu đề và vần xong, nhà vua lại bắt buộc tất cả bốn ông tiến sĩ phải đứng xếp hàng một, mỗi ông làm một câu, hễ ông trước làm xong bước lên thêm thì ông sau phải ứng khẩu tiếp ngay, nếu bài thơ không thành, mỗi ông sẽ bị phạt uống một tô rượu.

Bốn ông nghề bắt đầu làm, ông thứ nhất khởi đọc:

Nghiến răng lừng biển Bắc,

Ông thứ hai tiếp theo:

Tắc lưỡi dậy trời Nam.

Hay! Hay! Hai câu này thật là hay, đúng là con cóc lại ngụ ý nói lên được chiến công oanh liệt của vua Quang Trung đại phá 29 vạn quân Thanh ở Thăng Long do Lê Chiêu Thống dẫn đường sang và đánh chìm 500 chiến thuyền của quân Xiêm ở Kinh Xoài Mít tại miền Nam do chúa Nguyễn Ánh cầu viện về. Kể ra không kém gì hai câu: “Chép miệng nuốt ba con kiến gió – Nghiến răng chuyển động bốn phương trời” của vua Lê Thánh Tông.

Nhưng đến ông thứ ba mới là khổ! Phải làm sao cho ông thứ tư còn lấy được vần “bàm”, nếu không, mang danh là tiến sĩ mà để bị phạt

uống một tô rượu thì nhục lắm. Bởi nghĩ thế nên ông mới buộc lòng ứng khẩu đọc tiếp:

 Ấy nó là con cóc,
Thế rồi ông thứ tư đọc luôn:
 Chẳng phải quả bàm bàm.
Khi đọc xong, ai nấy đều ôm bụng cười:
 Nghiến răng lừng biển Bắc,
 Tắc lưỡi dậy trời Nam.
 Ấy nó là con cóc,
 Chẳng phải quả bàm bàm.

Thật ra, hai ông sau không phải là kém tài mà chính đó mới là hay, là sát nghĩa, vì cái dễ làm thì hai ông trên đã “hứng” mất rồi. Cái khó là làm sao phải gieo được vần “bàm”, nên hai ông tiến sĩ sau đành phải ứng khẩu một cách nô nê như vậy.

(Giai thoại văn học)

Việc 2 – Hiểu kỹ thêm câu chuyện

1. Khi học lịch sử, em đã biết tại sao lại gọi vua Quang Trung là “người anh hùng áo vải”?
2. Vua Quang Trung nổi tiếng vì tính cách xuề xòa, dễ dãi. Các em tự đọc bài viết dưới đây:

Pho tượng lạ

Chùa Bộc thuộc làng Khương Thượng, Hà Nội, đã được xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia. Khương Thượng nằm ở vùng Đống Đa, nơi diễn ra trận chiến thắng oanh liệt của Quang Trung – Nguyễn Huệ đánh tan gần 29 vạn quân Thanh. Ngày nay, ngôi chùa cổ kính nằm trên phố Chùa Bộc.

Ngôi chùa có pho tượng lạ này trước đây có tên là Sùng Phúc Tự.

Cho đến bây giờ cũng không ai biết được chùa được xây dựng từ thời nào. Cả những bí ẩn về pho tượng lạ vẫn chưa ai làm sáng tỏ được.



Tượng Đức Ông với một chân trần ở Chùa Bộc

Trong tòa tam bảo của ngôi chùa, ngoài việc thờ Phật, còn có một ban thờ Đức Ông ở phía bên phải. Nhưng ở đây không chỉ có một mà có đến ba pho tượng Đức Ông, với một pho tượng Đức Ông to hơn, ngôi cao hơn một bậc, ở bậc dưới có hai người ngồi, như thể đang ngồi bàn việc. Đặc biệt, pho tượng Đức Ông ngồi trên lại đội mũ xung thiên, một chân để trong hài một chân để ở ngoài, dáng vẻ rất thoải mái. Ngài mặc áo ngoài có thêu rồng ẩn trong mây, lưng thắt đai trông rất oai nghiêm. Những chi tiết này là một sự bất thường so với tượng Đức Ông phổ biến ở các chùa, thường chỉ có một pho và không mặc áo thêu rồng.

Vì sao lại có sự bất thường ấy nhỉ?

Người làng Khương Thượng vẫn truyền nhau rằng cách đây trên 100 năm, có cụ Vũ Viết Ca trước khi qua đời, đã truyền lại cho con cháu chuyện pho tượng lạ với đôi câu đối cũng khác thường, sâu xa và bí ẩn.

Phía trên pho tượng có bức hoành phi khắc bốn chữ “Uy phong lâm liệt” treo trước bàn thờ, hai bên tả hữu pho tượng lạ có đôi câu đối:

“Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đống vũ”,

“Quang Trung hóa phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân”.

Nhiều ý kiến cho rằng pho tượng Đức Ông này chính là vua Quang Trung.

Có ý kiến cho rằng chưa thể kết luận rằng pho tượng lạ này là tượng Quang Trung, bởi trong sách Phật, Quang Trung cũng là tên của một vị bồ tát hoá Phật.

Những ý kiến ngược lại cho rằng pho tượng Đức Ông ở chùa Bộc rất có thể là tượng vua Quang Trung. Tại sao? Bởi vì trước sự trả thù dã man của nhà Nguyễn, những người ngưỡng mộ Tây Sơn đã phải tìm cách che giấu vua quan nhà Nguyễn, nên đã mượn vị Bồ tát Quang Trung để biểu lộ lòng thành kính của họ đối với vị anh hùng của dân tộc.

Pho tượng thờ Đức Ông ở chùa Bộc từ xa xưa vốn đã mang trong mình nhiều bí mật. Bây giờ, tuy chưa thấy tài liệu chính xác nào cho biết ai đã tạc tượng, và pho tượng là ai, nhưng từ rất xưa rồi, người dân Khương Thượng và khách thập phương vẫn tin rằng pho tượng thiêng thờ Đức Ông chính là người anh hùng áo vải Quang Trung chứ không phải một ai khác.

(Cánh Buồm tổng hợp)

LUYỆN TẬP VUI

Các em chơi vui bằng cách dựng lại cảnh bốn ông nghề chào đón vua Quang Trung. Kịch bản như sau được không:

Ông nghề 1 - (*thay mặt*) Kính chào đức vua. Ngài đã toàn thắng. Xin cho chúng tôi đón ngài bằng một bài thơ.

Quang Trung - Hay lắm! Cảm ơn các vị. Nhưng xin các vị cho tôi ra mấy điều kiện, có được không?

Ông nghề 1 - (*hỏi các bạn*) Đức vua đang vui. Các vị có nhận điều kiện để cùng vui với đức vua không?

Ông nghề 2 - Kể cũng hơi run run...

Ông nghề 3 - Đức vua mới thắng giặc ngoại xâm giữ gìn bờ cõi nước Nam ta, thì đức vua ra điều kiện gì cũng vui vẻ nhận!

Ông nghề 4 - Xin nhà vua ra lệnh, chúng tôi muốn được làm thơ chào mừng nhà vua lắm rồi!

Quang Trung - Cái tình của các vị thật quý báu. Tôi là người áo vải cờ đào... Tình thế đất nước phía Bắc thì Lê Chiêu Thống rước quân Thanh vào... phía Nam thì chúa Nguyễn mời quân Xiêm La tới. Tình thế ấy bắt buộc ta phải ra tay giữ nước. Nay đất nước tạm bình yên, các vị làm thơ đi cho vui.

Ông nghề 1 - (*thay mặt*) Xin nhà vua ra điều kiện ạ.

Quang Trung - Xin đáp lại thịnh tình các vị. Mời các vị làm bài thơ tứ tuyệt, vịnh con cóc - ha ha ha, tôi thích con cóc vì nó ngẩn rãng thì Trời cũng sợ - ha ha ha, thêm điều kiện nữa, là bài thơ phải mang vần *bà-m* - tôi không định làm khó các vị, nhưng con cóc rất giống quả *bà-m*, còn gọi là quả cóc... và xin ra điều kiện nữa, nếu các vị không hoàn thành bài thơ thì...

Các ông nghề – (*giữ đầu*) Xin nhà vua giữ cho chúng tôi cái đầu...

Quang Trung – (*cười to*) Giữ đầu suy nghĩ cho các nhà trí thức, giữ cả miệng để các nhà trí thức uống rượu nữa: hễ không hoàn thành hoặc bài thơ sai luật, thì mỗi vị phải uống một bát rượu to...

Ông nghề 1 – Nào cố lên... Tôi xin đọc *Nghiến răng lừng biển Bắc*...

Ông nghề 2 – Hay quá, đúng là cảnh phương Bắc quân Thanh và bọn Lê Chiêu Thống chết như ngã rạ... Tôi xin đọc câu tiếp theo *Tắc lưỡi dậy trời Nam*.

Quang Trung – (*cười to*) Giờ đến hai câu tiếp theo mới khó đây! Xem tài trí thức nào...

Ông nghề 3 – Ấy nó là con cóc,

Ông nghề 4 – Chẳng phải quả bàm bàm.

Quang Trung – (*cười to*) Quân đầu, mang thật nhiều rượu lên đây, để ta thết các vị đã làm bài thơ rất hay bằng tiếng Nôm! Phải làm thơ Nôm. Phải yêu tiếng nói của dân ta. Không cần khuôn phép gì của bên ngoài áp đặt. Hoan hô con cóc! Xin các ông nâng cốc và từng vị đọc lại câu thơ của mình.

(*Cùng nhau uống rượu, từng vị thỉnh thoảng lại đọc cả bài thơ, và vui cười*).

VẦN VÀ LUẬT TRONG THƠ

Việc 1 - Đọc thâm câu chuyện vui sau

Bài thơ con cóc

Có ba ông vẫn tự đắc là mình hay thơ Nôm. Một hôm, ba ông rủ nhau đi chơi chùa, để cùng làm thơ tức cảnh.

Nhưng đến chùa, không biết làm thơ gì, họ mới bảo nhau hãy đưa tiền cho ông từ (là người coi giữ chùa) đi mua rượu và đồ nhắm về đánh chén đã: hễ rượu vào rồi, thì tự khắc thơ sẽ ra tuôn tuột!

Đồ nhắm được mua về, ba ông ngồi bắt chân chữ ngũ, gật gù uống rượu, rung đùi nghĩ thơ.

Chợt thấy con cóc ở trong xó, nhảy ra. Một ông mới ngâm rằng:

Con cóc trong hang,

Con cóc nhảy ra.

Ông thứ hai đọc tiếp:

Con cóc nhảy ra,

Con cóc ngồi đấy.

Ông thứ ba:

Con cóc ngồi đấy

Con cóc nhảy đi.

Ba ông cùng vỗ đùi, cười ồ cả lên khen rằng: “Hay! Hay! Hay thật!”

Cười chán rồi, một ông bảo rằng: “Thơ ta tuyệt cú! Mà ta xuất khẩu thành chương như thế thì tôi lo lắm, hai tiên sinh ạ. Lo rằng thánh nhân người có dạy: ai mà linh khẩu lắm thì chẳng tránh được chết non. Vậy ta phải nên liệu trước.”

Hai ông kia lấy làm phải lắm, bèn mời ông từ ra, nói hết đầu đuôi; rồi đưa tiền nhờ mua hộ ngay cho ba cỗ ván.

Ông từ cầm tiền đi mua. Một chốc đem về bốn cái áo quan. Ba ông hay thơ mới hỏi: “Sao lại mua những bốn cái thế?”

“Thưa các ngài, tôi mua thêm một cái cho tôi, bởi vì tôi buồn cười quá, cũng đến chết mất.”

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

Việc 2 - Luyện tập vui

1. Các em chia thành nhóm bốn em. Tự dựng vở diễn theo câu chuyện vui bên trên.
2. Từng nhóm diễn trước lớp.
3. Hỏi ý kiến em (chưa cần em trả lời ngay): qua câu chuyện vui, em thấy dân ta coi trọng hay không coi trọng luật lệ thơ cổ điển?

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Việc 1 - Tự tìm các loại từ đã học

1. Các em chia nhóm, đọc to lại đoạn thơ *Lượm*, và cùng xác định tên gọi của các từ sau - giải thích vì sao em gọi bằng tên đó - từng nhóm báo cáo kết quả trước lớp:
 - a. Loắt choắt - xinh xinh - thoăn thoắt - nghênh nghênh
 - b. **Chú** bé - **em** bé - **thằng** bé - **đứa** bé - **cậu** bé
 - c. Mũ len - mũ dạ - mũ nồi - mũ ca-lô - mũ rơm - mũ bảo hiểm - mũ sắt - mũ cối - mũ tai bèo
 - d. Mũ nón - mũ áo - giày dép - dép giày - áo xống

2. Từng em trả lời viết:
 - a. Những từ láy ở bài tập 1.a. thuộc kiểu láy nào?
 - b. Những tiếng in đậm trước từ *bé* ở bài tập 1.b. có tên gọi là gì? Em cho ví dụ thêm về danh từ chỉ đơn vị: chó; mưa; nhà tranh
..... lâu đài; (các em tự nghĩ thêm).
 - c. Những từ ghép ở bài tập 1.c. thuộc kiểu ghép nào? Sao em biết?
 - d. Những từ ghép ở bài tập 1.d. thuộc kiểu ghép nào? Sao em biết?
 - e. Các em tìm hiểu rồi trả lời nghĩa riêng những từ in đậm: mũ **mã**, áo **mã**, áo **xống**, **yếm** áo, xe **cộ**, xe **pháo**...

Việc 2 - Tự sơ kết

Trong tiết học vừa rồi, em học ôn những gì về từ tiếng Việt?

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Dùng từ đồng nghĩa có lợi gì?

Việc 1 - Nghiên cứu mẫu

1. Dưới đây có nhiều từ em đã học:

Chú bé - em bé - thằng bé - đứa bé - cậu bé - con bé - cô bé

2. Các em cho biết tất cả những từ này đều dùng để gọi tên một sự vật gì?

3. Các em đọc to và đọc thầm những cách dùng này và nói về thái độ của người dùng từ:

- - **Thằng bé** đang bơi như cá kình kia là con ai vậy?
- Thằng Tèo nhà ông Tòng đó, không nhận ra à?
- **Con bé** kia, **thằng bé** kia nữa, lui ra cho xe cứu thương đi.
- Những **em bé** đẹp như thiên thần, những **cô bé**, những **cậu bé** đang học lớp Năm, sao mà yêu thế!
- Này, mấy **em bé** kia, mấy **cô bé**, **cậu bé** kia, sao lại nghịch đất lấm lem thế? Về nhà tắm rửa ngay!
- **Chú bé** loắt choắt, cái xác xinh xinh,
Như con chim chích, nhảy trên đường vàng...

Việc 2 - Tự sơ kết

1. Thế nào là từ đồng nghĩa? Cho một số ví dụ về cách nói văn minh nhờ dùng từ đồng nghĩa.
2. Cách dùng từ đồng nghĩa gắn với thái độ người dùng. Đúng vậy không? Cho ví dụ.
3. Có khi nào thái độ dùng từ đồng nghĩa lại vừa yêu vừa ghét không? Em cho ví dụ.

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Củng cố cách nói đồng nghĩa

Việc 1 - Ôn cái đã biết

- Em giải thích từ đồng nghĩa theo nghĩa Hán-Việt. Em cho một số ví dụ.
- Em và cả nhóm cùng thống kê các từ đồng nghĩa với: **hiền** (hiền lành) - **ác** (ác độc) - **sợ** (sợ hãi) - **cố** (cố gắng).

Việc 2 - Học cái mới

Xem những cặp ví dụ sau:

- Có thể gọi khởi nghĩa Tây Sơn là khởi nghĩa của **nông dân**. Đúng thế, đó là cuộc khởi nghĩa của **những người áo vải**.
- Anh Bút đã **đi nghĩa vụ quân sự**, đã **vào bộ đội** rồi. Chẳng biết Bút có đủ cân đủ tuổi không mà đã **mặc áo lính**?
- Tình hình **vô cùng nguy hiểm**, có thể thất bại, các bạn ạ! Tình thế lúc này **ngàn cân treo sợi tóc**, không được chủ quan!

Việc 3 - Luyện tập

Chỉ ra cách nói đồng nghĩa thay thế được cho nhau:

dũng cảm	điếc không sợ súng
kiên nhẫn	một tác đến giờ
khéo léo	không biết chán nản là gì
yêu đời	không biết sợ là gì
dại dột	véo von suốt ngày
khoác lác	có bàn tay vàng

Việc 4 - Tự sơ kết

Cách nói đồng nghĩa có giúp ta sống tinh tế không, ý em thế nào?

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Luyện tập cách nói đồng nghĩa

Việc 1 - Ôn cái đã biết

1. Em giải thích thế nào là cách nói đồng nghĩa, cho ví dụ.
2. Dùng cách nói đồng nghĩa có lợi gì trong đời sống con người?
Em cho ví dụ.

Việc 2 - Học cái mới

Xem những ví dụ sau, chú ý các tiếng in đậm, thảo luận ý sau: những cách nói đồng nghĩa này khác gì với cách nói đồng nghĩa học tiết trước:

- (a) Tính tham lam rất **có hại** cho con người ta. Nếu nhớ chuyện **con chó ngoạm thịt qua cầu** thì sẽ đỡ tham.
- (b) Trong nhiều gia đình khá giả, con em kén ăn, khó chiều. Cứ **bỏ đói** ít bữa là xong hết! Cứ dùng cái mẹo **đại phong** là ăn cả **mâm đá** ấy chứ!
- (c) Con người ta khôn ngoan như nhau, nhưng **dại dột** thì không lường được. Có ai nhớ đến chú bé chần cừ trêu cả làng là **chó sói về ăn cừu**!
- (d) Chúng em được hướng dẫn là đã học điều gì là **phải học cho kỹ**, không học theo lối **ấy ái uông**.
- (e) Chúng ta cần nhớ đến chuyện **con trăn nuốt con voi**, vì thao tác tưởng tượng cần cho chúng ta trong mọi hoạt động - không chỉ khi học về nghệ thuật, mà ngay khi học Toán cũng cần nhớ đến **Hoàng tử bé**.

Việc 3 - Tự sơ kết

1. Em gọi tên cách nói đồng nghĩa này là gì cho dễ nhớ?
2. Em có thể tự tạo ra những cách nói đồng nghĩa như thế không, để dùng khi viết bài văn?

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Luyện tập cách nói đồng nghĩa bằng một từ

Chúng ta thường gặp hiện tượng này trong tiếng địa phương. Các em đọc, ghi nhớ, rồi đổ nhau nhớ lại và nói lại cho nhanh:

QUAN HỆ

1. Cách gọi cha: bố - ba - thầy - cậu - bộ
2. Cách gọi mẹ: mẹ - u - bầm - mế - mẹ - má - mợ - âm - mạ
3. Cách gọi người già: ông - bà - cụ - cố - bủ - lão - già
4. Cách gọi nhau: bạn - tôi - mình - cậu - tớ - tao - tau - mi - mây - mà - choa - bây

ĐỒ DÙNG

1. Bát - đọi - chén - tô
2. Ly - cốc - tách - chén
3. Nến - đèn cầy
4. Váy - xống - mấn - zúyp
5. Xe đạp - xe máy - xe máy dầu
6. Mũ - nón - nón lá - nón vải - mũ
7. Thuyền - ghe - thúng - vỏ lãi - vỏ tắc ráng - vỏ vọt

HOA QUẢ - TRÁI CÂY

1. Mận - đào - roi
2. Bưởi - bòng
3. Na - măng cầu - măng cầu Xiêm

CON VẬT

1. Lợn - heo - ỉn
2. Ngan - vịt Xiêm

Các em tự sưu tầm thêm để đưa vào TỪ ĐIỂN HỌC SINH của lớp.

ÔN TẬP - TỪ TIẾNG VIỆT

Luyện tập cách dùng đồng nghĩa

Việc 1 - Tập kể chuyện có dùng cách nói đồng nghĩa

Chia nhóm, tự chọn đề, cùng nghĩ ra một câu chuyện để kể trước lớp, trong đó phải dùng được các từ in đậm đã cho:

Đề 1:

A - ... một người **tham lam** (Nghĩa đen).

B - ... một người **mắt to hơn mồm, mồm to hơn bụng** (Dùng hình ảnh).

C - ... một người **tham thì thâm** (Thành ngữ, tục ngữ).

Đề 2:

A - Đó là một hành vi **nhân đạo** (Nghĩa đen).

B - Đó là một hành vi **quên mình vì người khác** (Dùng hình ảnh).

C - Đó là một hành vi **tiếng thơm để đời** (Dùng thành ngữ, tục ngữ).

Đề 3:

A - Đó là một thái độ **dại dột** (Nghĩa đen).

B - Đó là một hành động **ngịch dao không sợ đứt tay** (Dùng hình ảnh).

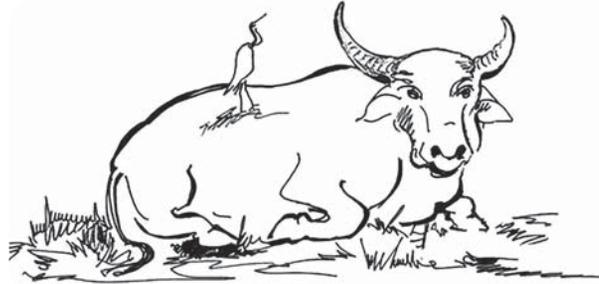
C - Đó là một thái độ **khôn nhà dại chợ - khôn ba năm dại một giờ** (Dùng thành ngữ, tục ngữ).

Việc 2 - Tự sơ kết

Em viết để kể lại một câu chuyện các nhóm mới kể. Em có thể thay đổi, thêm bớt, để câu chuyện hay hơn.

THUẦN VIỆT VÀ HÁN-VIỆT

Việc 1 - Nói và ôn từ thuần Việt



(Nguồn: Internet)

- Em nói những bộ phận trên con trâu bằng những từ chỉ có một âm tiết. **Trâu - sừng** - (em nói tiếp)
- Em nói những bộ phận trên con cò bằng những từ chỉ có một âm tiết. **Cò - cánh** - (em nói tiếp)
- Em nói cả câu để kể về những điều em nhìn thấy trên bức hình. Em nói:
 - Con cò đậu trên lưng con trâu.
 - Con trâu (em nói tiếp)
 - Con cò và con trâu (em nói tiếp)
 - Nếu con cò thì con trâu
 - Nếu con trâu thì con cò
 - Con cò không thể không nếu con trâu
 - Con trâu không thể không nếu con cò
- Các em dùng những cấu trúc logic khác để đố nhau và luyện câu tiếng Việt.

Việc 2 - Viết đoạn văn

Em viết đoạn văn năm câu (có thể dài hơn) để nói ý sau: người Việt Nam sống với cảnh vật tự nhiên trước khi giao lưu với văn hóa Trung Hoa... Vì thế từ thuần Việt phải có trước từ Hán-Việt.

ĐIỂN TÍCH HÁN-VIỆT

Việc 1 - Đọc văn bản

Tái ông thất mã

Một ông lão tên là ông Tái sống ở gần biên giới giáp với nước Hồ phía Bắc nước Trung Quốc, có nuôi một con ngựa. Một hôm con của ông lão dắt ngựa ra gần biên giới cho ăn cỏ, vì lơ đãng nên con ngựa vọt chạy qua nước Hồ. Người trong xóm nghe tin mất ngựa đến chia buồn với ông lão.

Ông lão là người thông hiểu việc đời nên rất bình tĩnh nói:

- Biết đâu con ngựa chạy mất ấy lại đem điều tốt về cho tôi!?

Vài tháng sau, con ngựa chạy mất ấy quay trở về, dẫn theo một con ngựa của nước Hồ, cao lớn và mạnh mẽ.

Người trong xóm hay tin liền đến chúc mừng ông lão, và nhắc lại lời ông lão đã nói trước đây. Ông lão không có vẻ gì vui mừng, nói:

- Biết đâu việc được ngựa Hồ này sẽ dẫn đến tai họa cho tôi?!

Con trai của ông lão rất thích cưỡi ngựa, thấy con ngựa Hồ cao lớn mạnh mẽ thì thích lắm, liền nhảy lên lưng cưỡi nó chạy đi. Con ngựa Hồ chưa thuần nết nên nhảy loạn lên. Có lần con ông lão không cẩn thận để ngựa Hồ hất xuống, ngã què chân.

Người trong xóm vội đến chia buồn với ông lão, thật không ngờ con ngựa không tốn tiền mua lại gây tai họa cho con trai ông lão như thế. Ông lão thản nhiên nói:

- Xin các vị chớ lo lắng cho tôi, con tôi bị ngã què chân, bất hạnh đấy, nhưng biết đâu nhờ họa này mà được phúc.

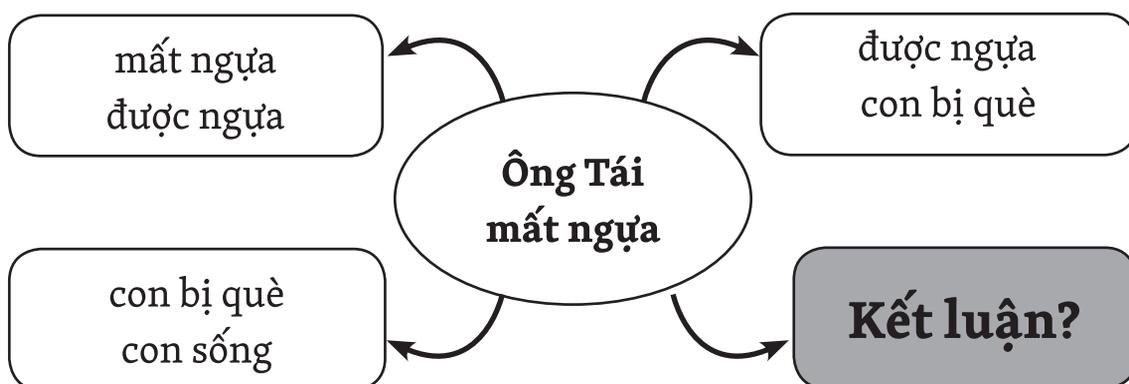
Một năm sau, nước Hồ kéo quân sang xâm lấn nước Tàu. Trai tráng trong vùng biên giới đều phải sung vào quân ngũ ngăn giặc Hồ. Quân Hồ thiện chiến, đánh tan đạo quân mới gọi nhập ngũ, tất cả trai tráng đều

tử trận, riêng con trai ông lão vì què chân nên miễn đi lính, được sống sót ở lại với gia đình.

(Truyện cổ Trung Hoa)

Việc 2 - Luyện tập

1. Dựa theo luật cấu tạo từ Hán-Việt, các em giảng nghĩa các từ sau: **Tái ông** và **thất mã**. Em dịch nghĩa cả cụm **Tái ông thất mã**, đó có nghĩa là:
2. **Thất mã** có nghĩa là “mất ngựa”. Vậy **thất trận** em dịch nghĩa là gì? Có dịch là “mất trận” không? Có dịch là “thua trận” không? Cách dịch nào dễ hiểu cho người Việt Nam?
3. Dựa vào thao tác liên tưởng, có thể vẽ sơ đồ câu chuyện “Ông Tái mất ngựa” (“Tái ông thất mã”) như thế này không:



Em chọn kết luận nào (ý nghĩa nào) từ truyện *Tái ông thất mã*:

- a. Trong buồn có vui, đừng bao giờ quá buồn!
(Bạn phải đi học xa, chia tay nhau thì buồn. Nhưng bạn sẽ học giỏi, mình vui).
- b. Trong vui có buồn, đừng quá vui! (Có thể như vậy không?
Mời em tìm ví dụ minh họa).
- c. Trong cuộc sống, cần bình tĩnh, vững vàng! (Có đúng như vậy không? Mời em tìm ví dụ minh họa).

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Viết văn bản

Nhiệm vụ giao cho em: viết một bài văn nói ý kiến của em về chuyện “Tái ông thất mã” dựa theo một số gợi ý cho em dưới đây rút từ các bài em đã học từ năm lớp Hai:

1. Anh Robinson Crusoe bị đắm thuyền trên biển – đó là thảm họa nếu không có nghị lực sống, nếu anh đầu hàng số phận.
2. Những con bò nông chuyên ngóng đợi mẹ đem thức ăn về. Nhưng trong một lần mẹ không kiếm được thức ăn, các con đã ăn nhầm gan ruột mẹ – bữa ăn cuối cùng của chúng. Nhưng từ khi mất mẹ, bò nông con bỗng phải tự sống, phải tự tạo cho mình sự cứng cáp.
3. Cô gái trong truyện *Một con chó hiền* có con chó yêu bị bà chủ đầu độc chết. Biết đâu đấy, cô sẽ bỏ nhà bà chủ mà đi, cô sẽ sống riêng và nuôi nhiều con chó hơn, và cô sẽ rất sung túc, cô sẽ giúp đỡ được những người bất hạnh như mình...

Mời các em dựa theo những gợi ý trên để viết một bài văn theo cách viết đoạn văn và bài văn đã học từ lớp Bốn.

Mong sẽ nhận được bài viết hay của các em.

ÔN TIẾNG VIỆT - ĐIỂN TÍCH HÁN-VIỆT

Việc 1 - Đọc văn bản

Chim Việt ngựa Hồ

Chim Việt đậu cành Nam

Chim Việt là loài chim sinh ở đất Việt, thuộc phía Nam nước Tàu. Mỗi năm cứ đến buổi đầu thu, từng đàn chim Việt lại bay sang phương Bắc để kiếm ăn. Vì khi thu sang, phương Bắc có nhiều chỗ có giống lúa mới vừa chín, lại thêm có nhiều hoa quả. Trái lại ở phương Nam vì mới giao mùa, lúa vừa động sữa, cây trái hiếm. Do đó, chim Việt phải đổ sang bên đây kiếm ăn.

Tuy sang phương Bắc nhưng đàn chim Việt vẫn nhớ quê hương. Muốn làm ổ, chúng chọn cành cây chìa về phương Nam, tức là phương của quê nhà nơi chim từng sinh trưởng.

Chim Việt làm tổ ở cành phía Nam (“Việt điểu sào Nam chi”) đó là để nói chuyện ngay đến con chim cũng biết nhớ quê hương, cố quốc.

Ngựa Hồ hí gió Bắc

Ngựa Hồ là ngựa ở nước Hồ. Nước này ở về phương Bắc của nước Trung Quốc mà ngày xưa người Trung Quốc thường cho đó là nước man rợ và được gọi là Phiên quốc. Ngựa Hồ cao lớn, leo núi rất giỏi, chạy rất nhanh. Người Trung Quốc thường mua về làm ngựa chiến trận. Nước Hồ vốn là xứ lạnh. Khi đông về, gió bắc thổi, tuyết rơi lả tả, gió lạnh tê tái.

Ngựa Hồ tuy về Trung Quốc, là nơi tương đối ấm áp, nhưng vẫn nhớ đến đất Hồ tê lạnh mỗi độ đông về. Vì thế, khi có gió bắc là gió phương

Bắc thổi đến, tuyết rơi lả tả nơi đất Trung Quốc thì ngựa cất tiếng hí lên thê thảm tỏ lòng nhớ cố quốc.

Có sách còn chép thêm: nước Hồ đem ngựa cống vua Hán ở Trung Quốc. Ngựa được nhốt vào chuồng cho ăn uống thật ngon và được chăm sóc rất kỹ. Nhưng khi gió bắc thổi đến thì ngựa lại bỏ cả ăn uống, ngóng về phương Bắc, và hí vang lên những tiếng bi thảm.

“Chim Việt ngựa Hồ” trở nên thành ngữ, có nghĩa bóng là không quên nơi quê hương cố quốc dù ở nơi đất khách quê người. “Chim Việt ngựa Hồ” là cách nói tắt của hai câu

Hồ mã tê Bắc phong,
Việt điệu sào Nam chi.

Nghĩa là:

Ngựa Hồ hí gió Bắc,
Chim Việt ở cảnh Nam.

Việc 2 - Luyện tập

1. Dựa theo luật cấu tạo từ Hán-Việt, các em giảng nghĩa các từ sau: **Việt điệu** và **Nam chi**. Chắc chắn các em đã dịch đúng là “chim Việt” và “cảnh Nam”. Nhưng còn chữ **sào** thì dịch thế nào? Tại sao có câu hỏi đó? Vì cùng một chữ **sào** nhưng đó có thể là *đanh từ* hoặc là *động từ*. Các em chọn dịch sao đây?
2. Luyện nói: em nói để giải thích tinh thần, ý nghĩa của hai câu thơ:

Hồ mã tê Bắc phong,
Việt điệu sào Nam chi.

và rút ra bài học cho mình về tình yêu tổ quốc, quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Em so sánh bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung Quân với cách diễn đạt *Hồ mã tê Bắc phong, Việt điệu sào Nam chi*.

Trong bài thơ *Quê hương*, Đỗ Trung Quân không có câu kết. Trong đoạn thơ cuối, Đỗ Trung Quân viết ba câu, rồi bỏ lửng không viết tiếp câu thứ tư:

*Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mưa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*

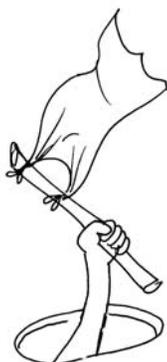
*Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi*

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương có ai không nhớ...*

Trong cả hai cách diễn đạt đều có chỗ bỏ lửng không nói hết lời, dành cho người đọc tưởng tượng và suy đoán.

Mời các em viết một bài văn nói về *quê hương* với những vật liệu là “Ngựa Hồ chim Việt” và bài thơ của Đỗ Trung Quân.

Bài 1

HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ**ĐẠI CƯƠNG HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ****Thảo luận**

1. Có đúng là “nó” xin hàng không? “Nó” có nói gì đâu?
2. “Nó” NÓI bằng cách gì? Giơ cờ trắng là xin thua trận à? Là xin hàng à?
3. “Nó” là ai? Và “Nó” nói với “Ai”?
4. Em có đồng ý với điều này không:

Hoạt động ngôn ngữ của con người là hoạt động của bên A và bên B dùng một loại tín hiệu ngôn ngữ để trao đổi thông tin với nhau.

Tự sơ kết

Em tự vẽ sơ đồ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ của con người như kết luận bên trên.

I. HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ BẰNG TÍN HIỆU CƠ THỂ

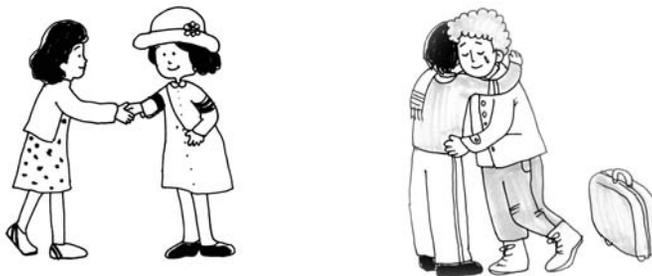
Việc 1 - Thảo luận tình huống



1. Những người đi săn có nói to không? Tại sao?
2. Họ dùng ngôn ngữ gì để nói với nhau?
3. Hai bên A và B trao đổi những thông tin gì?

Việc 2 - Luyện tập

Con người hiện đại có dùng ngôn ngữ cơ thể không?



Việc 3 - Tự sơ kết

1. Em kể ra những cách thể hiện ngôn ngữ cơ thể thời nay.
2. Viết đoạn văn năm câu: kịch câm là ngôn ngữ gì? Kịch câm gửi thông tin từ bên A là ai tới bên B là ai?

II. HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ BẰNG TÍN HIỆU ÂM THANH

Việc 1 - Làm để ôn cái đã biết

1. Em dùng hình thức kịch câm để thể hiện ngôn ngữ cơ thể, nói mấy điều sau: Tôi đang đói - Tôi khát - Tôi đang lạc đường - Cho tôi ngủ nhờ đêm nay - Con tôi đâu?
2. Thảo luận: dùng ngôn ngữ cơ thể để giao tiếp có nhược điểm gì?

Việc 2 - Thảo luận tình huống



1. Em mô tả tình huống xảy ra ban đêm khiến người xưa nghĩ ra cách hoạt động ngôn ngữ phù hợp hơn dạng ngôn ngữ cơ thể.
2. Con người khi đó sẽ dùng các cách gì để tạo ra âm thanh?
(Mỗi em nghĩ ra một cách).

Việc 3 - Tự sơ kết

Sang thời hiện đại, con người có vứt bỏ hoạt động ngôn ngữ bằng tín hiệu âm thanh không? Phương thức đó phát triển ra sao?

III. HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ BẰNG TÍN HIỆU ÁNH SÁNG

Việc 1 – Làm để ôn cái đã biết

1. Em dùng hình thức kịch câm để giới thiệu ngôn ngữ bằng tín hiệu âm thanh: Trống ngũ liên – Tàu hỏa vào ga – Nhường đường cho xe cứu hỏa – Trật tự trật tự!!! – Điện thoại mất tín hiệu.
2. Thảo luận: dùng ngôn ngữ âm thanh để giao tiếp có nhược điểm gì?

Việc 2 – Thảo luận tình huống

Đây là hoạt động ngôn ngữ kiểu gì?



Việc 3 – Tự sơ kết

1. Em kể ra một số cách người xưa đã dùng tín hiệu ánh sáng và màu sắc trong hoạt động ngôn ngữ.
2. Sang thời hiện đại, hình thức đó được kéo dài và phát triển như thế nào?

IV. HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ BẰNG NGÔN NGỮ TỰ NHIÊN

Việc 1 - Làm để ôn cái đã biết

1. Từng cặp hai em dùng hình thức kịch câm để nói về hoạt động ngôn ngữ bằng các loại tín hiệu: Cọ ơi, đèn đỏ, không đi được! - Tôi xin kể chuyện Bé Tí Hon gọi bố mẹ - Thành phố mất điện! - Bắn pháo sáng mà không thấy trả lời!
2. Thảo luận: dùng ngôn ngữ ánh sáng để giao tiếp có nhược điểm gì?

Việc 2 - Thảo luận tình huống



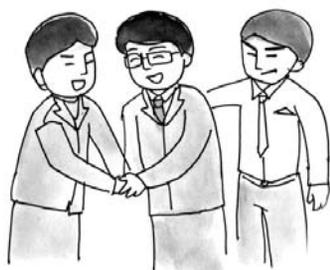
(1)



(2)



(3)



(4)



(5)

1. Trong cả năm tình huống trên, con người dùng dạng tín hiệu gì để hoạt động ngôn ngữ?
2. Em nghĩ ra và ghi lại hai câu đối đáp cho mỗi tình huống bên trên.

LUYỆN TẬP HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

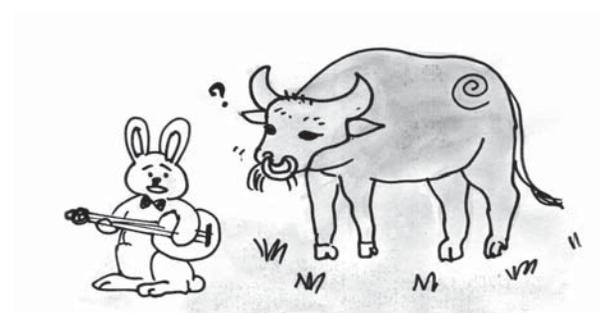
1. Các em xem những hình dưới đây và cho biết có diễn ra hoạt động ngôn ngữ giữa những nhân vật trong từng hình không? Vì sao?



“Điếc lòi tói! Chốc lại “hử... hử...”



“Các cụ cóc thêm chơi với mình”



“Đàn gảy tai trâu! Phí cả tài!”



“Nó chả hiểu gì mình cả!”

2. Các em viết vài ba câu đối đáp thật vui cho mỗi hình, nêu bật được hoạt động ngôn ngữ là như thế nào. Mấy gợi ý:
- Có chung hệ thống tín hiệu không?
 - Có bị nghẽn thông tin không?
 - Có thái độ hợp tác không?
 - Có hiệu quả gì không?

LỜI NÓI VÀ VĂN BẢN VIẾT

Chia nhóm tập vở kịch sau để thi nhau diễn trước lớp:



- Cháu bé, cháu đi đâu vậy?
- Cháu muốn vào đọc sách.
- Tên cháu là gì?
- Cháu là Jean Piaget.
- Cháu bao nhiêu tuổi?
- Cháu mười một tuổi.
- Phải đủ tuổi mới được cấp thẻ đọc sách đấy.
- Cháu chưa đủ tuổi nhưng cháu cần đọc thì làm thế nào ạ?
- À... à... khi đó cháu phải có công trình nghiên cứu khoa học...
- Cháu có một bài báo thế này, bác xem có được không ạ?
- Đưa đây coi... U chà chà... Bác quên kính, cháu đọc to bác nghe...

LỜI NÓI VÀ VĂN BẢN VIẾT

BÁO CÁO KHOA HỌC

Ngày 22 tháng 7 năm 1907

Tôi đã có một cơ hội khiến mình cực kỳ kinh ngạc, ấy là vào dịp cuối tháng sáu vừa rồi, tôi nhìn thấy một con chim sẻ có đầy đủ các đặc điểm của trạng thái bạch tạng. Mỏ của nó trắng nhạt, trên lưng và ở đôi cánh có nhiều lông trắng, cả đuôi cũng trắng như thế. Tôi bước tới gần nó để nhìn cho rõ hơn, nhưng nó bay đi mất, tôi chỉ còn dùng mắt thường dõi theo nó chừng vài ba phút, và liền đó nó mất hút khỏi Ngõ Bến Cảng.

Cũng ngày hôm nay, tôi đọc trên một số báo Nhân thông số ra năm 1868, có nói tới loài chim sẻ bạch tạng. Bài báo này khiến tôi nảy ra ý viết báo cáo nói lại những điều như vừa kể bên trên.

Ký tên

Jean Piaget



“Ha ha! Một con chim sẻ bạch tạng!”

Các em thảo luận:

1. Giữa câu chuyện của Piaget với bác bảo vệ và bài báo Piaget đưa cho bác có cùng nội dung gì?
2. Giữa câu chuyện Piaget nói với bác bảo vệ và bài báo Piaget viết ra, hình thức nào đáng tin cậy hơn?

LUYỆN TẬP VỀ LỜI NÓI VÀ VĂN BẢN VIẾT

Mời các em viết một bài văn nêu ý kiến về vấn đề sau: văn bản viết có được coi là một dạng hoạt động ngôn ngữ của con người không? Em dùng câu chuyện Jean Piaget mới học để làm tư liệu viết bài (Em có thể thêm tư liệu khác nếu em thấy thích).

Mấy câu hỏi gợi ý cho em:

1. Gợi ý cho đoạn mở đầu nêu vấn đề:
Em sẽ viết câu chủ đề như thế nào để nói về văn bản viết và hoạt động ngôn ngữ? Em sẽ viết câu chủ đề đó dưới dạng khẳng định hay phủ định hay nghi vấn?
2. Gợi ý cho thân bài:
 - a. Em sẽ dùng tư liệu nào trong câu chuyện Piaget nói và viết về chim sẻ bạch tạng để mở rộng ý đã nêu trong phần nêu vấn đề?
 - b. Em sẽ bình luận như thế nào về độ tin cậy giữa lời nói (dù không phải lời nói dối) và văn bản viết như trong vấn đề chim sẻ bạch tạng?
 - c. Trong chuyện này có gì còn đáng nghi ngờ để ta phản biện nhỉ?

3. Gợi ý cho kết luận toàn bài:

Dĩ nhiên, em nêu vấn đề ra sao thì em sẽ có kết luận như thế. Nhưng em có nên thêm thành ngữ, tục ngữ, ca dao để kết luận cho dễ nghe không? Chọn gì nhỉ? *Lời nói gió bay. Khẩu cú vô bằng* (Lời nói mồm phát ra không có bằng chứng nào hết). *Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy* (một lời nói ra, bốn con ngựa không đuổi bắt lại được). *Quân tử nhất ngôn. Nói có sách, mách có chứng.*

Chúc các em viết bài hay - em tự đánh giá trước khi gửi cô giáo:

Lập luận rõ

Dẫn chứng đủ

Lời văn giản dị

HỘI THẢO VÀ VUI CHƠI VỀ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

Phần 1 - Chơi kịch

Yêu cầu đối với mỗi đội kịch của mỗi nhóm:

1. Phải có một bạn nói lời giới thiệu (nói chứ không viết rồi đọc) theo kết cấu đoạn văn năm câu về HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ và hồi kịch sắp diễn.
2. Thi nhau thể hiện đúng tinh thần HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ của con người.

Kịch bản:

Mất rồi! Mất thật rồi mà!



Hồi 1

Bố: Thộn ơi!

Thộn: Con đây.

Bố: Thộn à... Con thộn lắm! Bố rất buồn vì con...

Thộn: Con hết thộn rồi mà!

Bố: Ồ, để coi! Bố dặn này: đây là thư của bố cho bác Hiệp.

Thộn: Đây là thư của bố cho bác Hiệp...

Bố: Giỏi lắm... Bố bạn đi lên tỉnh...

Thộn: À, ờ... Bố bạn đi lên tỉnh... Giỏi lắm...

Bố: Chán mở đời! Bố đi vắng, hể bác Hiệp tới thì đưa thư này cho bác. Rõ chưa con?

Thộn: Chán mở đời! Bố đi vắng, hể bác Hiệp tới thì đưa thư này cho bác. Rõ chưa?

Bố: Ôi giời!... Thôi bố đi đây!

Thộn: Hề hề hề... Thôi bố đi đây!... Bố đi ạ.



HỘI THẢO VÀ VUI CHƠI VỀ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ (tiếp)

Kịch bản:

Mất rồi! Mất thật rồi mà!



Hội 2

Bác Hiệp: Thộn ơi!

Thộn: Cháu đây.

Bác Hiệp: Thộn à... Cháu đỡ thộn chưa...?

Thộn: Cháu hết thộn rồi mà!

Bác Hiệp: Ồ, hết thộn rồi, để coi! Bố đi vắng hay ở nhà?

Thộn: *(lục tìm trong túi...)* Mất rồi!

Bác Hiệp: Thộn à! Cháu nói gì vậy?

Thộn: Mất rồi! Mất thật rồi! Mất thật rồi!

Bác Hiệp: Thộn à! Mất gì vậy?

Thộn: (*khóc lóc*) Mất rồi! Mất thật rồi! Mất thật rồi mà!

Bác Hiệp: Ôi! Em tôi mất rồi ư? Thật không hả Thộn?

Thộn: Thật mà! Mất rồi! Mất thật rồi! Mất thật rồi mà!

Bác Hiệp: Trời đất ơi! Em tôi mất rồi! Mới đó mà đã mất rồi! Ới em ơi là em ơi...



HỘI THẢO VÀ VUI CHƠI VỀ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ (tiếp)

Kịch bản:

Mất rồi! Mất thật rồi mà!



Hội 3

Thộn: Kia... Về rồi...

Bác Hiệp: Trời ơi, chú Ba! Thế mà cháu nói chú mất rồi!

Bố: Bác cả ạ...

Thộn: Về rồi... Về rồi... Về rồi...

Bố: Ừ, về rồi... Nhỡ xe chẳng về thì đi bộ lên tỉnh à?

Bác Hiệp: Ôi, tôi sợ quá! Cháu nói chú mất rồi!

Bố: Ôi trời, cái thằng này!

Thộn: Mất rồi mà!... Mất thật rồi mà!...

Bố: Mất gì kia?

Thộn: Mất rồi mà!... Mất thật rồi mà!...

SƠ KẾT CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

Các em xem hình ảnh dưới đây. Các em bắt chước tiếng kêu của từng loại con vật đó.



Thảo luận

- Các con vật đó có phát âm như con người không?
[Phát âm là gì? Là công việc tạo ra âm thanh ngôn ngữ do con người phát ra. Tưởng đơn giản, nhưng việc phát âm gồm ba giai đoạn: a) *Luồng hơi từ phổi đi ra*; b) *Sự tạo âm trong thanh quản*; c) *Sự cấu âm*.
- Cấu âm là gì? Là tạo ra những âm khác nhau từ những vùng khác nhau khi phát âm. Không cần hiểu thật sâu, các em chỉ cần làm như sau:
 - phát âm [b] [m] [v] [p] [ph] ... sẽ thấy khác với
 - phát âm [a] [e] [o] [ô] [u] ...
- Tiếng kêu của con vật có thành một hệ thống (Ngữ âm, Từ vựng, Cú pháp, Văn bản) như của con người không?
- Con vật có dạy “tiếng nói” của nó như dạy ngoại ngữ cho con vật khác không? Có thể dạy lợn sủa “gâu gâu”, “ẳẳ ẳẳ” được không?

Tự sơ kết

- Con vật có tiếng nói không, hay chỉ có tiếng kêu thôi?
- Có thể huấn luyện một con vật nói hoàn toàn như con người không?

HỘI THẢO HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ

Việc 1 – Viết báo cáo khoa học

Viết báo cáo Hội thảo khoa học lớp Năm khác với lớp Bốn vì đề tài nhiều hơn.

Khi Jean Piaget 11 tuổi – như các em hôm nay – bạn ấy viết báo cáo khoa học như thế nào? Đề tài gì? Bài viết dài hay ngắn? Nếu chú ý, em thấy bài viết của Piaget hoàn toàn nằm trong khuôn mẫu đoạn văn năm câu mà em đã học từ lớp Bốn:

Chủ đề (Hiện tượng)	Tôi đã có một cơ hội khiến mình cực kỳ kinh ngạc, ấy là vào dịp cuối tháng sáu vừa rồi, tôi nhìn thấy một con chim sẻ có đầy đủ các đặc điểm của trạng thái bạch tạng.
Mở rộng (Mô tả)	Mỏ của nó trắng nhạt, trên lưng và ở đôi cánh có nhiều lông trắng, cả đuôi cũng trắng như thế.
Phản biện (Nghĩ ngờ)	Tôi bước tới gần nó để nhìn cho rõ hơn, nhưng nó bay đi mất, tôi chỉ còn dùng mắt thường dõi theo nó chừng vài ba phút, và liền đó nó mất hút khỏi Ngõ Bến Cảng.
Sơ kết	Cũng ngày hôm nay, tôi đọc trên một số báo <i>Nhà thông số</i> ra năm 1868, có nói tới loài chim sẻ bạch tạng.
Kết luận	Bài báo này khiến tôi nảy ra ý viết báo cáo nói lại những điều như vừa kể bên trên.

Vậy các em có thể làm theo mẫu của Piaget:

- a. Kể chuyện LỚP EM CHƠI KỊCH
- b. Kể chuyện LỚP EM CÒN CÓ BẠN NGỦ NƯỞNG
- c. Kể chuyện LỚP EM TRỒNG CÂY

Các em có thể chọn viết thêm, ví dụ:

- a. Em muốn có thêm giờ chơi ngoài trời hơn là kéo dài giờ ngủ. Ca dao có câu “Cuộc đời được mấy gang tay, ai hay ngủ ngày còn có nửa gang”...
- b. Em muốn được đi thăm các chiến sĩ và nhân dân ngoài đảo xa của nước ta. “Biển đảo là khúc ruột của tổ quốc”.
- c. Em muốn, phải làm thế nào nhỉ?

Hình thức bài viết

Các em có quyền chọn:

- a. Đoạn văn năm câu.
- b. Đoạn văn năm câu kéo dài.
- c. Bài văn ba phần năm đoạn.

Việc 2 - Trình bày và thảo luận báo cáo khoa học

Việc 3 - Thu thập báo cáo khoa học để làm KỶ YẾU HỘI THẢO

TIẾT HỌC CHUYỂN TIẾP

Cùng thảo luận về

Một ngày của bác sĩ Hiếu

Trong ngày, một người như bác sĩ Hiếu có những hoạt động ngôn ngữ kiểu gì?



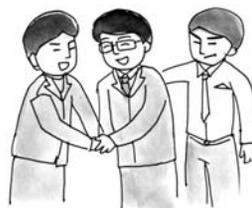
“Hôm nay chạy thi nhé!”



“Bữa sáng ngon quá, cảm ơn mẹ!”



“Y học đã biết được những gì về chứng trẻ lười ăn?”



“Bản báo cáo rất súc tích!
Chúc mừng cậu!”



“Xe của ông đi quá tốc độ cho phép!
Phải lập biên bản và ông phải chịu phạt!”

Tạm sơ kết:

CON NGƯỜI CÓ TIẾNG NÓI
VÀ CÓ HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ.

VẬY CON NGƯỜI CÓ
NHỮNG DẠNG
HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ GÌ?

Mời các em học tiếp sang các bài về:

1. Ngôn ngữ KHOA HỌC
2. Ngôn ngữ HÀNH CHÍNH
3. Ngôn ngữ XÃ GIAO

Bài 2

Hoạt động ngôn ngữ

NGÔN NGỮ KHOA HỌC

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Việc 1 - Cùng TÌM vấn đề

Các em ghi lại những điều nói ra và nghe được có diễn đạt bằng hoặc đi kèm hai tiếng KHOA HỌC.

Sứ mệnh khoa học

Nhiệm vụ khoa học

Tuyên ngôn khoa học

Giải thưởng khoa học

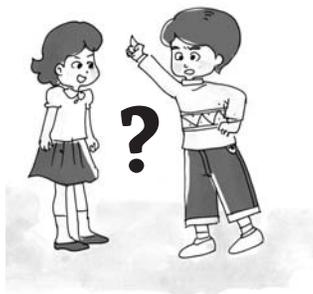
Khoa học

Tinh thần khoa học

Thái độ khoa học

Nghiên cứu khoa học

Văn bản khoa học



Viện khoa học

Đề tài khoa học

Báo cáo khoa học

Tạp chí khoa học

Phổ cập khoa học

Sức mạnh khoa học

Thành tựu khoa học

Ứng dụng khoa học

Nhà khoa học

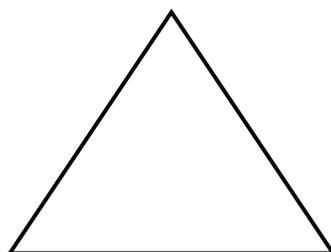
Việc 2 - Cùng NÊU VẤN ĐỀ

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC



**NHẪM MỤC ĐÍCH GÌ?
LÀM NHƯ THẾ NÀO?
TÁC ĐỘNG GÌ ĐẾN TƯ DUY CON NGƯỜI?**

A - Làm gì (MỤC ĐÍCH)?



**B - Làm như thế nào?
(PHƯƠNG PHÁP)**

**C - Thay đổi tư duy?
(TÁC ĐỘNG - KẾT QUẢ)**

Việc 3 - Tự sơ kết



“Không khoa học!”



“Phải chăm chỉ!”



“Học! Học! Học!”

Theo cảm hứng, em tự ghi sơ đồ ba nội dung hoạt động khoa học.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Việc 1 - Nhìn và nghĩ

Đã trải qua biết bao nhiêu đời, con người chỉ biết sống:



**Khi nào thì con người tự nêu ra câu hỏi và tự trả lời được:
Thế nào là một sinh vật?**

Việc 2 – Đọc thâm

Sinh học là gì?

Sinh học hay là Sinh vật học là một môn khoa học về sự sống. Nó là một nhánh của khoa học tự nhiên, tập trung nghiên cứu các cá thể sống, mối quan hệ giữa chúng với nhau và với môi trường.

Nó miêu tả những đặc điểm và tập tính của sinh vật (ví dụ: cấu trúc, chức năng, sự phát triển, môi trường sống), cách thức tồn tại của các cá thể và các loài (ví dụ: nguồn gốc, sự tiến hóa và phân bố của chúng).

Sinh học bao hàm nhiều ngành học khác nhau được xây dựng dựa trên những nguyên lý riêng. Có bốn nguyên lý tạo thành nền tảng cho sinh học hiện đại: lý thuyết tế bào, lý thuyết tiến hóa, lý thuyết di truyền, và lý thuyết cân bằng nội tại. Các môn học này có mối quan hệ qua lại với nhau, giúp ta hiểu về sự sống với các mức độ, phạm vi khác nhau.

Sự ra đời của sinh học bắt đầu từ thế kỷ 19, khi các nhà khoa học tìm thấy được các đặc điểm chung cơ bản giữa các loài. Ngày nay, sinh học trở thành một môn học chuẩn và bắt buộc tại các trường học và đại học trên khắp thế giới.

(Theo Wikipedia)

Việc 3 – Tự nghiên cứu

1. Thế nào là một định nghĩa? Em dùng định nghĩa về khoa “Sinh học” bên trên để giải thích.
2. Dựa trên hiểu biết từ Hán Việt, các em suy ra (chưa đúng hẳn cũng không sao):
 - a. Nghiên cứu Lịch sử gọi là khoa gì?
 - b. Nghiên cứu Địa lý gọi là khoa gì?
 - c. Nghiên cứu Văn hóa gọi là khoa gì?
 - d. Nghiên cứu Tôn giáo gọi là khoa gì?
 - e. Nghiên cứu Vũ khí gọi là khoa gì? (Cẩn thận kéo bị lừa)
 - f. Nghiên cứu đá cuội gọi là khoa gì?

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Nhiệm vụ giao cho em: sau khi đọc sẽ phải:

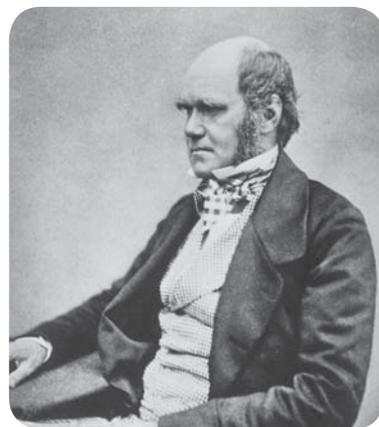
1. Kể lại: nhà khoa học Charles Darwin đã làm những công việc gì? làm nhằm mục đích gì? và làm như thế nào?
2. Trả lời: công trình quan trọng mà nhà khoa học Charles Darwin để lại là cuốn sách gì và có nội dung gì?
3. Trả lời: công trình của nhà khoa học Charles Darwin đã làm thay đổi tư duy con người như thế nào?

Tuy giao việc có vẻ nặng nề, song các em hãy đọc và thưởng thức câu chuyện lý thú về nhà khoa học Charles Darwin dưới đây.

Charles Darwin **nhà tự nhiên học và sinh vật học người Anh**

Tiểu sử văn tắt

Charles Darwin là con một gia đình trí thức. Từ bé, Darwin ham mê đùa nghịch ngoài đồng nội, thích đi lang thang trong rừng để nhặt nhạnh những mẫu đá, cây cỏ, sưu tập những loài sâu bọ... Gia đình cho ông đi học ngành y. Nhưng được hai năm, thấy "không có khả năng" với nghề y, gia đình lại chuyển ông sang học khoa triết để hi vọng ông trở thành giáo sĩ.

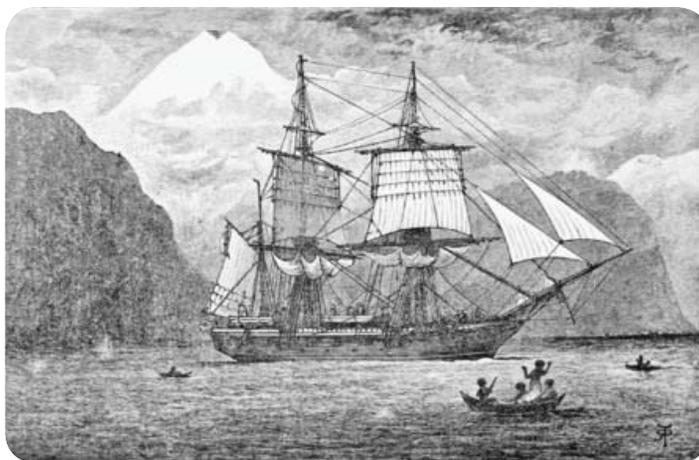


Charles Darwin -
(1809-1882)

Sau kỳ thi tốt nghiệp khoa triết vào loại trung bình, người ta chuẩn bị cho ông bộ áo dài đen của một thầy tu trẻ, thì một việc xảy ra làm đảo lộn hết thảy.

Chuyến khảo sát dài ngày

Trên con tàu Beagle, đang có một đoàn chuẩn bị đi khảo sát Nam Mỹ. Lúc đó 22 tuổi, Darwin tìm mọi cách để được tham gia cuộc khảo sát khoa học. Suốt năm năm trời (1831-1836), ông đã cùng con tàu Beagle đi dọc theo bờ biển châu Mỹ, châu Úc. Một phần thời gian (mười tám tháng) lênh đênh biển cả, hơn hai phần thời gian (ba năm ba tháng) trên đất liền. Ông đã quan sát thiên nhiên, sưu tầm các động thực vật, tìm hiểu phong tục thổ dân... (thu thập rất nhiều mẫu vật cây cỏ, hoa trái, động vật, còn mời được cả vài thổ dân sang nước Anh nữa). Ông viết nhật ký và thư từ trao đổi với bạn bè và gia đình về những kết quả sưu tập và những nhận xét khoa học. Trong lúc con tàu Beagle còn đang lênh đênh trên Thái Bình Dương, thì một người bạn của ông đã thông báo về những công trình sơ thảo của ông cho các hội viên của Hội khoa học Hoàng gia Anh. Cho nên khi ông trở về nước, ông đã được đón tiếp như một nhà bác học lớn.



Con tàu Beagle

Công trình “Nguồn gốc các loài”

Về nước, Darwin còn nhiều việc phải làm, phân loại mẫu sưu tập, chỉnh lý những tài liệu ghi chép, thực hiện thí nghiệm... mới hoàn chỉnh được học thuyết về tiến hóa đang thai nghén. Darwin đã dành suốt 20 năm để hoàn thành công trình nghiên cứu. Cuốn sách lâu nay vẫn quen gọi tắt “Nguồn gốc các loài” (tên tiếng Anh đầy đủ là “On the Origin of Species by Means of Natural Selection, or the Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life” – có nghĩa “Nói về nguồn gốc các loài qua con đường chọn lọc tự nhiên – hay là về sự bảo tồn các giống ưu đẳng trong cuộc đấu tranh sinh tồn”).

Xuất bản năm 1859, cuốn sách như một tiếng sấm làm rung chuyển màn mây mù tăm tối. Bằng những lập luận chặt chẽ trên cơ sở tư liệu phong phú, Darwin đã giải thích sự hình thành các loài sinh vật bằng quá trình tiến hóa chọn lọc, chứ không phải bằng “bàn tay Thượng đế” tạo ra. Học thuyết của ông đã lật đổ quan niệm cũ về tính cố định và bất biến của tự nhiên. Trong cuốn sách “Nguồn gốc các loài”, ông đã đưa ra một quan điểm có tính chất cách mạng nói rằng tất cả các loài sinh vật, từ con kiến cho đến con voi, đều nằm trong vòng chọn lọc của tự nhiên. Những con vật thích nghi với tự nhiên sẽ tồn tại; những con không thích nghi sẽ bị diệt vong. Nhà thờ và công chúng đã bị sốc nặng vì cuốn sách trên. Họ kêu: “Con người do Chúa trời tạo ra... Con người là loài siêu đẳng, độc nhất vô nhị.” Những cuộc tranh cãi bùng lên xoay quanh một quan điểm cốt tử: sự sống trên Trái Đất diễn ra như thế nào. Cuối cùng thế giới khoa học đã đồng ý với Darwin.

Kết luận

Lý thuyết của Darwin ngày nay có lẽ đã được toàn thể cộng đồng khoa học chấp nhận. Thực vậy, những nghiên cứu gần đây đã chứng tỏ rằng loài người xét cho cùng có chung một thủy tổ. Nhưng con người

thời ấy cứ tưởng mình là chúa tể sáng thế, mọi giống loài khác đều chịu sự thống trị của mình, và đôi khi còn bị loài người hủy hoại.

Giáo hội Thiên chúa giáo và một số nhà bác học thủ cựu đã kịch liệt học thuyết “phản chúa” của Darwin. Nhưng những công trình lý thuyết của Darwin và của các nhà khoa học khác, cùng những công trình thực nghiệm ở nhiều nước đã tạo thêm sức thuyết phục cho học thuyết tiến hóa và đã làm cho học thuyết Darwin chiến thắng.

Cuộc chiến đấu cho chân lý đã làm cho sức khỏe của ông giảm sút. Tuy nhiên, ông vẫn bắt tay vào soạn thảo những công trình kế tiếp để bổ sung hoàn chỉnh cho những lập luận về tiến hóa. Cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, khi đã 73 tuổi, ông vẫn không rời căn phòng làm việc. Ông mất ngày 19 tháng 7 năm 1882.

(Cánh Buồm soạn lại từ nguồn:

<http://www.thuviensinhhoc.com/sinh-hoc-doi-song/cac-nha-khoa-hoc/464-charles-darwin.html#ixzz3EXxJbPNG>

Ngôn ngữ khoa học chữ KHÁI NIỆM và TƯ DUY

Việc 1 – Darwin hoạt động khoa học nhằm mục đích gì?

1. Các em nhắc lại tiểu sử sơ lược của Charles Darwin.
Các em diễn hai vở kịch ngắn dưới đây để hiểu sự nghiệp khoa học của Darwin:

Vở một:

Mẹ: Sao con lại bỏ học? Học được hai năm rồi mà...?

Darwin: Con không thể thành bác sĩ Y khoa được.

Mẹ: Bảng điểm của con cao mà?

Darwin: Nhưng con của mẹ không thể thành đồ tể Y khoa được!

Mẹ: Con nói sao? Đồ tể Y khoa?

Darwin: Vâng! Con không đủ sức đánh vật với những cuộc mổ xẻ... Y khoa cần mổ xẻ, nhưng phải cao hơn thế...!

Vở hai:

Mẹ: Con lại bỏ học? Con không thích làm giáo sĩ?

Darwin: Giáo sĩ là công việc cao quý, cần cho những linh hồn đau khổ...

Mẹ: Vậy sao con lại bỏ khoa Thần học?

Darwin: Mẹ ơi... Mẹ có thấy từ nhỏ, con đã thích lang thang trong rừng... Con có biết bao nhiêu bộ sưu tập...

Mẹ: Con thấy đó: chính là Thượng Đế đã tạo ra sự phong phú đó... Con hãy tiếp tục làm một giáo sĩ với rất nhiều bộ sưu tập các sinh vật trong giới tự nhiên...

Darwin: Mẹ vừa nói trùng ý con đấy: đã gọi là “giới tự nhiên”, sao lại còn nói là “Thượng Đế tạo ra”?

2. Các em trả lời: Charles Darwin có một đề tài nào đang rõ nét dần trong đầu? Em nói tên cái đề tài ấy. Em nói ý nghĩ Darwin định làm đề tài đó để giải quyết điều gì cho con người và cho chính mình?

Việc 2 – Darwin hoạt động khoa học theo phương pháp gì?

Các em kể lại hành trình và những việc làm của Darwin trên con tàu Beagle. Em nói về phương pháp làm việc của Darwin khi đi theo con tàu Beagle:

- a. Darwin sưu tầm những mẫu vật gì?
- b. Darwin mô tả những sưu tầm đó như thế nào?
- c. Trong năm năm sưu tầm và mô tả, trong đầu Darwin hiện dần nội dung cuốn sách gì ông sẽ viết sau này?

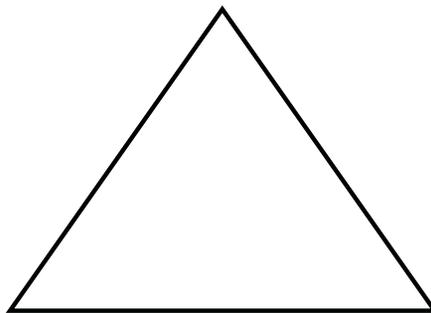
Việc 3 – Darwin dùng ngôn ngữ khoa học như thế nào?

1. Ngôn ngữ khoa học chuyên chở những khảo sát của Darwin nằm trong các báo cáo gửi hàng ngày về nước và sau đó nằm trong cuốn sách nào?
2. Tên cuốn sách mang toàn bộ tư tưởng Darwin là gì?
 - a. Tên cuốn sách gọi tắt là gì?
 - b. Tên cuốn sách đầy đủ là gì?
3. Trong tên đầy đủ của cuốn sách đã chứa những khái niệm gì?
Em giải thích:
 - a. Chọn lọc tự nhiên là gì? Em tìm ví dụ.
 - b. Đấu tranh sinh tồn là gì? Em tìm ví dụ.
 - c. Giống ưu đẳng là gì? Em tìm ví dụ.

Việc 4 - Ngôn ngữ khoa học Darwin vận chuyển Tư duy khoa học gì?

1. Cuốn sách *Nguồn gốc các loài* của Darwin xuất bản năm nào?
2. Cuốn sách đó đã làm thay đổi đột ngột tư duy của con người như thế nào?
 - a. Trước khi có cuốn sách của Darwin, tư tưởng gì đã kéo dài nhiều nghìn năm trong đầu óc loài người khi nhìn nhận về các loài, về thiên nhiên?
 - b. Tư duy mới về con người, và cả về tương lai của loài người thay đổi như thế nào?
 - c. Darwin có được hoan nghênh ngay không? Nhà bác học này bị đả kích như thế nào?
3. Em tự sơ kết ngôn ngữ khoa học của Darwin trong sơ đồ này được không?

**A - Làm gì?
(MỤC ĐÍCH)**



**B - Làm như thế nào?
(PHƯƠNG PHÁP)**

**C - Thay đổi tư duy?
(TÁC ĐỘNG XÃ HỘI)**

LUYỆN TẬP VỀ KHÁI NIỆM - ĐỊNH NGHĨA

Em chọn viết bài theo một trong những đề sau:

Đề tài 1: Em tưởng tượng cuộc đối thoại giữa một số người chống lại tư tưởng tiến hóa của Darwin. Trong đó có:

- Một người phẫn nộ đòi treo cổ tác giả.
- Một người đòi đốt nhà tác giả.
- Một người hài hước, tự xưng mình là khỉ, tự gọi mình là tổ tiên tác giả.

Đề tài 2: Em tưởng tượng em đến với đám đông đang hiểu nhầm tư tưởng của Darwin. Em dùng đoạn văn năm câu (có thể kéo dài) giải thích dễ hiểu để định nghĩa khái niệm *đấu tranh sinh tồn* giữa các loài là như thế nào.

Đề tài 3: Em viết một bài văn kể chuyện cuộc đời, sự nghiệp của Darwin để giới thiệu về sự ra đời của một *tư duy mới* hơn hẳn tư duy cũ, làm thay đổi đầu óc con người, dẫn con người đến một tương lai khác.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC (tiếp)

Đọc thầm

Nhiệm vụ của em sau khi đọc:

1. Kể lại: nhà khoa học Gregor Mendel đã làm những công việc gì và làm như thế nào?
2. Trả lời: công trình quan trọng mà nhà khoa học Gregor Mendel để lại có nội dung gì?
3. Trả lời: công trình của nhà khoa học Gregor Mendel đã tiếp tục làm thay đổi tư duy con người như thế nào? (So sánh Gregor Mendel và Charles Darwin)

Các em thân yêu,

Câu chuyện Gregor Mendel cũng hấp dẫn như chuyện Charles Darwin. Các em đọc và đừng nghĩ đến câu hỏi cùng bài tập! Đọc để thỏa chí tò mò cái đã!

Gregor Mendel Người đặt nền móng cho di truyền học

Gregor Mendel (tên khai sinh là Johann Mendel) sinh ngày 22/07/1822 tại Silesie nay thuộc Brno (Cộng hòa Czech). Do điều kiện khó khăn của gia đình, sau khi học trung học, ông vào tu viện thành phố Brno để học và trở thành nhà giáo. Tu viện đã đặt tên Gregor thay cho tên Johann và cử ông đi học tại Đại học Vienna (nước Áo) từ năm 1851 đến 1853, sau đó Mendel trở về dạy Toán, Vật lý và Khoa học.



Gregor Mendel (1822-1884)

Con đường đến với khoa học từ những thí nghiệm tưởng như đơn giản...

Cũng như các thầy dòng trong tu viện, Mendel vừa giảng dạy vừa nghiên cứu khoa học. Trong bảy năm (1856-1863) ông tiến hành các thí nghiệm lai trên đậu Hà Lan (*Pisum sativum*) trong một mảnh vườn nhỏ của tu viện. Với quá trình quan sát ở khoảng 37 ngàn cây đậu và 300 ngàn hạt đậu, Mendel đã chứng minh sự di truyền do các nhân tố di truyền.

Mendel đã quan sát và lựa chọn bảy cặp tính trạng chất lượng của đậu Hà Lan có sự tương phản rõ ràng, dễ quan sát cho các phép lai đơn tính. Trong các thí nghiệm, ông đã sử dụng các vật liệu thuần chủng (biết rõ nguồn gốc và qua các đời tự thụ phấn); theo dõi riêng từng cặp tính trạng qua nhiều thế hệ; đánh giá khách quan các kết quả quan sát; sử dụng cách biểu thị kết quả đơn giản, dễ hiểu. Các khái niệm về tính trội-lặn cũng đã được ông đưa ra và trình bày trước Hội các nhà nghiên cứu khoa học tự nhiên vào năm 1865 tại Brno.

... Đến những đóng góp lớn lao

Như vậy, trong vô vàn hiện tượng phức tạp của sinh vật, Mendel đã tách ra được các tính trạng riêng rẽ và cho thấy chúng bị các nhân tố bên trong chi phối (sau này các nhân tố đó được xác định là các gene). Có thể coi Mendel là người đặt nền móng cho những nghiên cứu quá trình phát triển tiến hóa của sinh giới ở mức độ vi mô.

Một điều thật tài tình trong các phát minh của Mendel là lúc đó chưa có khái niệm nhiễm sắc thể (NST), về liên kết gene. Nhưng có lẽ với tư duy, suy luận chính xác của một nhà toán học, nhà vật lý học, ông đã lựa chọn được bảy cặp tính trạng (sau này các gene xác định các tính trạng đó được xác định chỉ nằm trên bốn cặp NST, trong đó một số gene chỉ thuộc hai nhóm liên kết) nhưng chúng nằm cách xa đến nỗi các

kết quả thu được hầu như không có biểu hiện về ảnh hưởng của liên kết gene.

Phát minh của ông đã đặt nền móng cho di truyền học.

Những phát triển tiếp theo của di truyền học

Năm 1865, Gregor Mendel là người đầu tiên phát hiện các quy luật căn bản của tính di truyền.

Năm 1900, nhà di truyền học Hà Lan Hugo Marie de Vries xác nhận các quy luật Mendel ở 16 loài thực vật.

E. K. Correns (người Đức) và E. von Tschermak (người Áo) cũng phát hiện lại các quy luật Mendel ở đậu Hà Lan.

Cuối thế kỷ 19, giới khoa học chấp nhận các quy luật di truyền của ông một cách dễ dàng.

Năm 1909, W. Bateson công bố danh mục khoảng 100 tính trạng ở thực vật và gần 100 tính trạng ở động vật di truyền theo quy luật Mendel.

Học thuyết và tư tưởng “Di truyền học” được phổ biến nhiều năm sau khi Mendel qua đời. Ngày nay, những khái niệm gene, kiểu gene, kiểu hình, đồng hợp tử, dị hợp tử... cùng các hiện tượng di truyền khác được nêu ra hoặc được phát hiện đã bổ sung cho các quy luật di truyền Mendel.

Đầu thế kỷ 20, sự truyền thụ các tính trạng di truyền được phát triển thành ba quy luật Mendel là:

- (1) Quy luật đồng nhất của thế hệ con lai thứ nhất.
- (2) Quy luật phân ly tính trạng.
- (3) Quy luật phân ly độc lập.

Sau này phát biểu thành hai quy luật:

- (1) Quy luật phân ly hay quy luật giao tử thuần khiết.
- (2) Quy luật phân ly độc lập.

Với sự ra đời và phát triển của thuyết di truyền nhiễm sắc thể, sau đó là di truyền học phân tử, rồi kỹ thuật di truyền, công nghệ sinh học, con người đã và đang chứng kiến những thành tựu to lớn của sinh học nói chung và di truyền học nói riêng. Nhưng có lẽ bất kỳ một ai quan tâm đến sinh học hay đơn giản là qua những trang sách sinh học thời phổ thông đều nhớ đến Mendel, người đặt nền móng cho di truyền học.

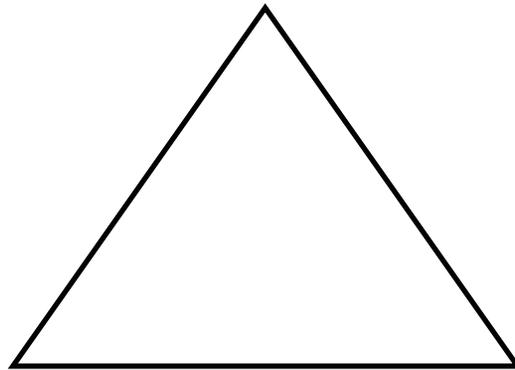
Gregor Mendel mất năm 1884. Tượng đài của ông được dựng ở tu viện Brno.

(Trích theo nguồn: <http://www.thuviensinhhoc.com/sinh-hoc-doi-song/cac-nha-khoa-hoc/463-gregor-mendel-ngi-t-nn-mong-cho-di-truyn-hc.html#ixzz3EXu7of00>)

LUYỆN TẬP

1. Các em kể lại với nhau về tiểu sử ngắn gọn của Gregor Mendel.
2. Mendel nghiên cứu nội dung khoa học gì? Nội dung đó khác gì với Darwin?
3. Cách nghiên cứu khoa học của Mendel diễn ra như thế nào?
4. Những ai đã lặp lại các thực nghiệm của Mendel và xác nhận tính đúng đắn của thuyết di truyền của Mendel?
5. Em tự sơ kết: ngôn ngữ khoa học của Mendel có đúng như mô hình này không?

**A - Làm gì?
(MỤC ĐÍCH)**



**B - Làm như thế nào?
(PHƯƠNG PHÁP)**

**C - Thay đổi tư duy?
(TÁC ĐỘNG XÃ HỘI)**

LUYỆN TẬP VỀ KHÁI NIỆM - ĐỊNH NGHĨA

Em chọn viết bài có nội dung liên quan đến Gregor Mendel theo một trong những đề sau:

Đề tài 1: Em tưởng tượng cuộc đối thoại giữa một số người nghiên cứu thân thiết với Mendel trong vườn thực nghiệm trồng đậu Hà Lan của tu viện Brno. Trong số người đó có:

- Một người thích thú bóc các quả đậu hạt có màu trắng và tím và giải thích về lai giống di truyền.
- Một người đòi dựng tượng tuyền dương tác giả Mendel.
- Một người khen tác giả Di truyền học: Năm chục năm trước, Darwin chưa nghĩ ra cái gì đó truyền được các yếu tố vượt trội của các giống ưu đẳng. Bây giờ Mendel đã làm việc ấy.
- Một người vui tính đóng vai Darwin: “Hè hè, cậu cũng là thầy tu, mà cậu không đả kích mình, cậu lại còn có tư duy phát triển cao hơn mình! Hè hè...”

Đề tài 2: Em tưởng tượng em đến với đám đông đang hiểu nhầm tư tưởng tiến hóa của Darwin. Em dùng đoạn văn năm câu (có thể kéo dài) giải thích dễ hiểu để định nghĩa khái niệm *di truyền học* đã bảo tồn những tính trội của các giống ưu đẳng. Em kết luận: Mendel không trực tiếp nói gì, nhưng vẫn chứng minh là Darwin rất đúng.

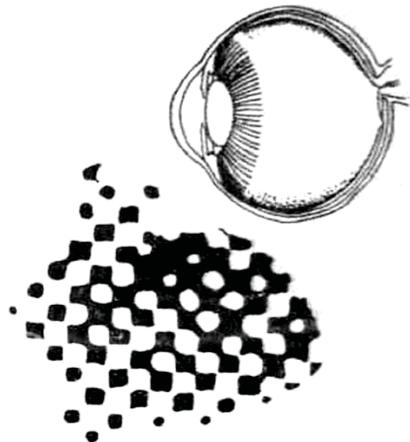
Đề tài 3: Em viết một bài văn kể chuyện cuộc đời, sự nghiệp của Mendel để giới thiệu về sự ra đời của một *tư duy mới* củng cố tư duy Darwin: Thượng Đế không sinh ra muôn loài, muôn loài tự sinh và tự chọn lọc để càng ngày càng tốt đẹp hơn lên.

NGÔN NGỮ PHỔ CẬP KHOA HỌC

Đọc thầm

Mắt chim

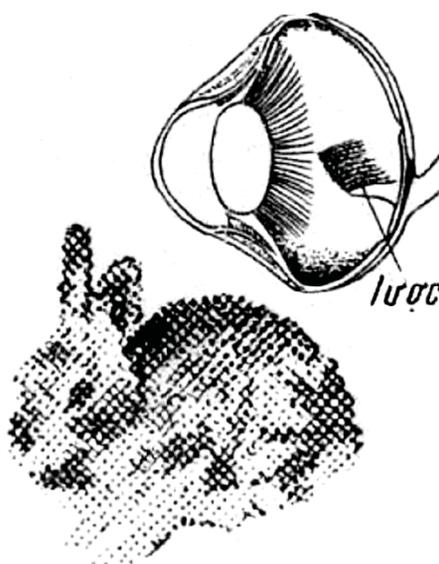
Trong giới động vật có lẽ không có loài nào có được đôi mắt tinh như mắt chim. Đại bàng trọc đầu lạng lã bay lượn cao đến 2 km, kỳ thực là để tìm các xác chết động vật ở mặt đất; diều hâu, diều mướp lượn trên đồng cỏ để tìm chuột; chim sâu, bạc má quan sát từng kẽ lá, khe vỏ cây để tìm sâu và trứng sâu; cóc đế lặn sâu dưới nước bắt cá, tất cả đều cần có đôi mắt thật tinh thì mới phát hiện được con mồi.



Mắt người và hình con thỏ in ở đáy mắt

So với mắt người thì mắt chim tinh hơn nhiều, như mắt của chim cắt có thể tinh hơn mắt người đến tám lần. Mắt chim tinh không phải vì có cấu tạo kiểu “kính viễn vọng” như một số người tưởng mà chính là mắt chim có nhiều tế bào cảm quang hơn mắt người. Ở đáy mắt của chim cắt có đến 1,5 triệu tế bào cảm quang trong lúc đó ở đáy mắt của người, trên vùng tương ứng chỉ có 200 nghìn tế bào cảm quang. Chính

vì vậy mà hình của một con thỏ in lên đáy mắt người chỉ là một hình thô, mờ, trong lúc đó hình con thỏ in lên đáy mắt của chim cắt là một hình rất rõ ràng. Cùng một con thỏ, ở độ xa như nhau, người ta chỉ thấy được một cách đại khái, còn chim cắt thì thấy rất rõ.



Mắt chim và hình con thỏ in ở đáy mắt

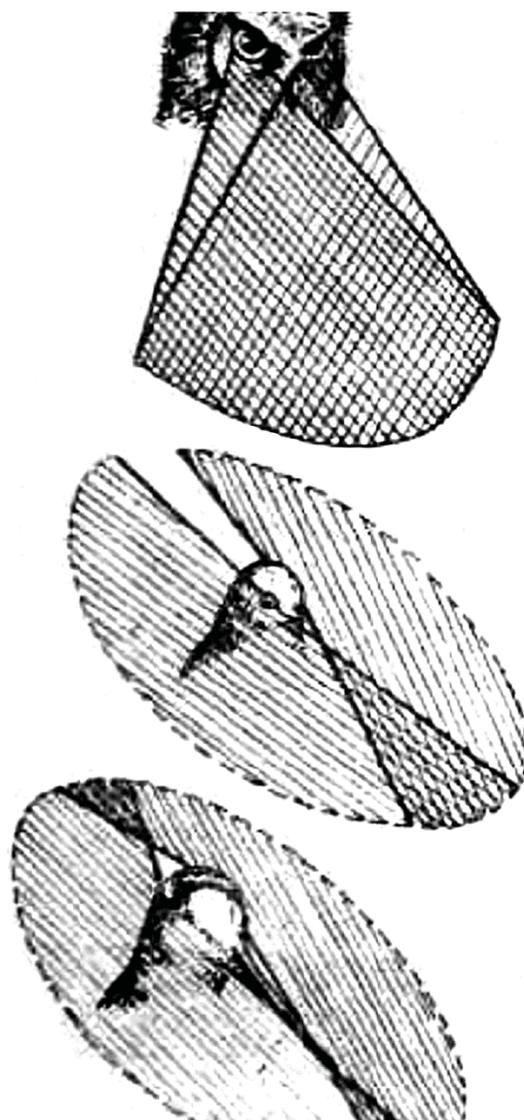
Khác với mắt người, mắt chim còn có một cơ quan đặc biệt là cơ quan lược, có nhiều mạch máu dùng để cung cấp thêm máu cho mắt. Cơ quan lược còn làm giảm bóng mờ ở đáy mắt giúp chim nhận thấy được những vật chuyển động ở rất xa. Mắt chim có kích thước rất lớn. Nhiều loài chim có mắt lớn hơn cả khối não. Mắt của đại bàng và của dù di lớn bằng mắt người trong lúc đó trọng lượng của đại bàng và của dù di chỉ bằng 1/10 trọng lượng của người, còn mắt của đà điểu châu Phi, lớn gần bằng quả cam với đường kính khoảng 5 cm.

Chim không những phân biệt được các vật rõ hơn người mà còn nhìn thấy được các vật ở khoảng cách rất xa mà chúng ta khó tưởng tượng được. Chim cắt có thể nhìn rõ con chuột ở khoảng cách trên 1.000

mét, còn đà điểu thì phân biệt được kẻ thù ở khoảng cách 5 tới 7.000 mét, vì vậy mà một số loài thú ăn cỏ như ngựa vằn, sơn dương thường kiếm ăn quanh quần gặm đà điểu, lợi dụng đà điểu như vật canh gác bảo vệ cho mình.

Chim không những có thể nhìn thấy vật ở xa mà còn có khả năng nhìn thấy vật rất gần nhờ sự điều chỉnh một cách rất nhanh chóng thủy tinh thể trong mắt. Chỉ trong nháy mắt, thủy tinh thể của mắt chim đã có thể chuyển từ dạng hơi dẹt thành dạng gập hình cầu để có thể thấy được rõ vật ngay ở đầu mỏ mình. Điều đáng chú ý là mắt chim không những có thể sử dụng như một kính viễn vọng để nhìn rõ vật ở xa và đồng thời như một kính lúp để nhìn rõ vật nhỏ ở rất gần mà còn có góc nhìn rất rộng. Khác với mắt người, mắt chim không nằm về phía trước đầu (trừ các loài cú) mà nằm hai bên đầu và hơi lồi ra phía ngoài, vì vậy mà mỗi mắt có góc nhìn khá rộng, thường là trên 180° . Vùng mà riêng mỗi mắt nhìn thấy gọi là vùng nhìn một mắt. Phía trước mỏ có một vùng mà cả hai mắt đều nhìn thấy gọi là vùng nhìn hai mắt. Đây là vùng chim nhìn rõ nhất.

Ta hãy xem con sáo kiếm môi trên bãi cỏ, nó đang đi bỗng dừng lại, nghiêng đầu, chăm chú nhìn vào một phía, hình như nó đang chú ý nghe tiếng động của con châu chấu giấu mình dưới khóm cỏ, nó hướng mỏ về phía có tiếng động, vùng mà cả hai mắt đều nhìn thấy và đã phát hiện ngay được con môi. Hầu hết các loài chim đều có góc nhìn rất rộng, trên 300° , phía trước mỏ là vùng nhìn hai mắt hẹp, hai bên đầu là vùng nhìn một mắt khá rộng, phía sau gáy là vùng hẹp mà chim không nhìn thấy.



Vùng nhìn của mắt cú, mắt sẻ và mắt dẽ giun.

Vùng gạch song song là vùng nhìn một mắt,

Vùng gạch chéo là vùng nhìn hai mắt.

Đó là góc nhìn của các loài chim phát hiện mồi bằng mắt. Dẽ giun có góc nhìn hơi khác. Khi kiếm mồi dẽ giun thọc sâu mỏ dài vào bùn để dò tìm giun nhờ những tế bào xúc giác có nhiều ở phần mút mỏ. Nó không cần nhìn thấy con mồi, nhưng lại rất cần đề phòng kẻ thù từ phía sau

và phía trên ập đến. Vì lý do đó mà mắt dẽ giun nằm gần về phía gáy và hơi dịch lên phía trên đầu. Với cách bố trí mắt như vậy, dẽ giun có góc nhìn đến 360° và có hai vùng nhìn hai mắt: ở phía trước đầu và sau gáy. Cũng vì vậy mà dẽ giun có thể nhìn được cả bốn phía và cả phía trên đầu nữa, mà rõ nhất lại là phía sau gáy. Mắt vịt cũng có góc nhìn tương tự, nhưng ở vùng sau gáy vịt nhìn hơi tồi hơn. Đó là cách bố trí mắt của những loài chim mò thức ăn ở trong bùn, nghĩa là những loài tìm thức ăn không phải bằng mắt.



Cú có thể xoay đầu trọn một vòng để nhìn được khắp bốn phía.

Các loài cú có mắt rất lớn, hướng cả về phía trước như mắt người, vì vậy mà toàn bộ góc nhìn của cú rất hẹp, chỉ vào khoảng 60°. Chủ yếu cú nhìn bằng hai mắt. Để có thể nhìn thấy rõ được mọi vật trong đêm tối, thủy tinh thể của mắt cú rất lớn và nằm ở cuối một ống sừng gắn sát với đáy mắt để tập trung ánh sáng chiếu vào vùng võng mạc, nơi có nhiều

tế bào cảm quang. Mắt cú không những có góc nhìn hẹp mà còn bị gắn khá chắc vào ổ mắt nên không liếc được linh động như mắt của các loài chim khác. Để bù cho nhược điểm trên của mắt, cổ cú lại đặc biệt mềm mại, nhờ đó mà đầu cú có thể quay về hai bên trọn một vòng 360° để đưa mắt nhìn khắp bốn phía mà không cần phải xoay thân.

Trong cả lớp chim, loài có đôi mắt tối nhất có lẽ là loài chim kiwi, một loài chim không biết bay sống ở vùng núi rừng Tân Tây Lan. Chim kiwi là loài chim ăn đêm mà mắt của nó lại rất nhỏ. Thức ăn của nó là giun, nó kiếm mồi nhờ khứu giác. Để tiện việc sử dụng, lỗ mũi của kiwi mở ra ngay ở mút của chiếc mỏ dài. Lúc kiếm ăn nó đưa mút mỏ sát mặt đất để dò mồi. Mắt của kiwi không còn là giác quan quan trọng nhưng mũi lại rất thính. Bằng thực nghiệm, người ta đã nhận thấy loại chim không cánh này phát hiện mồi rất dễ dàng bằng mũi, chỉ hơi thoảng có làn gió nhẹ là kiwi đã có thể hướng ngay về phía mà dưới đất, ở đó có giun và không hề để ý đến các hướng khác.

(Đời sống các loài chim – Võ Quý
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1978)

NGÔN NGỮ PHỔ CẬP KHOA HỌC

Việc 1 - Thảo luận

1. Trong cuộc sống, không phải sẵn có những khám phá mới dẫn đến những khái niệm mới – còn cần phổ cập khoa học nhằm nâng cao tư duy của đông đảo công chúng (trong đó có học sinh).
2. Khi phổ cập khoa học, người ta chú ý đến những đề tài hấp dẫn. Phương pháp tiến hành thường thấy là mô tả các khảo sát, ít đi vào những khái niệm khó.
3. Các em cho biết: tác giả Võ Quý mô tả các khảo sát về mắt của loài chim hấp dẫn như thế nào?
 - a. Mắt người và mắt chim, mắt nào tinh hơn? Sao biết?
 - b. Mắt người và mắt chim cắt, mắt nào tinh hơn? Tại sao?
 - c. Mắt con dế giun hoạt động như thế nào để nó có thể tìm ăn con mồi nằm sâu dưới bùn?
 - d. Mắt con sáo và con cú hoạt động khác nhau thế nào?
 - e. Mắt con chim kiwi lại hoàn toàn khác tất cả các con chim khác như thế nào?
4. Theo sơ đồ hoạt động khoa học, việc nghiên cứu mắt chim của Võ Quý:
 - a. Nhằm mục đích gì?
 - b. Có tác động gì đến tư duy con người?
5. Trong bài nghiên cứu về mắt chim của Võ Quý, tác giả có nói đến phương pháp nghiên cứu không? Tại sao?

Việc 2 - Viết bài

Em tưởng tượng em và giáo sư Võ Quý cùng hoạt động trong một câu lạc bộ thiếu niên. Em và giáo sư diễn một vở kịch:

- Em nêu câu hỏi;
- Giáo sư giải đáp.

Em viết kịch bản cho từ ba đến năm câu hỏi đáp đó.

NGÔN NGỮ KHOA HỌC THỰC HÀNH

Đọc thầm

Lương Định Của - nhà bác học của đồng ruộng

Lương Định Của là một nhà nông học xuất sắc, người đi đầu trong lĩnh vực cải tạo giống cây trồng của Việt Nam và là ông tổ của giống lúa Nông nghiệp 1, giống lúa lai tạo thành công đầu tiên tại Việt Nam.

Tên ông từng được nông dân gọi liền với tên của sản phẩm một cách thân thiết: dưa ông Của, cà chua ông Của, khoai ông Của, lúa ông Của... Còn bạn bè triu mến gọi ông là “nhà bác học của đồng ruộng”. Ông được đánh giá là một trong những chuyên gia nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam và là một nhà khoa học có uy tín.



Lương Định Của và vợ người Nhật Bản

Lương Định Của sinh ngày 16/8/1920 tại xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; mất ngày 28/12/1975 tại Hà Nội.

Lúc nhỏ, ông học ở trường dòng Taberd tại Sóc Trăng. Sau đó, ông lên học tại Sài Gòn. Lương Định Của học rất xuất sắc. Năm 1937, khi 17 tuổi, ông đã đỗ tú tài toàn phần. Cùng năm đó, ông sang Hong Kong (Trung Quốc), theo học tại trường Đại học Y khoa.

Sau ba năm, ông không theo đuổi ngành y nữa mà đến Thượng Hải, Trung Quốc, học trường Đại học Kinh tế Thượng Hải. Năm 1941, do có chiến tranh, trường đại học này đóng cửa, Lương Định Của sang Nhật Bản và theo học khoa sinh vật thực nghiệm, trường Đại học Kyushu. Chỉ sau một năm học tập, với tài trí thông minh của mình, ông được đặc cách tuyển thẳng lên học năm thứ 3.

Năm 1945, ông kết hôn với một phụ nữ Nhật Bản tên là Nakamura Nubuko, vốn là sinh viên Đại học Nữ công. Sau khi kết hôn, hai ông bà cùng làm việc tại Viện Thí nghiệm của trường Đại học Kyushu.

Năm 1946, Lương Định Của tiếp tục lên Kyoto, Nhật Bản, theo học ngành nông nghiệp, miệt mài học và nghiên cứu khoa học. Ra trường, ông tốt nghiệp loại ưu và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ nông học, khoa di truyền chọn giống. Đây là học vị cao nhất của ngành nông học Nhật Bản kể từ thời Minh Trị Thiên hoàng. Ông là người thứ 96 trên toàn nước Nhật giành được học vị này trong vòng 10 năm ở Nhật thời kỳ đó.

Năm 1952, với tình yêu đất nước, ông cùng gia đình từ Nhật Bản trở về phục vụ Tổ quốc.

Sau đó hai năm, năm 1954, ông cùng gia đình ra Bắc và làm việc tại Viện Khảo cứu Nông lâm, trường Đại học Nông nghiệp, rồi làm Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, thuộc Bộ Nông nghiệp.

Năm 1955, Lương Định Của công tác tại Tổ lúa, trại Quang Trung thuộc Viện Nghiên cứu Nông lâm nghiệp. Tháng 9/1956, trường Đại học

Nông lâm mở khóa học đầu tiên, ông trở thành phó hiệu trưởng của trường.

Là một nhà bác học, nhưng Lương Định Của vẫn làm việc trong một căn phòng rất đơn sơ. Ngoài giờ lên lớp, ông thường xắn quần lội trên những cánh đồng thí nghiệm. Ông là người đầu tiên ứng dụng một cách sáng tạo các kỹ thuật canh tác của nước ngoài, chủ yếu là của Nhật vào việc trồng lúa ở Việt Nam như: cấy chằng dây thẳng hàng, cấy ngửa tay để cây lúa không bị ngập quá sâu xuống bùn, dùng cào cỏ Nhật Bản...

Ông là người có công lai tạo nhiều giống lúa có năng suất cao như: Nông nghiệp 1 (lai giữa Ba Thắc - Nam Bộ với Kunko - Nhật), giống lúa mùa muộn Saibuibao, giống lúa chiêm 314 (lai giữa dòng Đoàn Kết và Thắng Lợi), giống NN75-1 (lai giữa giống 813 với NN1); một số giống cây trồng khác như: dưa hấu không hạt, dưa lê, khoai lang, rau muống, đu đủ, xương rồng...

Tuy ông không còn nữa nhưng những giống cây ông để lại và tên tuổi ông vẫn còn khắc sâu trong tâm trí của những người nông dân Việt Nam. Lương Định Của đã được Nhà nước trao tặng những phần thưởng cao quý như: danh hiệu Anh hùng Lao động (1967); Huân chương Lao động hạng Nhất; Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học kỹ thuật đợt 1 năm 1996.

Năm 2006, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã lập Giải thưởng Lương Định Của để hằng năm trao tặng cho những thanh niên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

(Nguồn: <http://baotintuc.vn/tu-lieu/luong-dinh-cua-nha-bac-hoc-cua-dong-ruong-20140816085416795.htm>)

LUYỆN TẬP

Thảo luận

1. Các em kể lại vắn tắt tiểu sử nhà nông học Lương Định Của. Các em phân biệt hai cách gọi này: người nông dân và nhà nông học. Các em cho biết: nước Việt Nam có bao nhiêu nông dân và có bao nhiêu nhà nông học? Các em tra trên mạng từ khóa nhà nông học Việt Nam và thu được bao nhiêu tên?
2. Nhà nông học Lương Định Của có làm công việc tạo ra một lý thuyết mới (lý thuyết di truyền) như Mendel không? Nhà nông học Lương Định Của có công tạo ra những sản phẩm gì? Những sản phẩm đó có lợi ích gì cho người nông dân và cho đất nước?
3. Căn cứ theo sơ đồ hoạt động khoa học, các em cho biết:
 - a. Mục đích hoạt động khoa học của nhà nông học Lương Định Của là gì? Mục đích của Lương Định Của khác với Darwin và Mendel như thế nào?
 - b. Phương pháp làm việc của nhà nông học Lương Định Của là gì?
 - c. Những công việc của Darwin và Mendel cũng như Lương Định Của và Võ Quý có tác động gì tới tư duy của con người? Nông dân cầu Trời khấn Phật cho nhiều lúa hay dùng giống mới của Lương Định Của?
4. Các em viết đoạn văn năm câu (có thể kéo dài thêm) nói về tác dụng của công việc tạo giống mới khiến người nông dân có nhiều sản phẩm vật chất (lúa gạo và hoa quả) hơn, đồng thời cũng có sản phẩm tinh thần vô cùng quý báu là niềm tin vào khoa học.
5. Tùy chọn: các em viết lá thư bày tỏ tình cảm của nông dân gửi tới nhà nông học Lương Định Của.

KHOA HỌC TỰ NHIÊN - KHOA HỌC XÃ HỘI

Đọc thầm

Nhà cải cách xã hội Nhật Bản Fukuzawa Yukichi



Lịch sử biết đến Fukuzawa Yukichi như một nhà cải cách chính trị xã hội, nhà giáo dục tiên phong, nhà tư tưởng tiêu biểu của Nhật Bản từ đầu thời kỳ Minh Trị, thời kỳ diễn ra những chuyển biến lớn lao trong lịch sử Nhật Bản.

Tư tưởng của ông có ảnh hưởng rất lớn tới phong trào Khai sáng ở Nhật Bản vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, tạo tiền đề cho Nhật Bản trở thành một cường quốc trên thế giới. Lòng biết ơn của người Nhật đối với Fukuzawa được thể hiện qua việc hình ông được in trên tờ tiền 10.000 yên (tờ tiền có mệnh giá lớn nhất của Nhật), dù ông không phải là một đấng quân vương hay võ tướng lỗi lạc của đất nước mặt trời mọc.



Hình Fukuzawa Yukichi trên tờ bạc mệnh giá 10.000 yên của Nhật Bản

Ông sinh năm 1835, mất năm 1901, thọ 66 tuổi. Một điều thú vị ngẫu nhiên là cuộc cải cách Minh Trị duy tân được bắt đầu vào năm 1868, lúc Fukuzawa 33 tuổi. Tức là nếu lấy năm Minh Trị thứ nhất làm mốc có thể chia chính xác cuộc đời 66 năm của ông thành hai nửa. Qua đó sẽ thấy được những biến cố lớn lao không chỉ đối với bản thân cuộc đời Fukuzawa mà của cả xã hội Nhật Bản.

Fukuzawa Yukichi sinh tại Osaka, khi cha ông đang làm cho phủ đại diện của lãnh địa Nakatsu ở đó. Cha ông vốn là một nhà nho nhiệt tâm với kinh sử, nhưng suốt đời không thoát khỏi công việc tính toán tiền bạc và giằng co các khoản nợ cho lãnh địa. Ông luôn mang nặng mối bất bình với công việc nhuộm màu ô tục và chế độ đẳng cấp phong kiến kìm nén con người. Điều này đã có ảnh hưởng lớn đến Fukuzawa. Mặc dù cha mất sớm, nhưng như ông đã bộc bạch, từ nhỏ ông đã được hưởng một nền giáo dục Nho gia từ hình bóng của người cha nghiêm nghị. Bản thân ông từ năm 14 tuổi cũng là một học trò xuất sắc của đạo Khổng. Nhưng óc phê phán sâu sắc cùng sự nhạy cảm với những biến chuyển của thời đại đã sớm hình thành trong Fukuzawa tư tưởng nhìn

nhận lại những giá trị cũ, những nếp nghĩ cổ hủ, cứng nhắc của các nhà nho.

Năm 1836, sau khi cha mất, gia đình Fukuzawa chuyển về ở dưới lãnh địa và theo như ông kể thì họ không hòa nhập được với phong tục ở đó.

Ông ví chế độ phong kiến ở lãnh địa quê ông như chiếc hộp đồ chắt cứng, ngàn đời bó buộc con người. Không thể chịu đựng không khí ngột ngạt trong đó thêm ngày nào, năm 21 tuổi, Fukuzawa quyết định lên đường đi Nagasaki học các môn khoa học của người châu Âu thông qua sách vở và thầy dạy người Hà Lan. Việc tiếp xúc với Hà Lan đã làm nảy sinh trong Fukuzawa mối quan tâm và lòng cảm phục đối với nền học thuật của người phương Tây, làm tiền đề cho sự khởi xướng phong trào học tập khoa học kỹ thuật tiến bộ của người châu Âu cùng những tư tưởng mang tính cách mạng như độc lập tự tôn, nam nữ bình quyền, con người bình đẳng...

Sau đó, ông lên Osaka và tiếp tục học ở trường tư thục của Ogata Koan, đại gia nghiên cứu mọi mặt về Hà Lan lúc bấy giờ. Trí thức uyên bác cùng tấm lòng nhân hậu của thầy Ogata Koan đã tác động không nhỏ tới Fukuzawa. Đây có thể nói là thời kỳ định hình nhân cách cũng như tư tưởng của ông.

Nhưng theo lệnh của lãnh chúa, năm 25 tuổi, Fukuzawa lên Edo và mở một trường tư thục nhỏ, tiền thân của trường Đại học Keio-gijuku ngày nay.

Một năm sau đó, trong chuyến đi thăm cảng Yokohama, Fukuzawa nhận ra những điều học được từ Hà Lan đã lỗi thời và quyết tâm chuyển sang học tiếng Anh. Vì không nhờ được thầy dạy và cũng không thuyết phục được bạn bè học cùng, ông đã nhờ những thương nhân ở cảng Yokohama mua từ điển về tự học. Khi nghe tin Mạc phủ phái đoàn sứ giả sang Hoa Kỳ vào năm 1860, không đợi lời chiêu tập, ông đã tự mình

đến gặp trưởng đoàn để xin đi. Vào thời mà kỹ thuật hàng hải Nhật Bản còn thấp, ra đi là đồng nghĩa với việc chấp nhận rủi ro, có thể phải đổi cả tính mạng thì quyết định của Fukuzawa là hết sức táo bạo, vượt qua thời đại mà ông đang sống. Lần đi Mỹ này cùng chuyến đi châu Âu và chuyến đi Mỹ lần hai đã mang lại cho Fukuzawa tầm nhìn rộng lớn, quyết định đến những ảnh hưởng sau này của ông đối với tổ quốc Nhật Bản.

Với kinh nghiệm học được từ người phương Tây qua sách vở và những chuyến thị sát, ông đã nhiệt huyết truyền bá những tư tưởng tiến bộ bằng mọi cách có thể. Ông đã tách mình ra khỏi biến động chính trị cuối thời Mạc phủ Edo, thâm lặng dịch và viết sách. Tài năng văn chương trác việt cùng tầm nhìn sâu rộng, sự đánh giá sắc sảo thể hiện qua các trước tác của Fukuzawa đã cuốn hút mối quan tâm không chỉ của giới trí thức mà cả những người dân thường. Bản thân ông đã tiên phong nêu gương về tinh thần độc lập, đề cao thực học, thực hiện cải cách bằng việc mở trường Keiō-gijuku, trường đại học tư thực hiện đại đầu tiên và hiện nay vẫn là một trong những trường đại học tư lớn, có chất lượng giáo dục uy tín hàng đầu của Nhật Bản. Đây chính là nguồn cung cấp nhân tài về chính trị, khoa học, giáo dục với những tri thức tiên tiến khi Nhật Bản chuyển mình sang thời đại mới, thời kỳ Minh Trị.

Tài năng và nhân cách Fukuzawa Yukichi thăng hoa cùng với những năm tháng của cuộc cải cách Minh Trị duy tân. Ông đã để lại trước tác với số lượng lên tới hàng vạn trang, trong đó tiêu biểu phải kể đến là “Khuyến học” (Gakumon no susume), “Khái lược luận thuyết về văn minh” (Bunmeiron no gairyaku), “Tình hình châu Âu” (Seiyō jijō), “Phúc ông tự truyện” (Fukuō Jiden)...

Fukuzawa tin rằng giáo dục là cách duy nhất để đạt tới văn minh, bởi bản chất của văn minh là sự phát triển kiến thức và đạo đức nội tại

của dân tộc: “Văn minh có nghĩa là đạt được cả những tiện nghi vật chất lẫn sự nâng cao tinh thần của con người. Nhưng cái tạo ra những tiện nghi vật chất và nâng cao tinh thần của con người là kiến thức và đạo đức, [do đó] bản chất của văn minh chính là quá trình phát triển kiến thức và đạo đức con người.”

Fukuzawa cho rằng nền giáo dục Nho học truyền thống ở Nhật Bản chính là sự cản trở lớn nhất của nền văn minh: Nó vừa cổ hủ vừa chậm phát triển, hàng nghìn năm vẫn không thay đổi, chỉ coi trọng hình thức bên ngoài giả tạo mà coi thường chân lý và nguyên tắc. Số lượng người đi học đã ít ỏi, lại chỉ được dạy đọc/viết mà không được khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo và độc lập. Chính vì vậy, Fukuzawa kêu gọi người dân hãy theo đuổi nền giáo dục thực học của phương Tây, dựa trên nền tảng khoa học và kỹ thuật. Mỗi người trong xã hội, từ các học giả uyên bác, những viên chức nhà nước địa vị cao đến những nông dân nghèo và những người buôn bán nhỏ đều có thể đi học để thực hiện tốt hơn chức năng riêng của mình, từ đó đóng góp sức mình vào phát triển xã hội, chứ không nhất thiết phải học để ra làm quan theo lối suy nghĩ truyền thống của Nho học hủ lậu. Fukuzawa phê phán lối học ấy trong xã hội Nhật đương thời: “Trong xã hội Nhật Bản, mười người thì cả mười, trăm người thì cả trăm, tất cả đều mưu cầu việc tiến thân, thăng quan tiến chức và trở thành công chức”.

Fukuzawa là người đưa ra nguyên tắc nổi tiếng: “Độc lập quốc gia thông qua độc lập cá nhân”, tức là một xã hội muốn phát triển phải dựa trên những cá nhân có khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, chứ không phải dựa vào chính phủ. Ông kêu gọi các sĩ phu Nhật Bản làm việc theo phương châm tự tin vào sức mạnh cá nhân mà không phụ thuộc vào sức mạnh của người khác.

Để phổ biến kiến thức văn minh và tư tưởng tiến bộ phương Tây tới dân chúng, Fukuzawa đã viết trên 100 cuốn sách giải thích và biện

minh cho thể chế chính quyền nghị viện, giáo dục phổ thông, cải cách ngôn ngữ và quyền của phụ nữ. Ông còn mở trường Đại học Keio, nay trở thành một trong những trường đại học hàng đầu của Nhật Bản, để đào tạo những thế hệ thanh niên Nhật Bản theo phương thức mới. Cùng với một nhóm trí thức cùng tư tưởng, Fukuzawa cho ra mắt tờ báo Jiji Shimpō năm 1882, đây là một cơ quan tuyên truyền có tác động rất lớn đến công chúng Nhật Bản. Ông không coi mình là người làm chính trị, mà chỉ là “bác sĩ bắt mạch chính trị”. Ông không tham gia chính quyền, dù được mời nhiều lần, nhờ đó có cơ hội phê phán chính quyền một cách mạnh mẽ và kiên quyết hơn.

(Nhóm Cánh Buồm soạn theo
Wikipedia)

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ KHOA HỌC XÃ HỘI

Việc 1 - Thảo luận

1. Đề mục học là “Khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội”. Theo cách phân chia đã có:
 - a. Khoa học tự nhiên nghiên cứu gì? Khoa học tự nhiên có trả lời các câu hỏi này không:
 - Tại sao bụng đói và mất ngủ?
 - Tại sao có núi, sông, suối...?
 - Tại sao nắng và mưa, có lụt lội và khô hạn?
 - Tại sao có cháy và nổ?...
 - b. Khoa học xã hội nghiên cứu gì? Khoa học xã hội có trả lời các câu hỏi này không:
 - Tại sao con người vui hoặc buồn?
 - Tại sao có người nghèo và người giàu?
 - Tại sao có cảnh sát, có toà án, có nhà tù?
 - Tại sao có nhà chùa, nhà thờ, đền miếu?...
 - c. Thi tìm một câu trả lời giản đơn và ngắn: Khoa học tự nhiên khác khoa học xã hội ở chỗ nào?

2. Bài viết về *Fukuzawa Yukichi như một nhà cải cách chính trị xã hội, nhà giáo dục tiên phong, nhà tư tưởng tiêu biểu của Nhật Bản...*
 - a. Em cho biết: Fukuzawa muốn có nền giáo dục như thế nào? Ông có thích nền giáo dục chỉ biết đào tạo người ra làm quan không? Em chọn và đánh dấu trong bài đoạn văn nào ông chê trách nền giáo dục Nhật Bản và muốn cải cách nó. Các em đọc cho nhau nghe xem mình trích có đúng không?
 - b. Em tìm trong bài và đánh dấu đoạn văn này: “*Fukuzawa*

tin rằng giáo dục là cách duy nhất để đạt tới văn minh, bởi bản chất của văn minh là sự phát triển kiến thức và đạo đức nội tại của dân tộc”. Em có đồng ý với ý đó không? Em hiểu thế nào thì không phải là đạo đức nội tại của dân tộc?

- c. Em tìm trong bài và đánh dấu đoạn văn này: “Fukuzawa là người đưa ra nguyên tắc nổi tiếng: “Độc lập quốc gia thông qua độc lập cá nhân”.

Việc 2 – Viết bài

Tùy em chọn đề tài, sau đó em viết đoạn văn năm câu kéo dài, hoặc bài văn đầy đủ:

Đề tài 1 – Em thấy ý tưởng nào của ông Fukuzawa được em thích hơn cả? Em viết giới thiệu ý tưởng đó để các bạn trong lớp cùng đọc.

Đề tài 2 – Em có muốn nước Việt Nam chúng ta cũng có một ông Fukuzawa không? Tại sao em lại nghĩ là cần có một người như ông Fukuzawa?

Đề tài 3 – Em viết một lá thư cho một bạn người Nhật Bản trong tưởng tượng để chia sẻ với bạn về tình cảm của em với ông Fukuzawa.

Việc 3 – Em tự đánh giá bài viết

Em hiểu ông
Fukuzawa

Em hiểu nhưng
viết chưa rõ

Em rất yêu
ông Fukuzawa

TẶNG CÁC EM

Tặng các em một số danh ngôn.

**Đây là khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội nhỉ?
Các em tự tìm thêm những danh ngôn khác nữa nhé!**

- *Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*
(Hồ Chí Minh)
- *Thà làm quý nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc!*
(Trần Bình Trọng)
- *Đằng giang tự cổ huyết do hồng!*
(Giang Văn Minh nói với vua nhà Minh)
- *Đầu thân chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo!*
(Trần Thủ Độ nói với vua Trần Thái Tông)
- *Thà bị ghét vì ta là như vậy còn hơn được yêu vì ta không là như vậy.*
(André Gide)
- *Hạnh phúc tuyệt vời trong cuộc sống là khi ta biết mình được yêu.*
(Victor Hugo)
- *Tôi tin rằng chân lý trần trụi và tình yêu vô điều kiện cuối cùng sẽ đầy tràn cuộc sống. Đó là lý do vì sao thất bại tạm thời lại mạnh hơn cái ác đang thắng thế.*
(Martin Luther King)

- Cuộc sống cũng giống như đang lái một chiếc xe đạp, để giữ thăng bằng cần phải chuyển động.

(Albert Einstein)

- Các gia đình hạnh phúc đều giống nhau; còn những gia đình bất hạnh thì mỗi nhà bất hạnh một kiểu, chẳng nhà nào như nhà nào.

(Leo Tolstoy)

- Bạn hỏi bạn có thể làm gì để thế giới ngày càng yên bình? Xin hãy về nhà mình, và xin hãy yêu gia đình mình.

(Mẹ Teresa)

- Tình bạn nhân lên niềm vui và chia bớt đau buồn.

(Thomas Fuller)

- CON NGƯỜI! Ôi! Hai tiếng đó vang lên, nghe kiêu hãnh biết chừng nào!

(Maxim Gorki)

- Đừng phấn đấu để thành công mà hãy phấn đấu để mình có ích.

(Albert Einstein)

- Tương lai phụ thuộc vào điều chúng ta làm trong hiện tại.

(Mahatma Gandhi)

- Logic sẽ đưa anh từ điểm A tới điểm B. Trí tưởng tượng sẽ đưa anh tới mọi nơi.

(Albert Einstein)

Bài 3

Hoạt động ngôn ngữ

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

CÙNG TÌM HIỂU VẤN ĐỀ



Các em chia nhóm cùng tìm:

1. Nhìn khắp xung quanh, các em thấy có những người nào làm những công việc gì? (Ghi đầy bảng và càng lộn xộn càng tốt).
2. Làm cách gì tổ chức cho tất cả những người và công việc đó vào nền nếp, có lợi và không gây hại?
3. Em hiểu thế nào về công việc hành chính? (Đừng ngại! Hiểu sai cũng cứ nói ra).

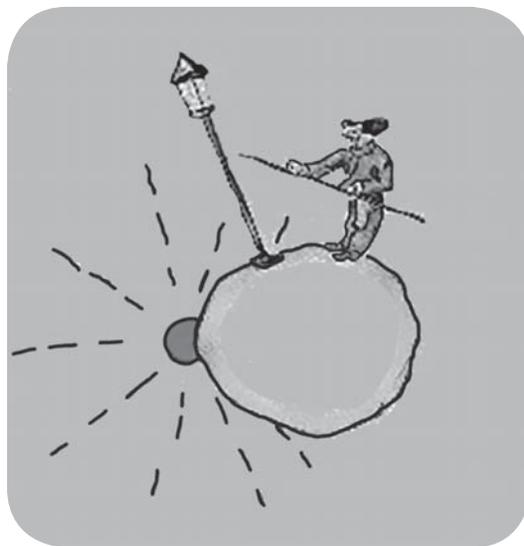
CÙNG TÌM HIỂU VẤN ĐỀ (tiếp)

Việc 1 - Đọc thầm

Người phu đốt đèn

Hành tinh thứ năm rất kỳ cục. Đó là hành tinh nhỏ nhất trong những hành tinh chú hoàng tử bé nhỏ tới thăm. Ở đó chỉ đủ chỗ cho một cây đèn đêm và một người phu đốt đèn. Chú hoàng tử bé nhỏ không làm sao lý giải để hiểu nổi, vì sao ở đâu đó trên trời, trên một hành tinh không nhà cửa, không người ở, mà lại có một cây đèn đêm và một người phu đốt đèn. Khi ấy chú lý sự một mình thế này:

“... Ít ra thì công việc ông ta làm còn có một chút ý nghĩa. Khi ông ta thắp sáng cây đèn đường, tựa hồ như ông làm cho trời đất sinh để thêm một ngôi sao, hoặc nở thêm một bông hoa. Khi ông tắt cây đèn đêm, ông ru ngủ cả bông hoa và cả ngôi sao trời. Đó là một công việc sao mà đẹp. Đó là điều thực sự có ích vì nó đẹp”.



Công việc ta làm đây thật khủng khiếp

Khi vừa chạm đất tới hành tinh này, chú hoàng tử bé nhỏ kính cẩn chào người phu đốt đèn:

– Xin chào bác. Sao bác lại tắt đèn đi?

Bác phu đốt đèn đáp:

– Đó là làm theo quy định... Sáng rồi, chào cháu.

– Quy định nghĩa là gì?

– Là buổi sáng thì tắt đèn đi. Bây giờ thì tối rồi đây, chào cháu, tối rồi.

Nói rồi bác phu đốt đèn lại thắp cây đèn đường lên.

– Nhưng sao vừa mới tắt xong, bây giờ bác lại thắp lên?

Bác phu đốt đèn trả lời:

– Đó là làm theo quy định.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Cháu không hiểu.

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng có gì khó hiểu cả. Quy định là quy định. Chào cháu, sáng rồi đây này.

Nói rồi bác lại tắt cây đèn đường đi.

Sau đó bác lấy chiếc khăn tay kẻ ô vuông màu đỏ thấm mồ hôi trán.

– Công việc của bác thật khùng khiếp. Ngày xưa thì chẳng sao. Xưa thì cứ sáng tắt đèn, chiều tối thắp đèn. Còn lại cả ban ngày nghỉ ngơi, và ban đêm thắp đèn xong thì đi ngủ...

– Thế rồi quy định thay đổi?

Bác phu đốt đèn nói:

– Quy định thì không thay đổi. Bi thảm là từ chỗ đó. Hành tinh càng ngày càng quay nhanh, mà quy định lại không thay đổi!

– Thế rồi sao nữa hả bác?

– Bây giờ cứ một phút hành tinh quay được một vòng, không ngơi được một giây. Một phút một lần đốt đèn rồi lại tắt đèn!

– Hay thật đấy, một ngày ở chỗ bác dài có một phút thôi!

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng có gì hay ho cả. Từ nãy tới giờ hai bác cháu mình trò chuyện, thế mà hết một tháng rồi đó.

– Một tháng?

– Đúng thế. Ba mươi phút. Ba mươi ngày rồi! Chào cháu, bác đi đốt đèn đây.

Rồi bác ta đi đốt cây đèn đường.

Chú hoàng tử bé nhỏ nhìn bác ta, và chú thấy yêu cái bác phu đốt đèn này, con người sao mà trung thành làm đúng quy định. (...) Chú muốn giúp bác ta:

– Bác này... cháu có một cách giúp bác lúc nào muốn nghỉ ngơi thì cứ việc nghỉ ngơi...

Bác phu đốt đèn nói:

– Lúc nào cũng muốn nghỉ ngơi.

Con người ta là vậy, cùng lúc vừa có thể chăm chỉ vừa lại lười nhác.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói tiếp:

– Hành tinh của bác bé tí tẹo, chỉ ba sải dài chân là đi khắp hành tinh. Bác chỉ cần đi chậm chậm thế là lúc nào cũng có ông mặt trời trước mặt. Bất cứ lúc nào muốn nghỉ ngơi thì bác cứ dạo bước... và chừng nào bác còn bước đi thì ngày sẽ dài vô cùng tận.

Bác phu đốt đèn nói:

– Thế cũng chẳng ăn thua gì. Điều ta yêu quý trên đời là ngủ.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Cũng chẳng ăn thua gì thật.

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng ăn thua gì thật. Chào cháu, sáng rồi đây này.

Và bác ta đi tắt cây đèn đường.

“Cái bác này, chú hoàng tử bé nhỏ tiếp tục cuộc viễn du, và vừa đi vừa ngẫm nghĩ, cái nhà bác này sẽ bị cả lũ kia khinh rẻ, bị nhà vua, bị chàng mũi phồng, bị ông nát rượu, bị nhà doanh nghiệp khinh rẻ. Nhưng mình thấy đây là con người duy nhất không lối bịch. Có lẽ đó là vì bác ta lo một điều gì khác chứ không lo cho bản thân mình”.

Chú thở dài tiếc rẻ và lại thăm nói:

– Cái bác này có lẽ là người duy nhất ta phải kết bạn. Nhưng hành tinh của bác ấy bé quá. Hai người cùng ở đó thì không đủ chỗ...

Có một điều chú hoàng tử bé nhỏ không dám thú nhận, đó là chú tiếc rẻ hành tinh Trời thương ban cho kia, vì cứ một ngày đủ hai mươi bốn giờ là có đủ một nghìn bốn trăm bốn mươi lần mặt trời lặn!

(Trích Hoàng tử bé – St. Exupéry, Châu Diên dịch)

Việc 2 – Thảo luận

Trong câu chuyện người phu đốt đèn đường có nhiều yếu tố để học ngôn ngữ hành chính!

1. Em tìm những lời lẽ nào, những câu nào trong bài kể về sự vất vả và do đó có cả sự chán ngán trong công việc của người phu đốt đèn.
2. Em tìm trong bài có một từ – nhấn mạnh chỉ một từ trong bài thôi – nói rõ vì sao người phu đốt đèn bị cột chặt vào công việc khiến bác ta mệt mỏi và chán ngán công việc.
3. Em giải thích ý nghĩa của từ quy định – đó là đề ra những gì (quy định những gì)?
 - a. Ai – tổ chức nào – có quyền đề ra những quy định? (Em cho ví dụ).
 - b. Các quy định được đề ra để cho những ai phải theo? (Em cho ví dụ).

- c. Có cách gì kiểm soát xem quy định sai hay đúng? Vì nếu quy định sai thì rất nguy hiểm! Mà đúng thì cũng không thể đúng cả trăm năm! (Em cho ví dụ).
- d. Tổ chức kiểm soát công việc thực hiện các quy định như thế nào? (Em cho ví dụ).

Việc 3 – Tự sơ kết

1. Các em chia nhóm, tưởng tượng rồi từng em viết ra bản quy định cho công nhân bật và tắt đèn đường như trong câu chuyện “Người phu đốt đèn” bên trên.
2. Em viết đoạn văn năm câu giải thích “Ngôn ngữ hành chính nằm trong những quy định buộc mọi người phải theo”.

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Khái niệm Lỗi và Tội

Ngôn ngữ hành chính cũng phải mang tính chính xác như khái niệm khoa học

Ví dụ:

Vi phạm là gì? Vi phạm là như thế nào?

Lỗi là gì? Tội là gì?

LỖI là vô tình phạm quy định **TỘI** là cố ý phạm quy định



“Vứt tạm đây,
nhanh còn về làm bài tập!”



“Nhân lúc cả phố đang ngủ say,
đổ nhanh chuồn nhanh!”



– Lần sau là phạt đấy nhé!
– Cháu xin lỗi ạ!



“Ông cố ý vi phạm luật Môi trường!
Mời ông ký vào biên bản!”

**Chỉ cần phê bình nhắc nhở người phạm lỗi.
LỖI nặng lắm mới xử theo luật dân sự.
Người phạm TỘI bị xử theo luật hình sự.**

Thực hành:

Những người trong hình dưới đây phạm quy định gì? Phạm như thế nào?

Em tự tìm thêm những ví dụ khác.



“Ôi, vội quá, quên mũ bảo hiểm rồi!”

“Thăng rồi! Đua thôi, có gì phải sợ!”



– Không được hái hoa ở đây đâu em!

“Nhanh chân lên, bảo vệ tới bây giờ!”

– Em xin lỗi, em trót hái một bông rồi!

Mau về nhà, đỡ tiền mua hoa tết!”

**Các em tiếp tục nghĩ ra tình huống phân biệt LỖI và TỘI,
cùng chơi vui với nhau.**

MINH BẠCH (KHI THÔNG BÁO)

Luật bảo vệ động vật hoang dã ở Úc



Các em cho biết:

1. Theo biển báo, những loài vật hoang dã nào được bảo vệ dọc con đường này?
2. Không ghi trên biển báo, nhưng ta biết ngoài quãng đường 150 km này, động vật hoang dã được bảo vệ như thế nào?

MINH BẠCH (KHI XỬ LÝ)

Biên bản vi phạm luật

Các em chú ý:

Một biên bản vi phạm luật có cấu trúc chẳng khác mấy với cách viết ĐOẠN VĂN các em đã học.

Đầu tiên, nó cần có tiêu đề, tiếp đó là năm ý - ví dụ như sau:

Biên bản vi phạm Luật bảo vệ động vật hoang dã

- Phần chủ đề** - cho thấy rõ ngay từ đầu các yếu tố chính:
 - Ngày, giờ, tại địa điểm nào, xảy ra vụ vi phạm Luật bảo vệ động vật hoang dã.
 - Gây ra bởi (tên, tuổi, địa chỉ).
 - Cảnh sát môi trường (tên đơn vị, tên sĩ quan) đã có mặt hồi (ngày, giờ).
- Phần mở rộng** - thêm những chi tiết cụ thể bổ sung cho phần chủ đề:
 - Xe chạy hướng từ đâu đến đâu?
 - Khi gây tai nạn với động vật hoang dã, xe chạy với tốc độ thế nào?
 - Thời tiết có ảnh hưởng tới tầm nhìn của xe hay không?
 - Lái xe khai có nhìn rõ biển báo không?
 - Nồng độ cồn của lái xe có quá mức cho phép không?
 - Xe đã đâm vào con vật nào? Đâm vào mấy con? Bị thương mấy con? Chết mấy con?

3. **Phần phản biện** - phân trần lý do gây tai nạn, bằng chứng của người làm chứng:
- Lái xe trình bày hoàn cảnh phóng nhanh và đâm xe vào động vật được bảo vệ.
 - Người làm chứng xác nhận đồng ý với lời lái xe trình bày là trung thực hoặc phản bác lại.
4. **Phần sơ kết** - người làm biên bản nêu ra những nhận định của mình:
- Đánh giá lỗi vi phạm nghiêm trọng đến đâu.
 - Đánh giá tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ (tăng rất nặng nếu: lái xe uống rượu say, hoặc có ý định tẩu tán con vật bị xe gây nạn, hoặc có ý định mang con vật được Luật bảo vệ về ăn thịt...)
 - Tình tiết giảm nhẹ: lái xe khi thời tiết xấu, lái xe khắc phục hậu quả, lái xe hợp tác với cảnh sát môi trường cấp cứu con vật bị thương...
5. **Phần kết luận** - người làm biên bản nêu ý kiến cuối cùng của mình về mức độ vi phạm luật của lái xe.

Các chữ ký của:

Người làm biên bản

Người vi phạm

Người làm chứng

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Luật và Biên bản vi phạm luật

Luyện tập vui

Các em chia nhóm đóng vai những bên bị lập biên bản trong vụ án hối lộ nhân dịp “Đám cưới chuột” xảy ra giữa họ nhà Chuột và ông Mèo:



“Đám cưới Chuột” - Tranh dân gian Đông Hồ

Các em chú ý:

1. Chứng cứ trong vụ đưa hối lộ: chim, cá, ngoài ra ông Mèo còn đòi thêm những gì nữa... (đòi trực tiếp hay đòi gián tiếp qua tay chân)?
2. Bố mẹ của chú rể và cô dâu Chuột muốn hối lộ nhanh nhanh cho xong chuyện để đám cưới tiến hành. Các em lập luận xem đó là tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trong vụ án này?

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Luật và Biên bản vi phạm luật

Luyện tập vui

Các em chia nhóm đóng vai những bên bị lập biên bản trong vụ án đánh đập trẻ em tại ngôi trường của “Thầy đồ Cóc” xảy ra giữa học sinh nhỏ tuổi và học sinh lớn tuổi:



“Thầy đồ Cóc” - Tranh dân gian Đông Hồ

Các em chú ý:

1. Các bị can trong vụ đánh học sinh là trẻ em đang đi học, chưa đến tuổi tự chịu trách nhiệm. Các em nghĩ ra các tình huống sau:
 - a. Thầy đồ Cóc ra lệnh đánh.
 - b. Học sinh lớn đánh học sinh bé, thầy đồ biết mà không can thiệp (hoặc còn xúi thêm).
2. Bố mẹ của học sinh bị đánh chịu trách nhiệm đến đâu? (Ví dụ: có người còn đồng ý cho con bị đánh đòn).

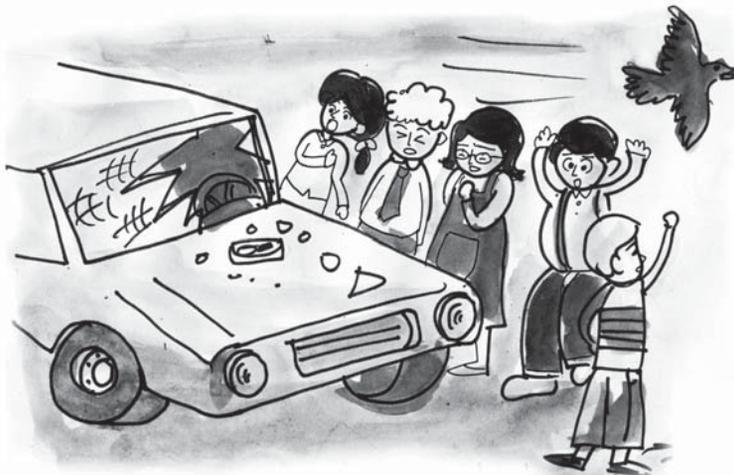
NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Luật và Biên bản vi phạm luật

Luyện tập vui

Các em lập luận từng vụ sau và bằng ngôn ngữ hành chính cho biết đó là LỖI DÂN SỰ hay TỘI HÌNH SỰ.

1. Bạn A trực quét dọn vệ sinh lớp học. Bạn mang giỏ rác bẩn (có con chuột chết) đi đổ. Nhưng khi đang đi ngang cửa lớp nào đó thì trống vào học. Bạn cuống lên đánh đổ rác và cả con chuột chết ra cửa lớp kia...
2. Hai nhà là hàng xóm với nhau. Một sáng ngủ dậy thấy ở cửa nhà (chỗ giữa hai nhà) có xác con mèo chết. Thấy nhà kia chưa mở cửa, người nhà này đá con mèo chết qua cửa nhà bên đó. Nhà kia chợt mở cửa và “bắt quả tang” vớt mèo chết qua nhà mình.
3. Đây là chuyện có thật tại Sydney (Australia): Một nhà trên tầng sáu phơi một miếng thịt bò đóng băng lấy ra từ tủ lạnh. Một con quạ bay đến cắp miếng thịt, nhưng đánh rơi, làm vỡ kính ô tô nhà dưới. Mời các em dùng ngôn ngữ hành chính lập luận về vụ việc này.

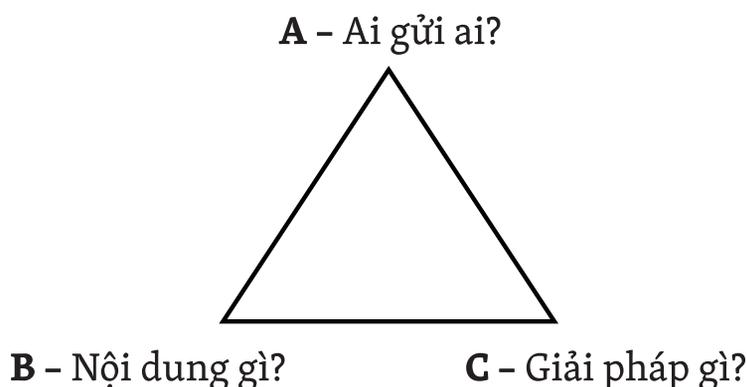


“Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!”

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Khiếu nại - Kiến nghị - Góp ý

Ba loại văn bản trên đều dùng ngôn ngữ hành chính với sơ đồ:



- (1) **Đơn KHIẾU NẠI** để nói với cơ quan có trách nhiệm rằng mình bị oan hoặc bị xử lý sai (gọi chung là OAN - SAI).
Các em tìm ví dụ minh họa.
- (2) **Đơn ĐỀ NGHỊ** để nói với cơ quan có trách nhiệm rằng có chuyện gì chưa ổn trong cuộc sống, và đề xuất cho cơ quan đó các GIẢI PHÁP.
Các em tìm ví dụ minh họa.
- (3) **Thư GÓP Ý** để nói với cơ quan có trách nhiệm về nội dung công việc hoặc cách làm việc của nhân viên các cơ quan đó.
Các em tìm ví dụ minh họa.

**Cả ba loại văn bản dùng ngôn ngữ hành chính này
nói chung đều có cấu tạo rất gần với
Đoạn văn năm câu hoặc Bài văn ba phần năm đoạn đã học!**

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Luyện tập vui

Lập phiên tòa

Lập tòa án xử tội Rồng không làm mưa đúng hạn và đầy đủ.

Tự chọn các nhân vật:

- Chánh tòa
- Người buộc tội 1, 2 và 3
- Người bị hại (Cua, Cá, Tôm bị ảnh hưởng sức khỏe, chết)
- Nhân chứng
- Luật sư
- Thư ký tòa (ghi biên bản)



*Phiên tòa xử bị can Rồng tội
“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*

NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Luyện tập vui

Tùy chọn đề tài:

1. Em viết một bài báo kể lại phiên tòa xử bị can Rông tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và gợi ý sau cuộc xử án Rông thì cách thi hành án ra sao? Bài báo gợi ý các con vật còn phải làm gì để buộc Rông và Trời phải cho mưa mỗi khi Cóc nghiêng răng báo tin hạn hán?
2. Em viết một bài biên bản phiên tòa xử bị can Rông tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Biên bản cần viết đầy đủ diễn biến phiên tòa, sao cho người đọc không tham gia phiên tòa cũng nắm được toàn bộ diễn biến cũng như thái độ các bên tham dự.
3. Vì các nhân vật đều không biết chữ, nên em giúp đỡ họ, thay mặt cho những nhân vật trong câu chuyện (Hổ, Gấu, Cua, Cá, Voi, Kiến, Bò Câu...) đứng ra làm đơn khiếu nại về nỗi khổ không có mưa.
 - Đơn này gửi ai?
 - Nỗi khổ không có nước đối với từng nhân vật.
 - Quy tội không có mưa cho Rông phụ trách bơm nước và làm mưa.
 - Đề nghị giải pháp.
 - Đề nghị cách thức kiểm soát việc tưới nước mưa cho miền hạ giới.

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Biện luận và viết đoạn văn

Việc 1 - Tư liệu

Đọc thầm

Tên trộm và bà mẹ

Có một đứa trẻ từ nhỏ đã thích ăn trộm. Một hôm, nó đi học về, trong cặp có thêm một chiếc bảng học sinh. Mẹ nó hỏi:

- Sao con lại có tới hai chiếc bảng?

Đứa con đáp:

- Một cái là của bạn cùng lớp với con. Con đã lén lấy cho vào cặp đấy.

Bà mẹ vui mừng nói:

- Con của mẹ thật thông minh. Hai cái bảng chắc chắn là tốt hơn một cái rồi.

Ít lâu sau, đứa con lại mang về một cái áo da, trị giá 50 quan tiền. Đứa con đưa chiếc áo da cho mẹ, mẹ nó khen:

- Con trai của mẹ thật là giỏi, biết hiếu thảo với mẹ. Ra mẹ thơm một cái nào.

Đứa con trai ngày một lớn lên, càng ngày càng lấy trộm những thứ có giá trị hơn. Hôm nay ăn trộm bò, ngày mai ăn trộm ngựa, ngày hôm sau trộm vàng bạc châu báu. Bà mẹ luôn luôn khen ngợi con, trong nhà thiếu thứ gì, liền bảo với con trai để nó đi trộm về.

Có một lần, đứa con ăn trộm đồ bị người ta bắt quả tang, giải lên quan phủ. Vì hắn trộm quá nhiều thứ nên bị phạt tội chết. Tên trộm bị trói hai tay ra sau lưng, giải ra pháp trường. Mẹ hắn đi theo sau, khóc lóc thảm thiết.

Tại pháp trường, tên trộm xin quan cho hắn được nói với mẹ vài lời. Khi bà mẹ bước tới gần, hắn liền cắn mạnh vào tai mẹ. Mẹ hắn đau quá kêu toáng lên, lớn tiếng mắng con:

- Mà thật là đồ bất hiếu, tự mình phạm tội chết còn chưa đủ hay sao mà còn muốn làm mẹ thành tật à?

Đứa con giận dữ nói với mẹ hắn:

- Lần đầu tiên tôi ăn trộm cái bảng vẽ, nếu bà đánh tôi một trận và dạy bảo tôi thì tôi không đến nỗi như ngày hôm nay và đã không bị xử tội chết.

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

Việc 2 - Biện luận và viết bài

Dựa vào tư liệu là chuyện “Tên trộm và bà mẹ” các em dùng ngôn ngữ hành chính để biện luận (kỹ thuật tạo đoạn văn năm câu mở rộng). Các em tự chọn câu chủ đề cho sẵn dưới đây để phát triển thêm.

Câu chủ đề 1 - Thật là một bà mẹ **bất hạnh**, nhưng nếu như bà ta không chiều con quá đáng từ bé, thì đã không đến nỗi.

Câu chủ đề 2 - Thật đáng đời, vì đây là một **bà mẹ có tội**, vì bà đã khuyến khích con bà ăn cắp ăn trộm từ khi còn đi học.

Câu chủ đề 3 - Bà mẹ không có tội, **bà chỉ có lỗi**, lỗi quá chiều con, thấy con có thói xấu, nhưng thương con nên bỏ qua, và nhiều lần mắc lỗi đã đem đến kết quả tai hại.

Câu chủ đề 4 - Đứa con là **kẻ phạm tội** từ bé, phạm tội kéo dài, cuối cùng vẫn phạm tình tiết tăng nặng là cắn tai mẹ, bị chặt đầu là đúng người đúng tội.

Câu chủ đề 5 - Đúng đó là đứa trẻ hư từ nhỏ, nhưng nó chỉ **phạm lỗi về đạo lý**, chứ không phạm tội, vì không có Luật nào cấm trẻ em tắt mắt những chuyện vặt.

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Biện luận và viết đoạn văn

Việc 1 - Tư liệu

Đọc thầm

Lừa đội lốt Sư tử

Có một con Lừa luôn tự cho mình là thông minh. Nó ao ước làm được một chuyện kinh thiên động địa. Một hôm, Lừa đi qua nhà người thợ săn, trông thấy một bộ da Sư tử, nó tưởng là Sư tử thật, sợ quá co giò chạy. Nhưng chạy được vài bước nó thấy là lạ, sao Sư tử lại không đuổi theo nhỉ? Lừa quay đầu nhìn lại, hóa ra chỉ là một bộ da Sư tử. Thế là nó lén vào sân nhà người thợ săn và lấy trộm.

Lừa khoác bộ da Sư tử lên mình rồi khệnh khạng đi ra bãi cỏ. Bọn Bò, Cừu nhìn thấy hoảng sợ bỏ chạy thực mạng. Những con Lừa khác nhìn thấy cũng tưởng là Sư tử nên đều sợ hãi co giò chạy trốn. Lừa thích chí reo lên:

- Ha ha, để xem từ giờ còn ai dám coi thường mình nữa!

Nó quyết định đội lốt Sư tử đi vào rừng để thể hiện uy phong với các con vật khác. Nó nấp sau một thân cây to, chỉ thò đầu ra. Một con Hồ lửng thững đi lại phía nó, mang dáng vẻ của chúa rừng xanh. Trông thấy Hồ, Lừa cũng có đôi chút sợ hãi, nhưng nó nghĩ, mình đang khoác bộ da của Sư tử, lẽ nào còn phải sợ nó sao?

Hồ chợt nhìn thấy một cái đầu Sư tử nấp sau cái cây, sợ lảng đi chỗ khác. Lừa thấy vậy vô cùng đắc ý, đến cả Hồ cũng sợ mình, nói gì đến những con vật khác.

Có một con Cáo cũng muốn kết bạn với Sư tử nên đi kiếm Sư tử khắp nơi. Một hôm, Lừa khoác bộ da Sư tử ngồi trong một bụi cây. Cáo nhìn

thấy liền chạy đến nói to:

- Sư tử đại vương, chúng ta kết bạn với nhau nhé!

Lừa biết Cáo là một kẻ xảo quyệt, liền đứng lên hù dọa Cáo và gầm lên một tiếng. Cáo nghe thấy, nói:

- Hóa ra là anh Lừa. Nếu không nghe tiếng kêu của anh, tôi cũng sợ thật đấy. Nhưng giờ thì chẳng ai còn sợ anh nữa đâu.

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

Việc 2 - Biện luận và viết bài

Dựa vào tư liệu là truyện *Lừa đội lốt Sư tử* các em dùng ngôn ngữ hành chính để biện luận (kỹ thuật tạo đoạn văn năm câu mở rộng). Các em tự chọn câu chủ đề cho sẵn dưới đây để phát triển thêm.

Câu chủ đề 1 - Trong vụ việc vừa nêu, tên Lừa **phạm hai tội**, một là tội ăn trộm tấm da sư tử của bác nông dân, hai là tội dùng bộ da sư tử thực hiện hành vi lừa đảo.

Câu chủ đề 2 - Tên Lừa trong chuyện tuy có ăn trộm tấm da sư tử và có thực hiện hành vi lừa đảo, được vài con vật sợ hãi, nhưng nó cũng bị lộ mặt nạ, hình phạt với **lỗi của kẻ ngu dốt** thì như thế là đủ.

Câu chủ đề 3 - Trong câu chuyện này, cần **kết tội** tên Cáo, vì đó là kẻ chuyên đi tìm kẻ xấu để kết bạn.

Câu chủ đề 4 - Không đủ bằng chứng để **kết tội** tên Cáo về chuyện tìm kẻ xấu để kết bạn, vì nó chưa gây tác hại gì cả, có đúng vậy không?

Câu chủ đề 5 - Trong câu chuyện này, con Lừa chỉ là một kẻ huênh hoang, hiếu danh, thích ra oai hãnh, thực sự chỉ là kẻ ngu dốt - nếu ta **kết tội** thì ta phải **trừng trị** Lừa, nhưng lại chưa có luật trị kẻ ngu dốt.

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Biện luận và viết văn

Tư liệu - Đêm “ăn mừng” đội tuyển Việt Nam



Theo mẫu các bài tập dùng ngôn ngữ hành chính nói về tội và lỗi, em dùng những hành vi thể hiện ở hình vẽ trên để viết bài:

1. Nêu vấn đề cách giải trí đúng mức của thanh thiếu niên.
2. Nêu khía cạnh vi phạm luật của trò giải trí lệch lạc.
3. Nêu khía cạnh vi phạm đạo đức dù không bị bắt và bị phạt khi tham gia những trò giải trí nguy hiểm.

Bài viết tùy chọn

Nếu có điều kiện, các em xin cô giáo cho đi dự một phiên xử án. Các em ghi lại diễn biến và cảm nghĩ của mình.



NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Tự làm TỪ ĐIỂN HÀNH CHÍNH

Các em cùng nhau lập TỪ ĐIỂN NHỎ các thuật ngữ liên quan đến ngôn ngữ hành chính. Chia nhóm, mỗi nhóm tìm theo một hoặc một vài chủ đề.

Ví dụ một số chủ đề:

- BẦU CỬ: Ứng cử, luật bầu cử, bầu cử, cử tri, ứng cử viên, hội đồng bầu cử, khu vực bầu cử, thùng phiếu, lá phiếu...
- GIÁO DỤC: Nhà trường, mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học, giáo viên, giáo sư, hiệu trưởng, thi cử...
- CÔNG DÂN: Quốc tịch, quyền, nghĩa vụ...
- QUỐC HỘI: Cử tri, tuyển cử, bầu cử, ứng cử...
- CHÍNH PHỦ: Thủ tướng, bộ trưởng, thứ trưởng...
- TÒA ÁN: Chánh án, luật sư, phiên tòa, bản án...
- VĂN BẢN: Hiến pháp, thông tư, nghị định, chỉ thị, hướng dẫn...
- KHU VỰC HÀNH CHÍNH: Trung ương, tỉnh, thành phố, quận, huyện, phường, xã, thôn...
- QUÂN ĐỘI - QUỐC PHÒNG: Hải quân, không quân, bộ binh, biên phòng...
- CẢNH SÁT: Cảnh sát, công an, dân phòng, trại giam, trại cai nghiện, trại cải tạo...

VIẾT BÀI GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ HÀNH CHÍNH (rút trong TỪ ĐIỂN HÀNH CHÍNH của các em)

Nhiệm vụ: em viết bài giải thích một thuật ngữ hành chính.

Gợi ý:

Em đặt tên bài viết là gì?

(Chú ý: tên bài phải bao hàm nội dung
câu chủ đề và câu kết luận)

NÊU VẤN ĐỀ – Tại sao em chọn giải thích thuật ngữ này? Có những sự việc và hiện tượng gì, có những cách hiểu sai lạc nào khiến em thấy cần giải thích thuật ngữ đó? Công việc có thực sự quan trọng không?

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Đoạn mở rộng: Mô tả kỹ hơn những cách hiểu sai dẫn tới sự việc và hiện tượng làm không đúng khái niệm chứa đựng trong thuật ngữ. Nên có con số, có trích dẫn từ những nguồn đáng tin cậy để đoạn mở rộng được cụ thể.

Đoạn phản biện: Nói kỹ những phản ứng trái chiều (cả đúng và sai) đối với nội dung thuật ngữ hành chính em đang viết. Nên có con số và những trích dẫn tin cậy.

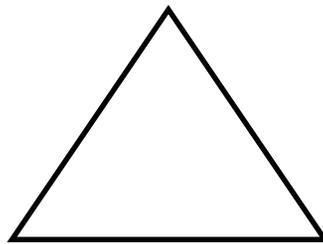
Đoạn sơ kết: Nói những ý kiến em tiếp thu vì gần với quan niệm của em với nội dung thuật ngữ em đang giải thích.

KẾT LUẬN VẤN ĐỀ – Xác định việc chọn giải thích thuật ngữ hành chính này là cần nhằm thống nhất cách hiểu, do đó có cách làm đúng luật, có lợi cho cuộc sống xã hội.

Bài 4

Hoạt động ngôn ngữ
NGÔN NGỮ XÃ GIAO**NGÔN NGỮ XÃ GIAO****Việc 1 - Mô tả ba kiểu quan hệ**

Các em mô tả và tìm ví dụ về các kiểu quan hệ giữa những người đang sử dụng ngôn ngữ xã giao (giao tiếp trong xã hội).

**(A) NGANG NHAU****(B) TRÊN DƯỚI****(C) XA LẠ**

Việc 2 - Luyện tập nhanh

1. Máy mối quan hệ dưới đây theo kiểu nào? Em dùng công thức logic “Nếu... thì...” để nói về kiểu quan hệ bên dưới. Thi giữa các em xem ai tìm được nhiều trường hợp “Nếu... thì...”.



2. Các em thảo luận và trả lời: có những trường hợp nào mối quan hệ đang từ xa lạ bỗng đổi thành trên dưới hoặc ngang nhau?
3. Các em tìm xem có khi nào người nhiều tuổi hơn lại là bậc dưới trong quan hệ với người khác ít tuổi hơn?
4. Tại sao chúng ta phải học về ngôn ngữ xã giao? Em tưởng tượng việc học này có lợi gì? Một hôm về quê ăn Tết, em kính trọng hỏi một cụ nhiều tuổi: “Thưa cụ, năm nay cụ lên mấy?” và em bị cả họ cười cho một mẻ. Đố biết tại sao?

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Việc 1 - Đọc thầm

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

*Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*Kim vàng ai nỡ uốn câu
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

*Chim khôn hát tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

*Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà, có duyên.*

*Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.*

*Người thanh tiếng nói cũng thanh
Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu.*

*Nói lời phải giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.*

*Nói chín thì phải làm mười
Nói mười làm chín kẻ cười người chê.*

*Rượu lạt uống lắm cũng say
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.*

Việc 2 – Thảo luận và viết bài

Thảo luận:

1. Những câu ca thể lục bát bên trên thuộc thể loại gì? Tại sao em gọi đó là tục ngữ mà không gọi đó là ca dao (cùng thể lục bát mà!)?

Thảo luận rồi viết:

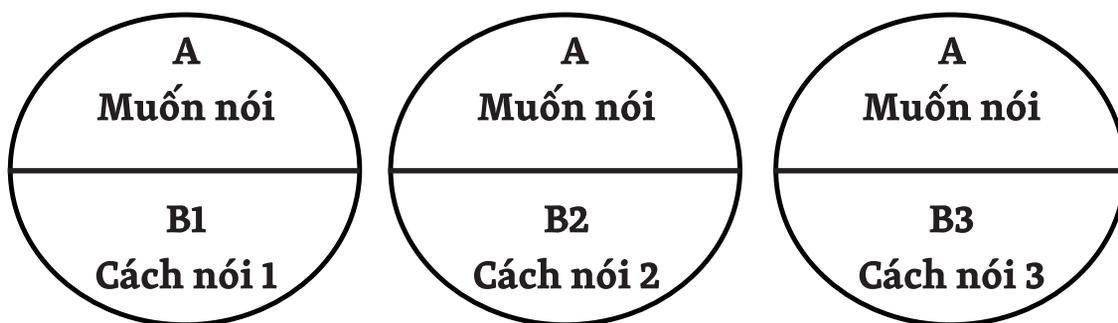
2. Em chọn một câu tục ngữ đã cho ở trên làm thành câu chủ đề của đoạn văn năm câu. Em nói và viết đoạn văn đó ra.
3. Em chọn một đoạn văn năm câu em đã viết (hoặc do bạn viết mà em thấy hay) và viết lại thành một bài văn đầy đủ.

Bài tự chọn làm thêm:

Em có đồng ý với ý kiến này không: “*Một xã hội càng có trình độ văn hóa cao, thì ngôn ngữ xã giao càng tinh tế, lịch sự và giản dị*”.

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Cách biểu đạt đồng nghĩa



Các em so sánh hai cách biểu đạt B1 và B2 sau:



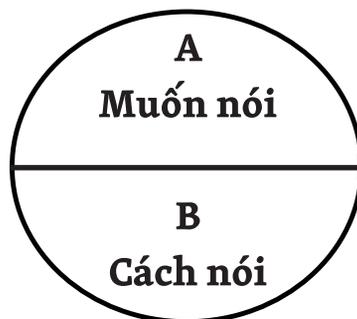
- CỤ cần gì ạ? Để cháu giúp...
- Bà muốn sang đường... Ô tô ghê quá. Bà chóng cả mặt!
- CỤ để cháu đưa sang đường. Cháu cùng đi với cụ...



- Bà già kia, định qua đường một mình hử?
- Nhà cháu mới ở quê ra...
- Quê với quán! Muốn chết cứ thế mà lao qua đường đi!

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Luyện tập cách biểu đạt đồng nghĩa



Các em cùng nghĩ ra những cách biểu đạt B1 và B2 ứng với những tình huống dưới đây.

Mẫu:



- Nhanh lên con, muộn rồi!
- Làm gì mà mẹ cứ giục cuống lên!
- Muốn chết không? Mau cái chân lên!
- Nhanh lên con, muộn rồi!
- Vâng... vâng... con đang cuống lên đây!
- Mau chân lên, hôm nay mẹ đến phiên trực!

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Luyện tập cách biểu đạt đồng nghĩa (tiếp)



NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Biểu đạt đồng nghĩa ở cấp độ TỪ

Tình huống 1:

Em được nhà trường tặng thưởng. Thầy hiệu trưởng và cô giáo đề nghị em mời mẹ tới dự lễ trao giải. Em giới thiệu mẹ với thầy cô như thế nào?



“Thưa thầy, thưa cô, đây là...”

Giữa những cách gọi mẹ sau, em chọn cách nói nào?

mẹ - má - mợ - u - bu

bầm - thân mẫu - người sinh ra em

Thảo luận:

Tại nơi em ở, gọi mẹ bằng cách nào thì gây buồn cười? Gọi cách nào người nghe không hiểu? Gọi cách nào giản dị và lịch sự? Tại sao? Ngoài các cách gọi ở trên, em còn biết cách gọi mẹ nào khác nữa không?

Tình huống 2:

Em tự đặt mình vào vai thầy hiệu trưởng về thăm quê. Ở quê thầy, có tục lệ rất khắt khe trong cách xưng hô. Em chào như thế nào một người trẻ hơn mình, như học trò của mình, nhưng thứ bậc cao hơn, thầy phải gọi bằng BÁC?



- Chào thầy giáo về quê!
- Dạ, xin chào...

Giữa những cách xưng hô sau, em chọn cách nói nào để chào lại (nhớ là em đang trong vai thầy giáo nhé):

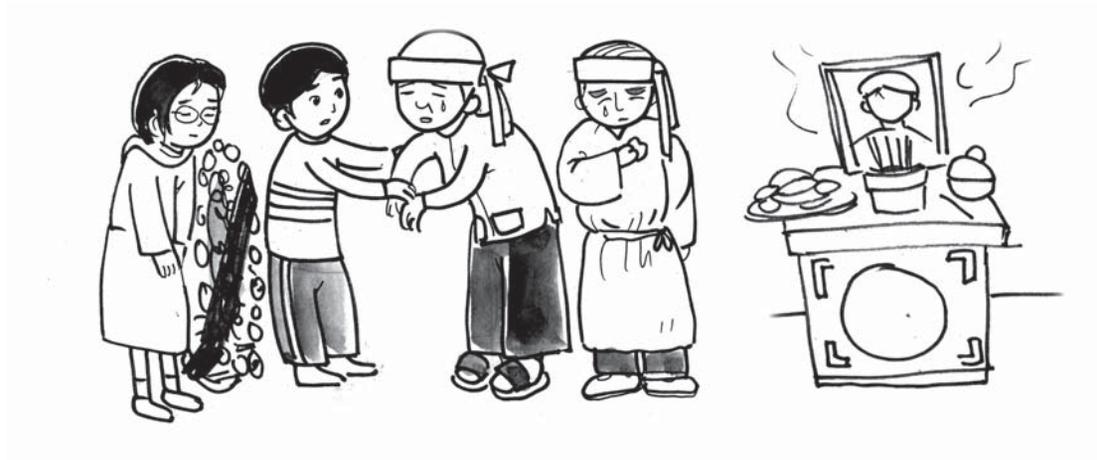
mày - mi - anh - chú - cháu - bác
ông - anh cu - thằng này - bạn - cậu - đằng ấy

Thảo luận:

Gọi người bác ít tuổi hơn như thế nào sẽ gây buồn cười? Gọi cách nào khó hiểu? Gọi cách nào giản dị và lịch sự? Tại sao?

Tình huống 3:

Em và các bạn đến viếng một đám tang người thân của một bạn cùng lớp. Em sẽ dùng lời nào để chia buồn?



- *Chúng cháu có lời chia buồn cụ đã...*
- *Cảm ơn các cháu!*

Em thử chọn giữa những cách nói sau và giải thích vì sao em chọn từ đó:

mất - chết - hy sinh - qua đời - tởi -
trăm tuổi - ngóm - khuất núi - toi mạng -
ngủ với giun - thăng thiên - hai năm mươi

Thảo luận:

Gọi cái chết bằng cách nào để vừa đủ trang trọng, vừa không cầu kỳ, tránh gây phản cảm? Gọi cách nào người nghe không hiểu? Nên gọi cách nào giản dị và lịch sự? Tại sao?

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Biểu đạt đồng nghĩa ở cấp độ TỪ

Một số cách gọi MẸ đồng nghĩa:

Ngồi buồn nhớ **mẹ** ta xưa
Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương.
(Ca dao)

Bầm ơi có rét không bầm?
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.
(Trích Bầm ơi – Tố Hữu)

Má ơi ai sinh cá
Ai làm ra cái kem
Đêm sao lại màu đen
Ban ngày sao màu trắng?
(Trích Cắt nghĩa – Xuân Quỳnh)

U tôi ngày ấy mỗi mùa xuân
Dặm liễu mây bay sắc trắng ngàn
Lại dẫn chúng tôi về nhận họ
Bên miền quê ngoại của hai thân.
(Trích Đường về quê mẹ – Đoàn Văn Cừ)

Tôi nhớ **me** tôi thuở thiếu thời,
Lúc người còn sống, tôi lên mười.
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.
(Trích Nắng mới – Lưu Trọng Lư)

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

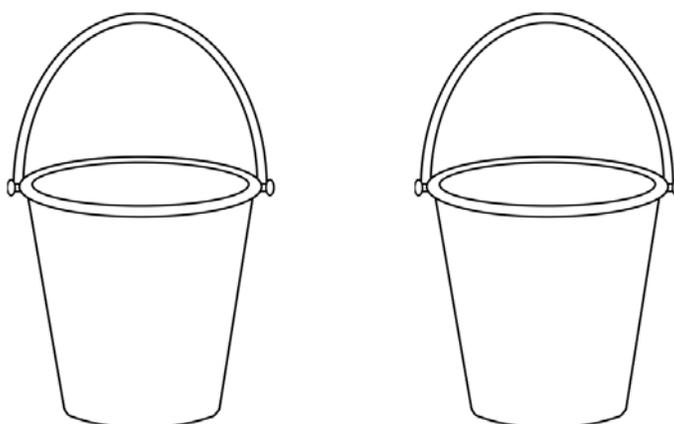
Biểu đạt đồng nghĩa ở cấp độ TỪ

Luyện tập

Các em tự tổ chức chơi các trò chơi ngôn ngữ để luyện tập biểu đạt đồng nghĩa về TỪ.

Trò chơi

THÙNG ĐẦY - THÙNG VỚI



1. Chuẩn bị:

- Chia lớp thành hai đội để tham gia chơi.
- Vẽ trên bảng hai thùng lớn.

2. Cách chơi:

- Mỗi đội được “giao” một thùng để “bỏ” các từ biểu đạt đồng nghĩa vào (viết từ đồng nghĩa vào đó).
- Trưởng trò cho một từ (ví dụ: ăn), mỗi đội phải tìm và viết các từ biểu đạt đồng nghĩa với từ đã cho (ví dụ: xơi, chén, đớp...) vào thùng của đội mình.

- Sau 2 phút, đội nào tìm được nhiều từ biểu đạt đồng nghĩa hơn là đội có thùng đầy, đội còn lại có thùng vơi.
- Tiếp tục chơi như vậy với các từ khác.
- Đội nào có nhiều lần được thùng đầy hơn là đội chiến thắng.

3. Vật liệu gợi ý để trưởng trò giao cho các nhóm chơi:

Buồn - vui - êm - cứng - nặng - nhẹ...

Chó - mèo - lợn - hổ...

Khỏe - ốm - sống - chết...

Buổi tối, cha mẹ chơi với con, ông bà chơi với cháu, anh chị chơi với em, bè bạn chơi với nhau... để tăng vốn từ, tăng khả năng dùng từ linh hoạt, đừng phí thời giờ vào những trò chơi kém văn hóa!

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Biểu đạt đồng nghĩa ở cấp độ CÂU

Tình huống:

Cô giáo ốm, đi cấp cứu ở bệnh viện. Học sinh đến thăm xin được vào. Người lớn không đồng ý.

CÓ NHỮNG CÁCH NÓI CÂU ĐỒNG NGHĨA NÀO?



- Cho chúng cháu vào!
- Cho vào! Cho vào đi! Cho vào đi!
- Cô giáo chúng cháu có làm sao không ạ?
- Bác sĩ ơi! Chúng cháu lo lắm. Cho chúng cháu vào thăm cô giáo!
- Chúng cháu hứa không làm ồn ạ!
Xin cho chúng cháu vào!
- Gì mà chí chóc lóc xóc thế?
- Không cho ai vào hết! Bệnh viện chứ cái chợ à?
- Cô giáo đã chết đâu mà cuống lên!
- Đóng cổng lại!
- Nhẹ nhàng thôi nào... Các cháu muốn vào thăm cô giáo à?
Để cô nghỉ đã nhé!

NGÔN NGỮ XÃ GIAO

Luyện tập biểu đạt đồng nghĩa ở cấp độ CÂU

1. Em thay thế các câu nói sau của học sinh muốn vào thăm cô giáo trong bệnh viện bằng những câu đồng nghĩa lịch sự:
 - Cho vào! Cho vào! Cho vào!
 - Yêu cầu cho vào!
 - Cho vào ngay!
2. Em thay thế các câu sau của người trong bệnh viện khi đáp lại lời các em học sinh bằng những câu đồng nghĩa lịch sự:
 - Không cho ai vào hết!
 - Bệnh viện chứ cái chợ à?
 - Đã chết đâu mà lo?
3. Các em đóng kịch diễn cảnh học sinh bàn nhau cử người vào nói với bệnh viện xin vào thăm cô giáo, dặn nhau chú ý nói sao cho khéo léo, lịch sự, văn minh.
4. Các em đóng kịch diễn cảnh người trong bệnh viện bàn nhau cử người ra nói với các em học sinh đang xin vào thăm cô giáo, dặn nhau chú ý nói với các cháu nhỏ sao cho khéo léo, lịch sự, văn minh.
5. Các em thi tìm câu đồng nghĩa lịch sự:



“Chị ơi, ở đây...”

- a. Thay thế cách nói CẤM. Trong ba phút, thi xem ai tạo được nhiều câu đồng nghĩa lịch sự hơn cả. Chơi dần với từng câu CẤM sau:
- Cấm đổ rác!
 - Cấm hút thuốc!
 - Cấm họp chợ!
 - Cấm đá bóng!
 - Cấm câu cá!
 - Cấm chụp ảnh!
 - Cấm nói to!
 - Cấm vẽ bậy!
- b. Thay thế cách nói tùy tiện, thiếu văn minh. Chơi dần với từng câu sau:
- Bắt được ai đổ rác sẽ phạt nặng cho biết tay!
 - Hút thuốc ở đây phạt 200 nghìn!
 - Phạt nặng cho chùa cái tội phóng nhanh vượt ẩu!
- c. Thi trong 5 phút mỗi em viết một đoạn văn năm câu để chê một cách quảng cáo thiếu văn minh đang diễn ra tại địa phương các em đang sống.

BÀI HỌC CUỐI NĂM

TỰ NGHIÊN CỨU - TỰ TỔNG KẾT MÔN TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC

Việc 1 - Đọc thâm tài liệu

Con rắn trắng

Ngày xưa có một ông vua nổi tiếng trong cả nước là khôn ngoan. Không cái gì là vua không biết, dường như gió đưa lại cho vua những tin tức bí mật nhất.

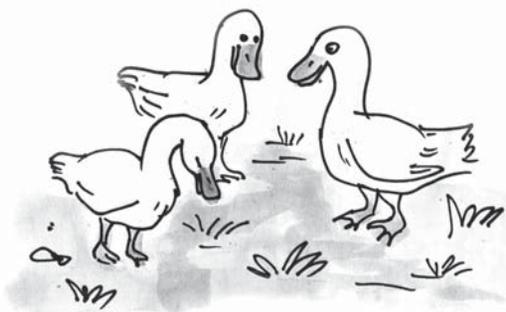
Vua có một thói quen kỳ lạ. Sau bữa ăn trưa, khi đã dọn bàn xong, không còn ai nữa thì một người hầu tin cẩn bưng thêm vào cho vua một cái bát. Bát đây kín, ngay người hầu cũng không biết trong có gì. Cũng chẳng ai được biết, vì vua đợi đến khi chỉ còn một mình mới mở ra ăn.

Cứ thế mãi tới một hôm, người hầu quá tò mò, khi bưng bát, không nhịn được nữa, đã đem bát về buồng mình. Anh ta khóa cửa cẩn thận rồi mở nắp ra, thấy ở trong có một con rắn trắng. Anh giữ mồm không được, muốn ném thũ bèn cắt một miếng bỏ mồm. Anh vừa động lưỡi thì nghe thấy ở bên cửa sổ có tiếng nói rì rào là lạ. Anh lại nghe, thì ra chim sẻ chuyện trò với nhau, kể cho nhau nghe chúng đã thấy gì ở đồng ruộng và ở núi rừng. Thì ra chính vì anh ta ăn rắn mà hiểu được tiếng nói loài vật.

Đúng ngày hôm đó, hoàng hậu mất chiếc nhẫn đẹp nhất và nghi cho người hầu tin cẩn ấy ăn cắp vì anh ta vẫn được đi lại tự do trong cung. Vua truyền gọi anh đến, mắng anh thậm tệ, hẹn cho đến sáng hôm sau nếu không tìm ra được kẻ gian thì sẽ bị coi là thủ phạm và đem xử tội. Anh kêu oan cũng vô ích, và bị đuổi ra ngoài một cách tàn nhẫn.

Anh lo sợ, xuống sân để nghĩ xem có cách nào thoát không. Ở đây có đàn vịt đang chụm nhau ngồi bên dòng nước vừa rửa lông vừa chuyện trò bù khú. Anh người hầu đứng nghe. Vịt kể lể với nhau sáng nay đi đâu, tìm được món gì ngon. Một con cáu kính nói:

– Bụng tao anh ách khó chịu quá. Trong lúc vội vã, tao nuốt phải cái nhẫ rơi ở dưới cửa sổ hoàng hậu.



Anh người hầu liền tóm ngay cổ con vịt ấy mang vào bếp bảo nhà bếp:

– Bác thịt con này đi nhé, nuôi béo lắm rồi đây!

Nhà bếp nhận lời, nhắc vịt lên xem đã nặng chưa rồi nói:

– Chú mày tọng cho đây, đợi ngày được quay cũng đã lâu rồi đấy!

Bác ta chặt cổ, mổ vịt. Anh người hầu tìm thấy chiếc nhẫ của hoàng hậu trong mề vịt nên việc minh oan cũng dễ dàng. Nhà vua muốn đền bù cho anh, hỏi anh muốn gì và hứa phong cho anh chức tước cao nhất triều đình. Anh ta không nhận mặc dù còn trẻ và đẹp trai. Anh chán ngán không thiết ở lại nữa. Anh chỉ xin một con ngựa và ít tiền ăn đường đi chu du thiên hạ.

Một hôm, anh đi qua một cái ao, thấy có ba con cá bị mắc vào đám sậy, đang thoi thóp. Người ta nói là cá thì câm, vậy mà anh lại nghe thấy chúng than vãn vì bị chết một cách bi thảm như thế. Anh vốn nhân từ, nên xuống ngựa gỡ cá thả xuống nước. Cá vui mừng quẫy, thò đầu lên kêu:

– Cảm ơn ân nhân đã cứu giúp, thế nào chúng tôi cũng xin trả ơn này!

Anh lại cười ngựa đi. Đi một lúc chợt nghe như có tiếng nói ở trên cát, ngay dưới chân. Anh lắng tai nghe thấy kiến chúa than vãn:



– Giá loài người đừng để những con vật thô lỗ đụng đến mình có phải hay không. Cái con ngựa ngu ngốc này lại sắp lấy móng nặng giẫm nát trăm họ của ta mà không chút động lòng đây.

Anh bèn tránh sang bên đường. Kiến chúa kêu:

– Cảm ơn ân nhân, chúng tôi sẽ trả ơn này.

Đi qua rừng, anh thấy quạ bố và quạ mẹ đậu bên tổ, vút lữ quạ con xuống và kêu:

– Cút đi, đồ chết đâm chết chém. Chúng tao không nuôi báo cô chúng mày mãi được. Nhớn rồi, liệu đi mà kiếm ăn lấy!

Tội nghiệp lữ quạ con nằm xoài dưới đất, cố vỗ cánh kêu. Chim con yếu ớt, bay còn chưa nổi, kiếm mồi làm sao được! Thôi thì đành nằm đây chờ chết đói vậy. Anh thanh niên xuống ngựa, rút gươm chém chết ngựa cho quạ con ăn. Quạ con nhảy tới ăn no nê rồi gọi:

– Cảm ơn ân nhân, chúng tôi sẽ trả ơn này.

Anh đành đi bộ, đi mãi tới một thị trấn lớn. Trong phố có tiếng ồn ào, nhân dân xô nhau nghe một người cưỡi ngựa đến báo là công chúa kén chồng, ai muốn hỏi cưới phải làm một việc rất khó, nếu chẳng may

không làm được thì toi mạng. Có nhiều người đã thử nhưng đều bị chết. Anh thanh niên trông thấy công chúa đẹp lộng lẫy, thì mê mẩn cả người, quên hết nguy hiểm, đến tâu vua xin làm rể. Người ta đưa anh ra bể, vứt một chiếc nhẫn vàng xuống nước ngay trước mắt anh. Nhà vua truyền cho anh mò chiếc nhẫn lên và phán:



- Nếu nhà ngươi lên tay không thì sẽ lại bị ném xuống bể cho đến khi chết đuối.

Mọi người đều tiếc cho đời chàng thanh niên đẹp trai. Anh ở lại bờ biển một mình, đang nghĩ xem nên làm gì thì bỗng thấy có ba con cá bơi lại. Chính là ba con cá mà anh đã cứu trước đây. Con bơi giữa ngậm ở mồm một con hến và đặt hến lên bãi bể bên chân anh. Anh cầm hến lên mở ra thì thấy ở trong có chiếc nhẫn vàng.

Anh mừng lắm, đem nhẫn dâng vua, nghĩ bụng chắc là nhà vua giữ lời hứa thưởng cho mình. Nào ngờ công chúa vốn kiêu kỳ, thấy anh không phải môn đăng hộ đối, khinh rẻ anh và bắt anh phải làm việc khó thứ hai. Nàng vào vườn, rắc mồi bị kê xuống cỏ và bảo:

- Từ giờ đến sớm mai, trước khi mặt trời mọc, anh phải nhặt cho kỳ hết kê, không được thiếu hạt nào.

Anh thanh niên ngồi trong vườn nghĩ mãi không biết làm như thế nào. Anh rầu rĩ ngồi đợi sáng cho người ta dẫn ra pháp trường. Ánh bình

minh vừa chiếu vào vườn thì anh thấy mười bị kê đây xếp cạnh nhau, không thiếu hạt nào. Thì ra đêm ấy, kiến chúa đã cùng hàng nghìn vạn kiến quân kéo đến. Các con vật biết ơn đã cùn cù nhặt kê bỏ vào bị. Công chúa đích thân xuống vườn xem. Nàng hết sức ngạc nhiên thấy anh thanh niên đã làm được việc mình giao cho. Nhưng nàng vẫn chưa hết kiêu kỳ, lại bảo:

– Tuy anh đã làm được hai việc, nhưng muốn lấy ta thì còn phải dâng ta một quả táo trường sinh.

Anh không biết cây ở đâu, nhưng cũng đành lên đường nhắm mắt đưa chân một cách tuyệt vọng. Anh đã đi qua cả nước, một tối kia tới một khu rừng. Anh ngồi xuống gốc cây, định đánh một giấc. Bỗng thấy trên cành cây có tiếng rào rào, rồi một quả táo vàng rơi vào tay anh. Cùng lúc có ba con quạ sà xuống, đậu lên đầu gối anh, nói:

– Chúng tôi là ba quạ con mà ân nhân đã cứu khỏi chết đói. Chúng tôi nay đã lớn, thấy ân nhân đi tìm quả táo trường sinh, vội vượt bể đến tận cùng thế giới là nơi có cây trường sinh để hái quả táo này.

Anh thanh niên mừng lắm, mang táo về dâng công chúa xinh đẹp. Nàng không còn hoạnh hợ gì được nữa, đem cắt đôi quả táo cùng anh ăn. Lòng nàng bỗng tràn ngập tình yêu. Hai vợ chồng hưởng hạnh phúc cho đến lúc đầu bạc răng long.

(Kho tàng truyện cổ tích thế giới)

Việc 2 - Tự luyện tập

1. Trong bài có nói về con rắn, con vịt, con chim... Em cho biết: đây có phải một bài nghiên cứu về con vật (động vật học) giống như bài về mắt chim của Võ Quý?
2. Những nội dung về cải tạo giống lúa, về con mắt loài chim, về hiện tượng lai giống đậu Hà Lan của Mendel, về động vật và

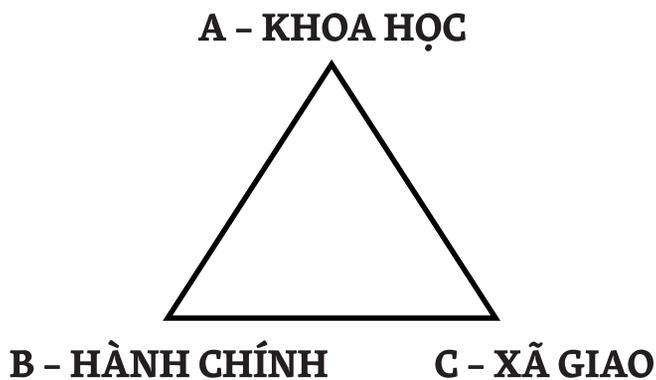
thực vật được Darwin khảo sát... thuộc dạng hoạt động ngôn ngữ kiểu gì?

3. Dạng hoạt động ngôn ngữ mang nội dung khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội nói tới những điều gì con người có thể kiểm chứng và có thể làm lại được? Các em cùng nhau tìm ví dụ.

Việc 3 - Tự đến với cái Mới

Trong bài “Con rắn trắng”, các em bắt gặp câu chuyện với những chi tiết hoang đường giống như những tác phẩm nào các em đã học? Đó là ngôn ngữ gì?

Các em đã biết ba dạng hoạt động ngôn ngữ của con người:



Dạng hoạt động ngôn ngữ giống như bài *Con rắn trắng* là một dạng hoạt động ngôn ngữ khác của con người. Ngôn ngữ khoa học, hành chính, xã giao dùng cách **NÓI THẲNG** vào sự vật. Ngôn ngữ nghệ thuật dùng **CÁCH NÓI ẨN DỤ**. Các em học **NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT** trong môn **VĂN**.

TỰ NGHIÊN CỨU - TỰ TỔNG KẾT MÔN TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC

Việc 1 - Đọc thâm tài liệu

Chuyện Dã Tràng

Ngày xưa, ở tỉnh Sơn Tây, có người thợ săn tên là Dã Tràng thường ngày vào rừng săn bắn, hay đi qua một cái hang rắn, trong đó có một con đực và một con cái mình đen lốm đốm trắng. Một hôm, anh ta thấy con rắn cái lột xác, thì con rắn đực săn sóc, đi tìm mồi về cho.

Lần sau, anh ta thấy con rắn đực lột xác thì con rắn cái không ở nhà trông nom, lại đi với một con rắn đực khác. Anh ta giận con rắn cái lang chạ, mới giương cung bắn chết. Con rắn đực đã khỏe, đợi không thấy vợ về mới đi tìm, thì thấy chết ở ngoài rừng, trên mình mang một mũi tên, xem biết là của Dã Tràng, mới bò đến nhà anh ta định cắn để trả thù.



Con rắn chồng còn đang nằm rình trên mái nhà thì nghe Dã Tràng nói với vợ rằng: “Hôm nay tôi đi săn gặp một chuyện buồn cười về loài rắn: Con cái lột xác thì con đực trông nom, kiếm mồi về cho, còn đến khi

con đực lột xác thì con cái bỏ đi với con đực khác. Thấy thế, tôi tức mình bắn chết con cái...” Rắn đực nghe thấy thế, biết vợ mình chết là đáng tội, không báo thù nữa, bỏ đi. Hôm sau, Dã Tràng thấy một con rắn đến nhà cho mình một viên ngọc sáng lòa trong bóng tối.

Dã Tràng nghe nói là có ngọc rắn thì nghe hiểu biết được tiếng loài vật, sáng hôm sau mới bỏ vào miệng ngậm đi săn. Vừa đến rừng, anh đã nghe tiếng chim quạ nói với nhau trên cây: “Phía đằng đông, cách đây một dặm, có con nai bị thương, có ai thấy không?”

Dã Tràng nghe theo lời quạ đi đến nơi, quả nhiên thấy một con nai vàng đang hấp hối, liền giết thịt con nai. Con quạ bay theo nói: “Cho tôi bộ lòng! Cho tôi bộ lòng!”. Dã Tràng lấy bộ lòng nai đem ơn mách bảo cho quạ.

Hôm sau, Dã Tràng trở vào rừng, quạ lại chỉ nơi cho anh tìm nai, rồi cứ thế mà ngày nào anh cũng đem về nhà được rất nhiều thịt rừng. Dã Tràng và quạ thành đôi bạn liên minh, và anh không quên mỗi lần dành cho quạ bộ đồ lòng của con thú săn được.

Một hôm, phần thịt để cho quạ bị chó rừng đến trước tha mất, quạ tưởng Dã Tràng đã quên công mình mới bay đến nhà để trách đòi. Dã Tràng bảo có, quạ bảo không, rồi đôi bên cãi nhau to tiếng. Thấy quạ nói hỗn, Dã Tràng liền lấy cung bắn, trong lúc giận nên bắn trượt. Quạ mới bay theo cặp mũi tên rơi, kêu lớn: “Ta báo thù! Ta báo thù!” Vài hôm sau, có lệnh trên bắt Dã Tràng hạ ngục. Người ta vừa thấy một thây ma trôi sông trên bụng có ghim một mũi tên khắc họ tên của Dã Tràng. Anh ta biết ngay là quạ trả thù mình, hết sức kêu oan song vẫn bị tống giam.

Ở trong ngục, anh nghe lũ chim sẻ đậu trên mái ngói nhà tù nói với nhau rằng có nhiều kho lúa nhà vua không giữ cẩn thận đã bị chim kéo đến ăn sạch. Dã Tràng bèn xin gặp viên quan coi ngục để kể lại việc này.

Ban đầu ông quan không tin, song đến khi nghe nói các lã lúa trong hoàng cung mất sạch mới biết là Dã Tràng đã nói đúng.

Sau đó, Dã Tràng nghe lữ kiến bảo nhau là sắp có lụt to, anh liền đem chuyện này thưa với viên quan coi ngục. Lần này viên quan vội vã tâu lên vua để tìm cách đề phòng thiên tai. Ba hôm sau, quả nhiên mưa to gió lớn, nước sông dâng lên tràn ngập khắp nơi.

Vua cho đòi Dã Tràng đến, anh ta cứ thực tình kể lại đầu đuôi, từ việc răn cho ngục đến việc quạ báo thù, và dâng viên ngọc răn lên vua xem. Vua mượn viên ngọc để thử, thì nghe được tiếng chim ở vườn ngự uyển chuyện trò với nhau, lấy làm thích thú lắm, phong tước cho Dã Tràng và giữ lại bên mình. Từ ngày có viên ngọc, vua mãi mê đi khắp nơi để nghe tiếng nói của các loài chim muông đủ mọi giống bay trên trời, bò chạy dưới đất. Dã Tràng nhờ thế mà được sống một quãng đời an nhàn, vui thú.

Ban đầu, vua say mê tìm nghe loài vật chuyện trò, nhận thấy chúng cũng chẳng khác gì loài người, cũng có những ham muốn, những khốn khổ, những vô lý như người ta, nên rồi vua cũng đâm chán.

Một hôm, vua muốn nghe tiếng nói của các loài ở dưới nước, mới ngự thuyền rồng ra biển, có Dã Tràng cùng đi theo. Các giống thủy tộc cũng như các loài ở trên đất, thường nói năng chẳng nghĩa lý gì hoặc chỉ nói để làm hại lẫn nhau.

Một buổi trưa, vua thấy một con cá mực bơi theo thuyền rồng mà hát khúc ca ngợi các làn mây trôi trên biển trời xanh. Trông con mực uốn éo ca những lời đẹp đẽ, vua bật cười làm rơi viên ngọc xuống biển. Dã Tràng cuống cuống tuyệt vọng, nhà vua cũng chặc lưỡi tiếc uổng. Các tay bơi lội giỏi trong nước lập tức được gọi đến để mò viên ngọc dưới đáy biển, nhưng đều uổng công.



Dã Tràng thấy không tìm lại được viên ngọc, bỏ ăn, bỏ ngủ, ngày đêm ngơ ngẩn như kẻ mất hồn, nảy ra ý muốn lấp biển để tìm của quý. Anh ta mượn cả ngàn người xe cát đổ xuống biển sâu. Lúc đầu vua còn thấy tội nghiệp, để mặc cho anh làm, song thấy công việc nông cuồng của Dã Tràng kéo dài vô ích nên bỏ mặc anh ta. Còn lại một mình, Dã Tràng ngày đêm ra sức gánh cát lấp biển để tìm lại ngọc, cho đến khi buồn rầu kiệt sức lăn ra chết.

Sau đó, người ta thấy hiện ra ở bãi biển một giống cua nhỏ ngày đêm cứ xe cát hết hòn này đến hòn nọ, bị sóng dạt vào cuốn đi, lại đào lại xe. Cứ thế mà liên miên theo với sóng biển ngàn đời không dứt. Người ta cho rằng Dã Tràng đã đầu thai hóa kiếp làm loài cua nhỏ ấy, cố công cố sức ngày đêm lấp biển để tìm lại viên ngọc đã mất, mới đặt tên giống cua này là Dã Tràng. Trong dân gian ngày nay còn để lại câu hát nhắc nhở đến việc ấy:

Dã Tràng xe cát bể đông,
Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì.

(Truyện cổ tích Việt Nam)

Việc 2 - Tự luyện tập

1. Các em cho biết: dạng hoạt động ngôn ngữ như trong bài *Dã Tràng* giống với bài *Con rắn trắng* ở chỗ nào và khác với bài *Mắt chim* ở chỗ nào?
2. Các em thử tự đưa ra định nghĩa của mình đi: NGÔN NGỮ ẢN DỤ là gì? Gợi ý cách định nghĩa: các em lấy những ví dụ cụ thể để đi tới định nghĩa.
3. Mời các em viết bài để trả lời câu hỏi này - cũng là để tổng kết việc học ngôn ngữ của em trong cả năm năm bậc Tiểu học:
QUA MÔN TIẾNG VIỆT, CÁC EM BIẾT ĐƯỢC CON NGƯỜI CÓ NHỮNG KIỂU HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ GÌ?

Hãy tự đánh giá bài viết của em trước khi nộp cô giáo:

Em hiểu và yêu
tiếng Việt

Em đã hiểu
tiếng Việt

Em rất yêu
tiếng Việt

TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC

Tên Hội thảo

DỪNG NGÔN NGỮ CHÍNH XÁC VÀ TINH TẾ

Tư tưởng của Hội thảo

Nhà văn Pháp Boileau nói:

*“Có ý rõ trong đầu thì tự khắc nói ra được
rành rọt mạch lạc,
và ngôn từ cứ thế tuôn ra...”*

Đề tài báo cáo khoa học gợi ý cho các em (không bắt buộc):

Đề tài 1 – Từ thuần Việt có khả năng diễn đạt như thế nào?

Đề tài 2 – Có thể hoàn toàn dùng từ thuần Việt trong cuộc sống được không?

Đề tài 3 – Em đã học được gì sau năm năm học môn Tiếng Việt ở bậc Tiểu học.

Đề tài 4 – Phê phán cách dùng ngôn ngữ xã giao trong lứa tuổi học sinh.

Đề tài 5 – Sau năm năm học Tiểu học, giới thiệu ý tưởng của nhà văn Pháp Boileau về Tư duy và Hoạt động Ngôn ngữ

Gợi ý các hoạt động khác

Hoạt động 1 – Điều tra thống kê ngôn ngữ

1. Điều tra thống kê trên một bài báo để chỉ ra có những từ nào, trong câu nào có thể dùng từ thuần Việt thay cho từ Hán-Việt hoặc từ mượn của nước ngoài.
2. Điều tra thống kê trong một buổi phát thanh để chỉ ra có những trường hợp nào có thể dùng từ thuần Việt thay cho từ Hán-Việt hoặc từ mượn của nước ngoài.
3. Điều tra thống kê trên một trang sách để chỉ ra có những từ nào, trong câu nào có thể dùng từ thuần Việt thay cho từ Hán-Việt hoặc từ mượn của nước ngoài.

Hoạt động 2 – Thi viết bài về từ Hán-Việt

Nghĩ ra một câu chuyện mà câu đầu và câu kết là một trong số các thành ngữ Hán-Việt sau:

- *Công thành danh toại.*
- *Nhất tị vi sư bán tị vi sư.*
- *Tứ hải giai huynh đệ.*
- *Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại.*
- *Khổ tận cam lai.*
- *Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy.*

Hoạt động 3 – Thi ngôn ngữ cơ thể (kịch câm)

Đề tài do các em nghĩ ra.

Tạm biệt các em!



Nghỉ hè, hãy ngắm nghĩ về những điều đã học!
Ở bậc Tiểu học, em đã biết
cách học Tiếng Việt theo tinh thần ngôn ngữ học rồi,
thì chuyện ở lớp Sáu chỉ là...

MỤC LỤC

Lời dẫn bạn dùng sách.....	5
Bài mở đầu ÔN TẬP VỀ TỪ, CÂU VÀ VĂN BẢN TIẾNG VIỆT	7
Bài 1 HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ	50
Bài 2 NGÔN NGỮ KHOA HỌC	70
Bài 3 NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH	109
Bài 4 NGÔN NGỮ XÃ GIAO	133
Bài học cuối năm.....	149
Mục lục	163